|  |  |
| --- | --- |
| LIÊN DANH TƯ VẤN XÂY DỰNG QUY HOẠCH TỈNH QUẢNG TRỊ THỜI KỲ 2021-2030 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHỤ LỤC**

**GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý (Lần thứ 3 và thứ 4) CỦA CÁC SỞ BAN NGÀNH VỚI BÁO CÁO CUỐI KỲ LẦN 1 và BÁO CÁO HỘI THẢO QUY HOẠCH TỈNH QUẢNG TRỊ THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*Căn cứ các công văn:*

1. *Số 878/UBND-TH ngày 18/07/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đakrông*
2. *Số 1174/SCT-QLNL ngày 18/07/2022 của Sở Công thương*
3. *Số 708/STTTT-VP ngày 18/07/2022 của Sở Thông tin và truyền thông*
4. *Số 1722/SLĐTBXH-GDNNBĐG ngày 18/07/2022 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội*
5. *Số 455/CTK-TKTH ngày 18/07/2022 của Cục thông kê Quảng Trị*
6. *Số 1325/SGTVT-KHTC ngày 19/07/2022 của Sở Giao thông vận tải*
7. *Số 484/BDT-KHTH ngày 19/07/222 của Ban Dân tộc*
8. *Số 1992/QTPC-KT ngày 19/07/2022 của Công ty Điện lực Quảng Trị*
9. *Số 1140/KKT-QHTN ngày 19/07/2022 của Ban Quản lý khu kinh tế*
10. *Số 2173/BCH-TM ngày 18/07/2022 của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Trị - Quân khu 4*
11. *Số 949/UBND-TCKH ngày 20/07/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Trị*
12. *Số 932/SNgV-VP ngày 20/07/2022 của Sở Ngoại vụ*
13. *Số 1270/UBND-KTHT ngày 20/07/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Linh*
14. *Số 39/BC-LHH ngày 19/07/2022 của Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Quảng Trị*
15. *Số 469/SKHCN-VP ngày 19/07/2022 của Sở Khoa học và Công nghệ*
16. *Số 941/UBND-TH ngày 22/07/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Hải Lăng*
17. *Số 1625/SNN-KHTC ngày 22/07/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*
18. *Số 1447/CAT-PC07 ngày 22/07/2022 của Công an tỉnh Quảng Trị*
19. *Số 2440/STNMT-VP ngày 27/07/2022 của Sở Tài nguyên và Môi Trương*
20. *Số 2430/UBND-TH ngày 02/08/2022 của Ủy ban nhân huyện Triệu Phong*
21. *Số 1307/SCT-QLNL ngày 08/08/2022 của Sở Công thương*
22. *Số 1152/UBND-TH ngày 22/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Gio Linh*

**Liên danh tư vấn** xin giải trình và tiếp thu – điều chỉnh các nội dung hồ sơ quy hoạch, theo các ý kiến góp ý như sau:

**MỤC LỤC**

[I. VĂN BẢN GÓP Ý CÁC SỞ, BAN NGÀNH 4](#_Toc115160097)

[1.1. Sở Thông tin và truyền thông (Văn bản số 708/STTTT-VP ngày 18/7/2022) 4](#_Toc115160098)

[1.2. Sở Lao đông – Thương binh và Xã Hội (Văn bản số 1722/SLĐTBXH-GDNNBĐG ngày 18/7/2022) 4](#_Toc115160099)

[1.3. Cục Thống kê Quảng Trị (Văn bản số 455/CTK-TKTH ngày 18/7/2022) 4](#_Toc115160100)

[1.4. Sở Giao thông vận tải (Văn bản số 1325/SGTVT-KHTC ngày 19/7/2022) 7](#_Toc115160101)

[1.5. Sở Văn hóa, Thể theo và Du lịch (Văn bản số 1132/SVHTTDL-VP ngày 19/5/2022) 10](#_Toc115160102)

[1.6. Sở Công thương (Văn bản số 1174/SCT-QLNL ngày 18/7/2022) (lần 1) 12](#_Toc115160103)

[1.7. Sở Công thương (Văn bản số 1307/SCT-QLNL ngày 08/08/2022) (lần 2) 14](#_Toc115160104)

[1.8. Công ty Điện lực tỉnh Quảng Trị (Văn bản số 1992/QTPC-KT ngày 19/07/2022) 15](#_Toc115160105)

[1.9. Ban quản lý khu kinh tế (Văn bản số 1140/KKT-QHTN ngày 19/7/2022) 17](#_Toc115160106)

[1.10. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (Văn bản số 2173/BCH-TM ngày 18/7/2022) 19](#_Toc115160107)

[1.11. Liên hiệp hội khoa học và kỹ thuật (Văn bản số 39/BC-LHH ngày 19/7/2022) 20](#_Toc115160108)

[1.12. Sở Khoa học và Công nghệ (Văn bản số 469/SKHCN-VP ngày 19/7/2022) 23](#_Toc115160109)

[1.13. Ban Dân tộc (Văn bản số 484/BDT-KHTH ngày 19/7/2022) 37](#_Toc115160110)

[1.14. Sở Ngoại vụ (Văn bản số 632/SNgV-VP ngày 20/7/2022) 37](#_Toc115160111)

[1.15. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Văn bản số 1625/SNN-KHTC ngày 22/7/2022) 41](#_Toc115160112)

[1.16. Sở Tài nguyên và Môi trường (Văn bản số 244/STNMT-VP ngày 27/7/2022) 85](#_Toc115160113)

[Về bản đồ 100](#_Toc115160114)

[1.17. Công an tỉnh Quảng Trị (Văn bản số 1447/CAT-PC07 ngày 22/7/2022) 101](#_Toc115160115)

[II. VĂN BẢN GÓP Ý CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ 104](#_Toc115160116)

[2.1. Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Trị (Văn bản số 949/UBND-TCKH ngày 20/7/2022) 104](#_Toc115160117)

[2.2. Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Linh (Văn bản số 1270/UBND-KTHT ngày 20/7/2022) 105](#_Toc115160118)

[2.3. Ủy ban nhân dân huyện Triệu Phong (Văn bản số 2430/UBND-TH ngày 02/8/2022) 109](#_Toc115160119)

[2.4. Ủy ban nhân dân huyện Hải Lăng (Văn bản số 941/UBND-TH ngày 22/7/2022) 110](#_Toc115160120)

[2.5. Ủy ban nhân dân huyện Đakrông (Văn bản số 878/UBND-TH ngày 18/7/2022) 121](#_Toc115160121)

[2.6. Ủy ban nhân dân huyện Gio Linh (Văn bản số 1152/UBND-TH ngày 22/8/2022) 127](#_Toc115160122)

# VĂN BẢN GÓP Ý CÁC SỞ, BAN NGÀNH

## Sở Thông tin và truyền thông (Văn bản số 708/STTTT-VP ngày 18/7/2022)

Phúc đáp Công văn số 1420/SKH-TH ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến đối với *Báo cáo cuối kỳ lần 1 Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050*; sau khi nghiên cứu dự thảo Báo cáo, Sở Thông tin và Truyền **cơ bản thống nhất với nội dung và bố cục** của bản dự thảo nêu trên.

## Sở Lao đông – Thương binh và Xã Hội (Văn bản số 1722/SLĐTBXH-GDNNBĐG ngày 18/7/2022)

Sau khi nghiên cứu Văn bản, Sở Lao động - TB&XH tham gia như sau:

| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Đề nghị đơn vị tư vấn điều chỉnh lại tiêu đề của Bản thuyết minh đề xuất lại là: Thực trạng và phương án quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; | Tư vấn tiếp thu chỉnh sửa |
| 2 | Bỏ nội dung Tại điểm 1, Mục I, Phần thứ hai: Thực trạng thu hút nguồn nhân lực (Chỉ đánh giá thực trạng mạng lưới các cơ sở GDNN); | Tư vấn tiếp thu chỉnh sửa |
| 3 | 3. Tại Phần thứ tư (Trang 21) cần điều chỉnh lại tiêu đề: “Phương hướng phát triển, thu hút nguồn nhân lực” thành “Phương án quy hoạch và phát triển mạng lưới cơ sở GDNN” | Tư vấn tiếp thu chỉnh sửa |

4. Các nội dung khác thống nhất theo Văn bản của đơn vị tư vấn

## Cục Thống kê Quảng Trị (Văn bản số 455/CTK-TKTH ngày 18/7/2022)

Thực hiện văn bản số 1420/SKH-TH ngày 13/7/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư, sau khi nghiên cứu dự thảo Báo cáo cuối kỳ lần 1 Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Cục Thống kê có một số ý kiến như sau:

| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Bố cục:  **- Mục 5.1 Phương hướng phát triển ngành công nghiệp** đã có nội dung về định hướng phát triển công nghiệp sản xuất VLXD nhưng lại có thêm mục riêng tại **Mục 5.5 Phương án phát triển ngành vật liệu xây dựng;** số liệu tăng trưởng tại 2 mục không thống nhất với nhau (9-10%/năm và 4-5%/năm); | Tư vấn đã tiếp thu, chỉnh sửa |
|  | **- Mục 5.5 Phương án phát triển ngành vật liệu xây dựng và Mục 5.6 Phương án phát triển ngành khai thác khoáng sản:** Đây là hai lĩnh vực thuộc ngành Công nghiệp do đó không nên tách thành hai mục riêng mà chuyển thành các mục nhỏ trong **Mục 5.1 Phương hướng phát triển ngành công nghiệp;** | Theo Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt, nội dung **Vật liệu xây dựng và Khai thác khoáng sản** được đề cập là một chuyên đề riêng, và cũng do tầm quan trọng và yêu cầu nghiên cứu sâu cho ngành này, nên nội dung này được trình bày riêng. |
|  | **- Mục 9.6 Sắp xếp, phân bố không gian các khu nghĩa trang, khu xử lý chất thải liên huyện** nhưng nội dung không có phần về nghĩa trang. | Quy hoạch nghĩa trang tỉnh quảng trị không định hướng nghĩa trang có tính chất liên huyện |
| 2 | Số liệu đánh giá thực trạng cần cập nhật mới vừa mang tính thời sự, vừa phản ánh được thực tế của tỉnh: Các số liệu về hiện trạng kinh tế - xã hội năm 2020 tại Dự thảo đang sử dụng số liệu sơ bộ, nay đã có số liệu chính thức năm 2020 tại Niên giám Thống kê năm 2021, đề nghị cập nhật lại số liệu năm 2020. | Số liệu dân số toàn Tỉnh và các thành phố/thị xã/huyện trên địa bàn tỉnh đã được cập nhật số liệu năm 2020 tại Niên giám thống kê năm 2021. |
| 3 | - Kinh tế số: Tại Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, định hướng các chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 nêu mục tiêu "Kinh tế số chiếm khoảng 20% GDP", do đó kinh tế số đang là xu hướng tất yếu trong thời đại 4.0, là mục tiêu quan trọng trong phát triến kinh tế, đề nghị các mục tiêu phát triển kinh tế số (kinh tế số chiếm 10% GRDP đến năm 2025 và 15% GRDP tại các trang 427, 429) của **Mục 6.5 Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông** chuyển đến **Mục 3.6.1 Một số mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về kinh tế.** | Tư vấn đã tiếp thu, chỉnh sửa |
| 4 | **- Mục 5.3 Phương án phát triển ngành thương mại - dịch vụ** nội dung thiếu phần phát triển về dịch vụ, nên bổ sung định hướng phát triển hệ thống dịch vụ lưu trú, ăn uống, vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng, mua sắm... vừa phục vụ nhu cầu tại chỗ vừa đáp ứng nhu cầu phục vụ ngành du lịch. | Đã bổ sung định hướng phát triển các dịch vụ lưu trú, ăn uống, vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng, mua sắm,…vào điểm d, mục 5.2. Phương hướng phát triển ngành du lịch – trang 341-342 trong Thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tỉnh Quảng Trị.  Bổ sung nội dung về phát triển thương mại dịch vụ tại **Mục 5.3.2.Giải pháp phát triển thương mại nội địa Trang 343.** |
| 5 | - Tại **Mục 3.6.3 Các chỉ tiêu phát triển đô thị đến năm 2030** số liệu Tổng quy mô dân số đô thị là 725.000 người, mâu thuẫn với **Mục 3.6.2. Các mục tiêu, chỉ tiêu về xã hội:** số liệu dự báo quy mô dân số đến 2030 đạt khoảng trên 700.000 người. | - Tiếp thu và đã chỉnh sửa nội dung tại mục 3.5.3. Các chỉ tiêu về phát triển đô thị đến năm 2030:  + Tổng quy mô dân số đô thị (bao gồm dân số chính thức và dân số khác – dân số có sử dụng quỹ nhà ở hoặc chia sẻ thời gian sử dụng nhà ở trong đơn vị ở,…) 372.100 người.  + Dân số chính thức của các đô thị: 273.600 người – phù hợp với mục tiêu phát triển dân số của tỉnh đến năm 2030 đạt khoảng 700.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa: 39% |
| 6 | - Tại **Mục 3.3.1. Các kịch bản phát triển tỉnh:** có 03 kịch bản phát triển và tại **Mục 6.12.1. Phương án phát triển về dân số** có 03 kịch bản dự báo dân số được xây dựng trên cơ sở 03 kịch bản phát triển của tỉnh. Do đó tại các Bảng Dự báo GRDP bình quân/người của các kịch bản cần bám số liệu dân số dự báo theo phương án tương ứng.  Tương tự: Việc lựa chọn Kịch bản 3 - Phương án tăng trưởng KHÁ phù hợp với dự báo dân số theo phương án 2, do đó tại Mục 3.6. Một số mục tiêu, chỉ tiêu phát triển cụ thể... cần thống nhất số liệu về dân số theo phương án đã chọn. | - Các phương án dự báo dân số đã được điều chỉnh phù hợp với 03 kịch bản phát triển kinh tế của tỉnh. |
| 7 | Qua các phương án tăng trưởng chưa thấy có sự đột phá theo Nghị quyết Đại hội lần thứ XVII của Đảng bộ tỉnh, nhất là mục tiêu xây dựng Quảng Trị trở thành Trung tâm năng lượng của miền Trung vào năm 2030. | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã bổ sung tại mục ***3.2.2. Mục tiêu tổng quát phát triển tỉnh*** |

## Sở Giao thông vận tải (Văn bản số 1325/SGTVT-KHTC ngày 19/7/2022)

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội nghị ngày 12/7/2022 và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 1420/SKH-TH ngày 13/7/2022 về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Báo cáo cuối kỳ lần 1, Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Sở Giao thông vận tải có ý kiến như sau:

| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Trên cơ sở đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 04/SKH-TH ngày 09/5/2022, Sở Giao thông vận tải đã có Văn bản số 891/SGTVT-KHTC ngày 23/5/2022 tham gia ý kiến đối với Báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Qua rà soát, Tư vấn lập quy hoạch tỉnh đã cơ bản tiếp thu, cập nhật hoàn thiện nội dung quy hoạch phát triển giao thông vận tải trong Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; tuy nhiên vẫn còn một số nội dung đề nghị Tư vấn khẩn trương hoàn thiện, bổ sung vào quy hoạch để triển khai thực hiện, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh:  - Quy hoạch Khu bến Vịnh Mốc, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị;  - Quy hoạch Khu bến chuyên dùng Triệu Lăng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; | Tư vấn tiếp thu bổ cập |
| 2 | Một số nội dung khác: | |
|  | - Đề nghị cập nhật bổ sung một số thông tin về quy hoạch Đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà: Dự án được UBND tỉnh thống nhất bổ sung vào Quy hoạch phát triển GTVT tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 tại Văn bản số 226/UBND-CN ngày 19/01/2021; quy mô mặt cắt ngang quy hoạch của Dự án được UBND tỉnh chấp thuận tại Văn bản số 907/UBNDCN ngày 16/3/2018 như sau: Đoạn từ ĐT.575a đến Bắc sông Vĩnh Phước có mặt cắt ngang rộng 59,0m *(gồm: 02 làn xe cơ giới rộng 11,5m/làn, 02 làn đường gom rộng 7,0m/làn, giải phân cách giữa rộng 2,0m, giải phân cách làn cơ giới với đường gom rộng 4,0m x 2 bên và vĩa hè mỗi bên rộng 6,0m)*; các đoạn từ đầu tuyến đường ĐT.575a và đoạn từ Bắc sông Vĩnh Phước đến cuối tuyến có mặt cắt rộng 24,0m *(gồm: 02 làn xe cơ giới rộng 10,5m/làn, giải phân cách giữa rộng 2,0m, lề đất mỗi bên rộng 0,5m)*. Đến cuối năm 2019, Dự án đã được đầu tư xây dựng hoàn thành 02 đoạn tuyến dài 5,02km (gồm: đoạn từ QL.9 tại Km10+187/QL.9 đến Nam cầu sông Hiếu dài 3,061km và đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến cuối tuyến giao với QL.1 tại Km763+170/QL.1 dài 1,959km) với quy mô đường cấp III đồng bằng (nền đường rộng 12,0m, mặt đường rộng 11,0m); đoạn 13,2km/TMĐT: 399,96 tỷ từ đầu tuyến giao với QL.1 tại Km741+107/QL.1 đến giao với Quốc lộ 9 tại Km10+187/QL.9; và đoạn tuyến dài 4,2km từ Nam cầu sông Hiếu đến đường Nguyễn Hoàng đã được UBND tỉnh giao Sở GTVT lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư tại Văn bản số 3161/UBND-KT ngày 07/7/2022. Tư vấn nghiên cứu, đề xuất quy mô đầu tư cho từng giai đoạn đảm bảo phù hợp nhu cầu và nguồn lực đầu tư. | Tư vấn tiếp thu cập nhật |
|  | - Đường tránh phía Tây Quốc lộ 1, tỉnh Quảng Trị đã được UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đường tránh phía Tây Quốc lộ 1, tỉnh Quảng Trị vào Quy hoạch phát triển Giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và cập nhật vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050 tại Văn bản số 2370/UBND-KT ngày 26/5/2022; đề nghị tư vấn cập nhật, đồng thời nghiên cứu, đề xuất quy mô đầu tư theo từng giai  đoạn đảm bảo phù hợp với nhu cầu và năng lực của địa phương. | Nội dung này đã được Tư vấn định hướng phát triển trong hồ sơ Quy hoạch. Theo đó, Tuyến tránh phía Tây QL1 được quy hoạch có chiều dài khoảng 54km theo tiêu chuẩn đường cấp III.ĐB. Giai đoạn đầu kiến nghị đầu tư Đoạn từ ĐT576 đến ĐT 579 với chiều dài khoảng 18km. |
|  | - Đề nghị tư vấn rà soát, thống nhất nội dung giữa Thuyết minh quy hoạch phát triển giao thông vận tải và Thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; | Tư vấn tiếp thu rà soát |
|  |  |  |

## Sở Văn hóa, Thể theo và Du lịch (Văn bản số 1132/SVHTTDL-VP ngày 19/5/2022)

Thực hiện Công văn số 1420/SKH-TH ngày 13/7/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Báo cáo cuối kỳ lần 1 Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham gia ý kiến góp ý như sau:

| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Cơ bản thống nhất với dự thảo Báo cáo cuối kỳ lần 1 Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. | |
| 2 | Tham gia sửa đổi, bổ sung thêm một số nội dung: | |
|  | Trang 3 Tại dòng 14 trên xuống: Bỏ “Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND….”, thay thế bằng: “Nghị quyết số 167/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh về đầu tư bảo tồn, tôn tạo, chống xuống cấp hệ thống di tích lịch sử văn hóa tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022 – 2025”. | Tiếp thu ý kiến góp ý, đơn vị tư vấn đã thay thế Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND bằng Nghị quyết số 167/NQ-HĐND ngày 09/12/2021.  *(Cụ thể tại mục II. Cơ sở pháp lý lập nội dung đề xuất – trang 3 trong Nội dung đề xuất văn hóa thể thao).* |
|  | Trang 11 dòng 3 từ dưới lên: Sửa đoạn “Di tích Quốc gia: có 20/20 di tích ….tuy nhiên còn sơ sài” thành “Một số di tích hồ sơ pháp lý còn sơ sài, chưa được điều chỉnh bổ sung và hoàn thiện theo quy định hiện hành vì thế tính pháp lý của hồ sơ chưa cao”. | Đơn vị tư vấn đã chỉnh sửa theo ý kiến góp ý.  *(Cụ thể tại điểm 1, mục III, Chương I – trang 11 trong Nội dung đề xuất văn hóa thể thao).* |
|  | Trang 12 tại dòng 1: Sửa đoạn “Di tích cấp tỉnh: có 84/475 di tích đã hoàn thành công tác lập hồ sơ…” Sửa lại là “Di tích cấp tỉnh: có 135/476 đã có hồ sơ khoa học và pháp lý, số di tích chưa có hồ sơ khoa học và pháp lý là 341/476”. | Đơn vị tư vấn đã chỉnh sửa theo ý kiến góp ý.  *(Cụ thể tại điểm 1, mục III, Chương I – trang 12 trong Nội dung đề xuất văn hóa thể thao).* |
|  | Trang 12 Tại dòng 6: Sửa đoạn “Đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích: đang được thực hiện theo ……... xã hội hóa” sửa lại là “Đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích trong giai đoạn 2013-2020, được thực hiện theo Nghị quyết 17……… xã hội hóa” (hiện nay Nghị quyết 17 đã hết hiệu lực). | Đơn vị tư vấn đã chỉnh sửa theo ý kiến góp ý.  *(Cụ thể tại điểm 1, mục III, Chương I – trang 12 trong Nội dung đề xuất văn hóa thể thao).* |
|  | Trang 12 dòng 2 từ dưới lên: Sửa cụm từ “Di tích cấp tỉnh: 58/475 di tích” thành “Di tích cấp tỉnh: 58/476 di tích”. | Đơn vị tư vấn đã chỉnh sửa theo ý kiến góp ý.  *(Cụ thể tại điểm 1, mục III, Chương I – trang 12 trong Nội dung đề xuất văn hóa thể thao).* |
|  | Trang 13 dòng 13 từ trên xuống: Quảng Trị là một trong những địa phương có nhiều di tích QGĐB.... Đề nghị bỏ cụm từ “đứng thứ 3 cả nước, sau Hà Nội (có 17 di tích) và Quảng Ninh (có 5 di tích)”. Lý do: số liệu không chính xác (hiện tại có: Hà Nội 18 di tích QGĐB, Quảng Ninh 06 di tích QGĐB, Thanh Hóa 05 di tích QGĐB, Bắc Giang 05 di tích QGĐB, Nghệ An 05 di tích QGĐB, Quảng Nam 04 di tích QGĐB, Bắc Ninh 04 di tích QGĐB, Hải Dương 04 di tích QGĐB). Quảng Trị có 04 di tích QGĐB, đứng thứ 6 cả nước cùng với các tỉnh: Quảng Nam, Bắc Ninh, Hải Dương. (nội dung này Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tham gia tại Công văn số 749/SVHTTDL-VP ngày 16/5/2022 nhưng chưa được sửa) | Đơn vị tư vấn đã chỉnh sửa theo ý kiến góp ý.  *(Cụ thể tại điểm 1, mục III, Chương I – trang 13 trong Nội dung đề xuất văn hóa thể thao).* |
|  | - Trang 15 dòng thứ 4 từ trên xuống: Tách đoạn “Các lễ hội trên địa bàn tỉnh….Lễ giỗ Tổ đình sắc Tứ Tịnh Quang” thành 2 ý:  + Các lễ hội dân gian truyền thống trên địa bàn tỉnh chưa thật phong phú về loại hình, số lượng lễ hội không lớn, chủ yếu một số lễ hội dân gian truyền thống như: ….  + Các lễ hội cách mạng như: …. Là những lễ hội lớn thu hút du khách trong và ngoài nước, góp phần phát triển kinh tế du lịch ở địa phương. | Đơn vị tư vấn đã chỉnh sửa theo ý kiến góp ý.  *(Cụ thể tại điểm 1, mục III, Chương I – trang 14-15 trong Nội dung đề xuất văn hóa thể thao).* |
|  | - Trang 53 Tại mục 2.2. Mục tiêu cụ thể. 2.2.1. Về văn hóa: đề nghị sửa đổi số liệu thành:  + Đến năm 2025, ….20% di tích quốc gia, 10% di tích cấp tỉnh.  + Đến năm 2030…30% di tích quốc gia, 15% di tích cấp tỉnh.  + Đến năm 2050…90% di tích quốc gia, 50-60% di tích cấp tỉnh… | Tiếp thu ý kiến góp ý, đơn vị tư vấn đã chỉnh sửa mục tiêu cụ thể về di sản văn hóa theo góp ý.  *(Cụ thể tại mục 2.2 Mục tiêu cụ thể, 2.2.1. Về văn hóa - trang 53 trong Nội dung đề xuất văn hóa thể thao).* |
|  | Trang 55 - 56 dòng 3 từ dưới lên: Đoạn “Về xếp hạng di tích: ….01 di tích QGĐB” nên sửa lại thành: “Về xếp hạng di tích: Lựa chọn các di tích trọng điểm đề nghị xếp hạng di tích QGĐB, di sản thế giới nhằm nâng tầm giá trị và làm giàu văn hóa Quảng Trị. Đến năm 2025, có thêm ít nhất 01 di tích QGĐB, 01 di tích QG. Đến năm 2030, có ít nhất thêm 01 di tích QGĐB, 01 di tích QG”. | Đơn vị tư vấn đã chỉnh sửa theo ý kiến góp ý.  *(Cụ thể tại mục 1.1. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa - trang 55 trong Nội dung đề xuất văn hóa thể thao).* |
|  |  |  |

## Sở Công thương (Văn bản số 1174/SCT-QLNL ngày 18/7/2022) (lần 1)

Dự thảo Báo cáo cuối kỳ lần 1 Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Trị gửi kèm theo văn bản nêu trên cơ bản đã được Đơn vị tư vấn tiếp thu bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến tham gia của Sở Công Thương tại Văn bản số 734/SCTQLNL ngày 18/5/2022. Tuy nhiên, còn tồn tại một số nội dung sau.

| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- |
| **1** | **Đối với Phương án phát triển thương mại tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050:** | |
|  | - Để nghị đơn vị tư vấn, phối hợp với Sở Công Thương trong việc rà soát, cập nhật và tích hợp các dự án trong lĩnh vực thương mại trên địa bàn tỉnh (bao gồm các dự án đã đầu tư, đã có quyết định chủ trương đầu tư nhưng chưa thực hiện hoàn thành và các dự án đang làm thủ tục đầu tư...) vào quy hoạch chung của tỉnh. Đồng thời, đề nghị đơn vị tư vấn nghiên cứu đề xuất thêm các dự án có quy mô, mang tính chiến lược và có tác động tích cực đến hoạt động thương mại dịch vụ của tỉnh, để tỉnh có thể triển khai thu hút đầu tư, hiện thực hóa. | Rà soát, cập nhật và tích hợp thêm các dự án thương mại tại **Danh mục các dự án ưu tiên thu hút đầu tư ( Từ Trang 753 đến Trang 756)** trong Thuyêt minh tổng hợp và tại **PHỤ LỤC 4 - Danh mục các dự án đầu tư phát triển hạ tầng thương mại giai đoạn 2021-2030 (Trang 115)** trong thuyết minh chuyên đề |
|  | - Trong phần giải pháp Báo cáo thực trạng và phương án phát triển thương mại tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (lần 3), đơn vị tư vấn có viện dẫn đến một số văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh (như Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND tỉnh; Quyết đính số 39/2016/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của UBND tỉnh...) không còn phù hợp, nhiều văn bản đã được bãi bõ nên đề nghị đơn vị tư vấn phối hợp với cơ quan chuyên môn rà soát lại. | Rà soát, chỉnh sửa lại văn bản trích dẫn tại **mục 1. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước (Trang 94); mục 3. Giải pháp về vốn (Trang 95)** trong thuyết minh tổng hợp và tại mục **b. Giải pháp về vốn (Trang 346)** trong thuyết minh chuyên đề |
| **2** | **Đối với Phương án phát triển điện lực tỉnh Quảng Trị** | |
|  | Dự thảo Báo cáo Quy hoạch tỉnh Quảng Trị chưa có phần Quy hoạch phát triển điện lực lưới điện phân phối trung và hạ áp sau các trạm biến áp 110kV. Quy hoạch tỉnh là cơ sở để các ngành, địa phương làm căn cứ đầu tư phát triển lưới điện trên địa bàn của tỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà. Vì vậy, Sở Công Thương đề nghị Đơn vị tư vấn nghiên cứu, xem xét cập nhật, bổ sung phần Quy hoạch phát triển điện lực lưới điện phân phối trung và hạ áp sau các trạm biến áp 110kV vào Quy hoạch tỉnh đảm bảo theo các quy định của nhà nước hiện hành. | Trong phạm vi lập Quy hoạch tỉnh phần sử dụng đất chỉ là "Phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện" và Quy hoạch mạng lưới giao thông chỉ nghiên cứu từ đường tỉnh trở lên; Để bổ sung, nghiên cứu quy hoạch mạng lưới điện trung và hạ áp trong quy hoạch tỉnh thì không đủ căn cứ để triển khai (sử dụng đất, đường giao thông...), do đó trong đồ án, đơn vị tư vấn đã bổ sung định hướng (các nguyên tắc cơ bản) thiết kế quy hoạch mạng lưới điện trung, hạ áp sau trạm 110kV, nội dung cụ thể mạng lưới điện trung và hạ áp sẽ được nghiên cứu ở các giai đoạn lập quy hoạch tiếp theo, như: trong các Quy hoạch chung xây dựng đô thị và các Quy hoạch xây dựng vùng huyện... |
| **3** | **Đối với Phương án phát triển các khu, cụm công nghiệp, làng nghề** | |
|  | Đề nghị bổ sung danh sách các dự án phát triển, xây dựng Cụm công nghiệp vào Báo cáo chung. Lưu ý Cụm công nghiệp có quy mô diện tích 10- 75ha; Trừ các Cụm công nghiệp làng nghề, vùng sâu xa thì có diện tích 5-75ha. | Tư vấn đã tiếp thu bổ sung trong danh mục dự án ưu tiên đầu tư phần phụ lục |
|  |  |  |

## Sở Công thương (Văn bản số 1307/SCT-QLNL ngày 08/08/2022) (lần 2)

| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong Hồ sơ dự thảo Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 được Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi lấy ý kiến mới đề cập cấp điện áp 110kV của mạng lưới điện phân phối, chưa đề cập đến mạng lưới điện phân phối dưới cấp điện áp 110kV; cụ thể là lưới điện phân phối trung và hạ áp sau các trạm biến áp 110kV. Qua hai lần tham gia góp ý, Sở Công Thương đã có ý kiến gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Đơn vị tư vấn xem xét bổ sung nội dung Phần lưới điện phân phối trung và hạ áp nêu trên tại các Văn bản số 734/SCT-QLNL ngày 18/5/2022 và Văn bản số 1174/SCT-QLNL ngày 18/7/2022; nhưng hiện chưa được Đơn vị tư vấn tiếp thu để bổ sung.  Trong Quy hoạch tỉnh, Phương án phát triển mạng lưới cấp điện được quy định tại điểm e, khoản 2, điều 27 Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017 bao gồm: Các công trình cấp điện và mạng lưới truyền tải điện đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; mạng lưới điện truyền tải và lưới điện phân phối. Tại khoản 2, điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018, quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập nội dung phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh. Vì vậy, Sở Công Thương kính để nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư yêu cầu Đơn vị tư vấn lập Quy hoạch tỉnh xem xét bổ sung Phần lưới điện phân phối trung và hạ áp sau các trạm biến áp 110kV vào Quy hoạch tỉnh đảm bảo theo các quy định của nhà nước hiện hành. | Trong phạm vi lập Quy hoạch tỉnh phần sử dụng đất chỉ là "Phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện" và Quy hoạch mạng lưới giao thông chỉ nghiên cứu từ đường tỉnh trở lên; Để bổ sung, nghiên cứu quy hoạch mạng lưới điện trung và hạ áp trong quy hoạch tỉnh thì không đủ căn cứ để triển khai (sử dụng đất, đường giao thông...), do đó trong đồ án, đơn vị tư vấn đã bổ sung định hướng (các nguyên tắc cơ bản) thiết kế quy hoạch mạng lưới điện trung, hạ áp sau trạm 110kV, nội dung cụ thể mạng lưới điện trung và hạ áp sẽ được nghiên cứu ở các giai đoạn lập quy hoạch tiếp theo, như: trong các Quy hoạch chung xây dựng đô thị và các Quy hoạch xây dựng vùng huyện... |

## Công ty Điện lực tỉnh Quảng Trị (Văn bản số 1992/QTPC-KT ngày 19/07/2022)

Công ty Điện lực Quảng Trị (QTPC) nhận được văn bản số 1420/SKH-TH ngày 13/07/2022 của Sở kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Báo cáo cuối kỳ lần 1 Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Qua rà soát dự thảo trên, Công ty Điện lực Quảng Trị có ý kiến góp ý như sau:

| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Bản đồ hiện trạng lưới điện tỉnh chưa có TBA 110kV Cam Lộ  *Đề xuất: Cập nhật lại bản đồ có TBA 110kV Cam Lộ* | Đơn vị tư vấn Viện Năng lượng tiếp thu ý kiến của Công ty Điện lực Quảng Trị và cập nhật bổ sung trong phiên bản báo cáo tiếp theo |
| 2 | Mục 1.1.1.4 (trang 18/131), mục 1.1.3.6 (trang 31/131) cập nhật hiện trạng lưới điện đảo Cồn Cỏ chưa chính xác  *Đề xuất:*  *- Diesel: có 04 MF Diesel với tổng công suất 1200kVA (2 x 500kVA + 2x 100kVA).*  *- Hệ thống ĐMTMN: 55kWp* | Đơn vị tư vấn Viện Năng lượng tiếp thu ý kiến của Công ty Điện lực Quảng Trị và cập nhật bổ sung trong phiên bản báo cáo tiếp theo |
| 3 | Bảng 1- 4. Hiện trạng vận hành các đường dây 110 kV tỉnh Quảng Trị (trang 20/131) cập nhật chưa chính xác  *Đề xuất: Cập nhật bổ sung, thay đổi các đường dây 110kV hiện trạng khi có trạm 220kV Lao Bảo và Trạm 110kV Cam Lộ đã đưa vào vận hành.* | Đơn vị tư vấn Viện Năng lượng tiếp thu ý kiến của Công ty Điện lực Quảng Trị và cập nhật bổ sung trong phiên bản báo cáo tiếp theo |
| 4 | Trang 119/131 mục 6.3.2.2 tính toán xem xét bổ sung trạm 110kV Cửa Tùng  *Đề xuất: Xây dựng trạm 110kV Cửa Tùng và đường dây 110kV đấu nối có liên kết đấu nối hệ thống cáp ngầm 110kV từ trạm Cửa Tùng đến TBA 110kV Cồn Cỏ*  *Trong sơ đồ, đường dây 110kV đấu nối sau trạm 220kV Vĩnh Linh đi thẳng ra đảo Cồn Cỏ* | Đơn vị tư vấn Viện Năng lượng tiếp thu ý kiến của Công ty Điện lực Quảng Trị và cập nhật bổ sung trong phiên bản báo cáo tiếp theo |
| 5 | Đề nghị bổ sung mục: “Phương án phát triển lưới điện trung áp” theo đề nghị tại văn bản số 1358/QTPC-KT ngày 17/5/2022 của Công ty Điện lực Quảng Trị  *Đề xuất:*  *1. Bổ sung quy hoạch chi tiết lưới 22kV toàn tỉnh giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến 2050.*  *2. Bổ sung mục chuyển toàn bộ lưới 35kV còn lại sang vận hành 22kV - Giai đoạn 2021-2025*  *3. Bổ sung khai thác các XT 22kV sau các trạm 110kV của NLTT và Thủy điện - Giai đoạn 2021-2025 (LIG Quảng Trị, Các nhà máy Điện gió phía tây Quảng Trị…)*  *Tránh trường hợp khái thác các XT 22, 35kV sau các TBA 110kV NLTT vướng quy hoạch không khai thác được.* | Trong phạm vi lập Quy hoạch tỉnh phần sử dụng đất chỉ là "Phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện" và Quy hoạch mạng lưới giao thông chỉ nghiên cứu từ đường tỉnh trở lên; Để bổ sung, nghiên cứu quy hoạch mạng lưới điện trung và hạ áp trong quy hoạch tỉnh thì không đủ căn cứ để triển khai (sử dụng đất, đường giao thông...), do đó trong đồ án, đơn vị tư vấn đã bổ sung định hướng (các nguyên tắc cơ bản) thiết kế quy hoạch mạng lưới điện trung, hạ áp sau trạm 110kV, nội dung cụ thể mạng lưới điện trung và hạ áp sẽ được nghiên cứu ở các giai đoạn lập quy hoạch tiếp theo, như: trong các Quy hoạch chung xây dựng đô thị và các Quy hoạch xây dựng vùng huyện... |
|  |  |  |

## Ban quản lý khu kinh tế (Văn bản số 1140/KKT-QHTN ngày 19/7/2022)

| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Theo đó, Ý tưởng Điều chỉnh quy hoạch chung Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị tỉnh Quảng Trị được đưa ra theo hướng phân chia thành 04 phân khu với các chức năng cụ thể gồm: Phân Khu sân bay và đô thị sân bay; Phân Khu du lịch; Phân Khu doanh nghiệp; Phân Khu năng lượng.  Vì vậy, BQL Khu kinh tế đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo đơn vị tư vấn phối hợp cùng với BQL Khu kinh tế để xem xét, cập nhật ý tưởng điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị vào Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đặc biệt các khu vực đang thu hút các dự án lớn, trọng điểm của tỉnh như: khu vực sân bay, khu vực công nghiệp đa ngành (Nhà máy thép, Khu công nghiệp sinh thái Capella, nhà máy kính...). | Theo những nghiên cứu đánh giá về điều kiện tự nhiên, khung hạ tầng kỹ thuật quốc gia, cũng như tiềm năng, khó khăn và lợi thế của các vùng sinh thái và của dải ven biển nói chung và khu vực KKT Đông Nam nói riêng QH Tỉnh đã đề xuất:  - Trong phạm vi KKT, chỉ kế thừa, phát huy các nội dung đầu tư phát triển hiện hữu hoặc đang trong quá trình triển khai thực hiện. Đề xuất phát triển công nghiệp tại khu vực KCN Triệu Phú thuộc huyện Triệu Phong đã được phê duyệt chủ trương đầu tư; KCN khí, công nghiệp năng lượng (vị trí nhà máy nhiệt điện) và cảng Mỹ Thủy thuộc huyện Hải Lăng. Những khu vực còn lại đề xuất phục hồi môi trường rừng cồn cát ven biển, kết hợp với dịch vụ du lịch, nông nghiệp công nghệ cao và phát triển dân cư đan xen trong vùng sinh thái được phục hồi.  - Công nghiệp được đề xuất ưu tiên bố trí ở vùng đồng bằng cao và trung du, tại những khu vực còn quỹ đất, nhưng không nằm trong lưu vực của các hồ thuỷ lợi, thuận lợi kết nối giao thông liên vùng có tính khả thi cao (như đường sắt, đường bộ quốc gia) , đồng thời thuận lợi kết nối theo hướng Đông - Tây, tận dụng được hầu hết hạ tầng khung kỹ thuật quan trọng của tỉnh, thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa.  - Ngoài ra, các KCN này được bố trí với khoảng cách đến các đô thị lân cận không lớn và được kết nối giao thông thuận tiện sẽ tạo việc làm cho người dân, thu hút lực lượng lao động, thúc đẩy sự phát triển kinh tế và đô thị hóa của các tiểu vùng ven biển đến trung du. |
|  | Dự kiến điều chỉnh các chỉ tiêu đất quy hoạch như sau: đất công nghiệp tăng từ 3497ha lên 6321ha, đất du lịch tăng từ 1697ha lên 1775ha, công viên và không gian mở (nông nghiệp) tăng từ 3643ha lên 5720ha, nông nghiệp giảm từ 7769ha xuống 1640ha..., | Phân khu khu kinh tế Đông Nam tiếp thu chỉnh sửa theo góp ý của BQL: Dự kiến điều chỉnh các chỉ tiêu đất quy hoạch đất chủ yếu gồm: công nghiệp tăng từ 3497ha lên 6321ha, du lịch tăng từ 1697ha lên 1775ha, công viên và không gian mở (nông nghiệp) tăng từ 3643ha lên 5720ha, nông nghiệp giảm từ 7769 xuống 1640ha... tuy nhiên trong Phương án phân bổ đất đai đến năm 2030 đưa vào sử dụng thêm: Đất khu công nghiệp Dự kiến điều chỉnh các chỉ tiêu đất quy hoạch đất chủ yếu gồm: công nghiệp 1.642 ha, đất năng lượng (nhà máy nhiệt điện 505 ha, nhà máy điện khí 355 ha, dự án dịch vụ, du lịch, cảng,.... Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo phân khu theo Quyết định số 495/QĐ-TTg phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch khu kinh tế đặc biệt Lao Bảo đến năm 2025 và theo chỉ tiêu quốc gia phân bổ 15.804 ha. bỏ từ tăng thêm 102 ha. |
| 2 | Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị được Thủ tướng Chính phủ đồng ý lựa chọn thuộc trong 08 khu kinh tế cửa khẩu trọng điểm để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tại Công văn số 1804/TTg-CN ngày 18/12/2020. Phương án đơn vị tư vấn đưa ra tăng thêm 102ha dành cho xây dựng khu phi thuế quan, thương mại, dịch vụ hậu cầu logistics chưa phù hợp. Việc nghiên cứu, bố trí quỹ đất quy hoạch khu phi thuế quan, thương mại, dịch vụ, hậu cầu logistics... nên thực hiện trong cục bộ Khu kinh tế, không nên điều chỉnh quy mô Khu kinh tế, đồng thời nên xem xét đề xuất diện tích lớn để đảm bảo nhu cầu xây dựng và phát triển của Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo nói chung và Cửa khẩu quốc tế Lao Bảo nói riêng trong tương lai. | Trong phương án Phân bổ đất đai, khu kinh tế đặc biệt Lao Bảo QH theo đúng chỉ tiêu phân bổ quốc gia và theo đúng QĐ của Thủ tướng là 15.804 ha ha, không tăng thêm, giảm đi theo QĐ, trong GĐ 2021-2030 đưa nhu cầu sử dụng các loại đất trong khu kinh tế Lao Bảo.  Tư vấn bỏ từ và tăng 102 ha cho phần đất dành cho xây dựng khu phi thuế quan, thương mại, dịch vụ, hậu cần logistic tại khu KTTM đặc biệt Lao Bảo. |

## Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (Văn bản số 2173/BCH-TM ngày 18/7/2022)

Ngày 15.7/2022 Bộ CHQS tỉnh nhận được công văn số 1420/SKH-TH ngày 13/7/2022 (hỏa tốc) của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng trị về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo báo cáo cuối kỳ lần 1 quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Qua nghiên cứu hồ sơ các văn bản liên quan Bộ CHQS tỉnh có ý kiến như sau:

| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Phần XII (trang 726); Mục 12.3.2 (trang 731): danh mục các dự án ưu tiên từ ngân sách và danh mục thu hút đầu tư cấp tỉnh theo thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện dự án; Mục VII (trang 745): về lĩnh vực quốc phòng, an ninh đề nghị bổ sung danh mục: *( trong văn bản góp ý)* | Đơn vị tư vấn tiếp thu và chỉnh sửa tại mục 12.3.2 |
| 2 | Các danh mục phát triển kinh tế - xã hội đề nghị khi triển khai đầu tư xác định rõ ranh giới từng dự án lập quy hoạch, tổ chức thẩm định đúng quy trình. Về mặt quốc phòng thẩm định theo dự Nghị định 164/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 của Chính phủ về kết hợp quốc phòng với kinh tế-xã hội và kinh tế-xã hội với quốc phòng và các văn bản quy định của Bộ quốc phòng. | Đơn vị tư vấn tiếp thu và bổ sung vào mục *13.3.1. Tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch* |

## Liên hiệp hội khoa học và kỹ thuật (Văn bản số 39/BC-LHH ngày 19/7/2022)

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh về việc tham gia góp ý thuyết minh báo cáo cuối kỳ lần 1 “Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh tham gia môt số ý kiến như sau:

| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- |
|  | - Về hiện trạng và bối cảnh phát triển; Báo cáo đã đánh giá tổng hợp về hiện trạng cũng như chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức về phát triển tỉnh Quảng Trị. Tuy nhiên phần đánh giá hiện trạng và bối cảnh quá dài, vì vậy đề nghị đơn vị tư vấn cần nghiên cứu, biên tập, sắp xếp lại phần này đảm bảo đầy đủ, tinh gọn và súc tích hơn. | Đơn vị tư vấn tiếp thu rà soát, sắp xếp, rút ngắn lại phần hiện trạng và bối cảnh phát triển |
|  | - Quảng Trị thuộc vùng Bắc Trung Bộ, là tỉnh có dân số ít, nền kinh tế còn chưa phát triển, tỷ lệ đô thị hóa thấp và có vị trí nằm giữa các tỉnh có nền kinh tế đã và đang phát triển, yêu cầu đặt ra là phát triển kinh tế nhưng vẫn phải bảo vệ các giá trị lịch sử. Từ thực trạng nêu trên cần xác định vị trí, xuất phát điểm của tỉnh Quảng Trị rõ ràng hơn trong chuỗi động lực phát triển quốc gia và vùng miền. Từ đó xác định được mô hình (cân bằng, tập trung mũi nhọn), chiến lược, lĩnh vực (logistic, năng lượng tái tạo, sinh thái...) phát triển của tỉnh để thể hiện tính đột phá của quy hoạch. | Trong báo cáo TH đã đánh giá vị trí 3 khu vực kinh tế của Quảng trị so với vùng Bắc Trung bộ |
|  | - Về lĩnh vực nông nghiệp: cần bám sát hơn nữa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, Nghị quyêt Hội đồng nhân dân tỉnh, chiến lược phát triển quốc gia về trồng lúa nước trong nông nghiệp, cần tính toán cụ thể để đảm bảo dư địa cho không gian phát triển ngành nông nghiệp đến năm 2030 và 2050. | Đơn vị tư vấn sẽ nghiên cứu nội dung, tiếp thu ý kiến góp ý |
|  | - Về lĩnh vực lâm nghiệp: về mục tiêu độ che phủ rừng phải phù hợp với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và cần có mục tiêu cụ thể về phát triển rừng đến năm 2030 để tỉnh Quảng Trị trở thành trung tâm nguyên liệu rừng trồng. | Đơn vị tư vấn sẽ nghiên cứu nội dung, tiếp thu ý kiến góp ý |
|  | -Về giao thông vận tải:  + Cần đánh giá lợi thế về phát triển cảng Mỹ Thủy. | Đơn vị tư vấn tiếp thu và bổ sung |
|  | + Xem xét, đánh giá lại hàng lang kinh tế Đông - Tây, định hướng thế nào để hình thành trung tâm logistics ở tỉnh Quảng Trị, quy mô và tính chất như thế nào? | Xây dựng và hình thành các trung tâm logistics tại khu vực thành phố Đông Hà, Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo, cửa khẩu quốc tế La Lay nhằm nâng cao hiệu quả kết nối giữa tỉnh Quảng Trị với các tỉnh thành trong cả nước và các nước trên tuyến hành lang kinh tế Đông Tây. |
|  | + Hiện nay, trên địa tỉnh Quảng Trị đang có nhiều dự án quy hoạch về đường bộ và đường sắt như: Cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo, Quốc lộ 15D, tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam, tuyến đường sắt liên vận quốc tế kết nối Lào tới cảng Mỹ Thủy qua cửa khẩu Lao Bảo.. .Do dó cần xem xét, đánh giá cụ thể trong quy hoạch để có định hướng về vấn đề tổ chức không gian, tránh trường hợp quy hoạch chồng chéo, chồng lấn, ảnh hướng đến tiến độ thực hiện các dự án do phải tiến hành rà soát, thống nhất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đền bù, giải phóng mặt bằng... | Đơn vị tư vấn tiếp thu và bổ sung |
|  | -Về phương án phát triển đô thị:  + Xem xét, đánh giá lại nguồn lực để phát triển các đô thị trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 (đặc biệt là các đô thị loại V). Hầu hết các đô thị này có quy mô diện tích chưa đạt chuẩn theo cấp đơn vị hành chính quy định tại Nghị quyết1211/ƯBTVQH13 ngày 25/5/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội, do đó, đề nghị nghiên cứu phương án mở rộng ranh giới để đảm bảo định hướng phát triển đô thị cũng như đảm bảo tiêu chuẩn đơn vị hành chính. | Các đô thị này được hình thành trước khi Nghị quyết 1211/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 có hiệu lực, vì vậy mà tiêu chí về quy mô diện tích và dân số còn chưa đạt so với loại đô thị tương đương theo Nghị quyết. Đây là vấn đề chung của nhiều đô thị trong tỉnh cũng như trên cả nước. Tuy nhiên, do đã được công nhận là thành phố, thị xã, thị trấn, hoạt động ổn định trong thời gian dài, việc chia tách hay sáp nhập địa giới sẽ gây ra những xáo trộn trong công tác quản lý hành chính và đời sống người dân.  Trong các giai đoạn quy hoạch sắp tới, có thể phát triển mở rộng không gian đô thị về phía các xã lân cận. Phạm vi mở rộng ranh giới hành chính cần phải được nghiên cứu và xác định cụ thể trong các bước quy hoạch tiếp theo, căn cứ vào tình hình phát triển thực tế của từng đô thị cần tập trung huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng đô thị, phát triển kinh tế - xã hội. |
|  | + Hiện nay, thị xã Quảng Trị đang là đô thị loại IV. Tuy nhiên theo định hướng quy hoạch thì đến năm 2030 và thậm chí đến năm 2050 thì thị xã Quảng Trị vẫn là đô thị loại IV. Do vậy, cần đánh giá, nghiên cứu lại nguồn lực phát triển của thị xã Quảng Trị và có phương án phù hợp để đảm bảo định hướng phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh. | Để đạt tiêu chuẩn đô thị loại III và tieu chuẩn thị xã theo nghị quyết 1211/UBTVQH13, thị xã Quảng Trị cần đảm bảo 10 đơn vị hành chính (hiện trạng đã có 5 đơn vị hành chính bao gồm 4 phường và 1 xã ngoại thị), trong đó có 5 đơn vị hành chính đạt tiêu chuẩn thành lập phường; với quy mô diện tích tự nhiên từ 200km2 trở lên và quy mô dân số từ 100.000 người trở lên. Nếu không mở rộng ranh giói hành chính, với quy mô diện tích như hiện nay thì đến năm 2030, quy mô dân số tăng gấp đôi sau 10 năm là bất khả thi.  Tư vấn đã đề xuất phương án không gian phát triển đô thị của thị xã Quảng Trị về phía Bắc (thuộc huyện Triệu Phong) và phía Nam (thuộc huyện Hải Lăng). Đây sẽ là định hướng để các bước quy hoạch tiếp theo nghiên cứu cụ thể, xác định hướng phát triển của thị xã, trên cơ sở đó thực hiện đề án sáp nhập đơn vị hành chính, đảm bảo tiêu chuẩn thị xã và đô thị loại III. |

## Sở Khoa học và Công nghệ (Văn bản số 469/SKHCN-VP ngày 19/7/2022)

Phúc đáp Công văn số 1420/SKH-TH ngày 13/7/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Trị về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Báo cáo kỳ cuối lần 1 Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Sau khi nghiên cứu, Sở Khoa học và Công nghệ cơ bản nhất trí đối với Thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tỉnh Quảng Trị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 và góp ý thêm một số nội dung như sau:

| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- |
| **I** | **I. ĐỐI VỚI THUYẾT MINH TỔNG HỢP QUY HOẠCH TỈNH QUẢNG TRỊ ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050.** | |
| **1** | **Về căn cứ lập hoạch** | |
|  | - Trang 3: Đề nghị bổ sung: Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 số 29/2013/QHB và Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030. | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã bổ sung tại Căn cứ quy hoạch |
|  | + Trang 161-162:  *Mục 2.8.4.1. Mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ,* đề nghị điều chỉnh như sau:  *- Tổ chức KH&CN:* Tính đến năm 2020, toàn tỉnh Quảng Trị có 10 tổ chức KH&CN trực thuộc quản lý của UBND tỉnh đã đăng ký và được cấp chứng nhận, và 04 đơn vị sự nghiệp tham gia hoạt động KH&CN, 02 tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (Trung tâm KH&CN Quảng Trị, Trung tâm Khoa học Lâm nghiệp Bắc Trung Bộ), 03 doanh nghiệp KH&CN và gần 60 đơn vị khác tham gia hoạt động nghiên cứu triển khai trên địa bàn tỉnh.  \* Tổ chức KH&CN công lập: Theo cơ cấu loại hình sở hữu có 13 đơn vị công lập và 03 đơn vị ngoài công lập; cơ cấu theo lĩnh vực hoạt động Khoa học Kỹ thuật và công nghệ 06 đơn vị, Khoa học Y dược 03 đơn vị, Khoa học Nông nghiệp 04 đơn vị, Khoa học Xã hội 03 đơn vị.  Thực trạng tự chủ của các tổ chức KH&CN: Trong số 13 đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động KH&CN có 03 đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, 07 tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và 01 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên theo các Nghị định quy định của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. 03 đơn vị ngoài công lập, hoạt động theo cơ chế tự chủ của đơn vị tư nhân.  \* Các đơn vị sự nghiệp KH&CN trực thuộc Sở KH&CN*.* gồm (1) Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (trực thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong việc thực hiện các hoạt động sự nghiệp và dịch vụ kỹ thuật về tiêu chuẩn, đo lường, năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa và Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Thông tin KH&CN có chức năng thông tin, thống kê khoa học và công nghệ; Nghiên cứu, ứng dụng, triển khai, chuyển giao công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ và phát triển thị trường KH&CN phục vụ công tác quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh. Đây là những đơn vị, tổ chức giữ vai trò hạt nhân trong hệ thống các tổ chức KH&CN của tỉnh đồng thời cũng là các đơn vị có khả năng thu hút được nguồn nhân lực KH&CN cho toàn tỉnh cũng như giữ được mối liên kết chủ động và có hiệu quả với các cơ quan KH&CN bên ngoài.  \* Các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: Hiện có Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin Khoa học và Công nghệ; các tổ chức KHCN thuộc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh như: Trung tâm khoa học và công nghệ Quảng Trị,Trung tâm Khoa học lâm nghiệp Bắc Trung Bộ; các tổ chức KH&CN ngoài công lập như: Trung tâm Nghiên cứu phát triển nông nghiệp và môi trường...  \* Các cơ sở giáo dục và đào tạo: Tỉnh Quảng Trị hiện có các cơ sở giáo dục - đào tạo gồm các trường cao đẳng, đại học, trung cấp giáo dục, giáo dục nghề nghiệp như Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị, Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị...  \* Các tổ chức dịch vụ KH&CN: Toàn tỉnh có 02 tổ chức dịch vụ KH&CN thuộc các lĩnh vực như: ứng dụng KH&CN; thông tin và thống kê KH&CN; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng trên các lĩnh vực KH&CN....Các tổ chức này đã góp phần quan trọng vào việc thu hút nhân lực KH&CN, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, triển khai và ứng dụng KH&CN trên địa bàn tỉnh.  Tổ chức KH&CN đã có những đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành KH&CN Quảng Trị, góp phần đáp ứng yêu cầu công tác nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới phục vụ sản xuất ở từng lĩnh vực và địa phương trong tỉnh. Tuy nhiên, số tổ chức dịch vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị chưa phát triển về cả số lượng, cũng như chất lượng. Kinh phí đầu tư chủ yếu sử dụng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước; không có tổ chức dịch vụ KH&CN có vốn đầu tư nước ngoài, điều này cho thấy thực trạng năng lực công nghệ và sự hợp tác quốc tế của các tổ chức dịch vụ KH&CN còn rất hạn chế. | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã điều chỉnh tại *2.8.4.1. Mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ* |
|  | + Trang 164, Mục 2.8.4.2: Doanh nghiệp khoa học và công nghệ: Đề nghị điều chỉnh như sau:  Tại nội dung *“Theo thống kê của Cục Thống kê tỉnh Quảng Trị, năm 2018, toàn tỉnh có 1.689 lao động làm việc trong 216 doanh nghiệp hoạt động chuyên môn KH&CN”* đề nghị bỏ cụm từ *“hoạt động chuyên môn KH&CN”* và viết lại là *“Theo thống kê của Cục Thống kê tỉnh Quảng Trị, năm 2018, toàn tỉnh có 1.689 lao động làm việc trong 216 doanh nghiệp ”.*  Ngoài ra, tại mục này, đề nghị bổ sung nội dung sau: *Đến nay, tỉnh đã thành lập được 03 doanh nghiệp KH&CN, gồm: Công ty CP Tống công ty Thương mại Quảng Trị (năm 2017); Công ty TNHH DAVICS (năm 2018) và Công ty TNHH Dược liệu hữu cơ An Xuân (năm 2021)”.* | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã điều chỉnh tại *2.8.4.2: Doanh nghiệp khoa học và công nghệ* |
|  | + Trang 164-165, Mục 2.8.4.3: Xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: đề nghị bổ sung nội dung sau: *“Tố chức Cuộc thi “Khởi nghiệp đối mới sáng tạo ” tỉnh Quảng Trị hàng năm (từ năm 2020 đến nay) nhằm tìm kiếm, hô trợ cho các ý tưởng sáng tạo cấp tỉnh xuất sắc khởi nghiệp đối mới sáng tạo thông qua đặt hàng nhiệm vụ KH&CN nhằm tạo động lực và cung cấp các điều kiện cần thiết hoàn thiện ý tưởng, sản phẩm và mô hình kinh doanh, từng bước hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp ”.* | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã bổ sung tại Mục *2.8.4.3: Xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo* |
|  | - Trang 309-311: Mục 4.4.2.5. Các ngành văn hóa xã hội: Đề nghị bổ sung mục *f) Khoa học và công nghệ* với các nội dung cụ thể sau:  *- Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển KH,CN&ĐMST, thúc đẩy phát triển mô hình sản xuất mới, kinh tế số, xã hội số.*  *- Phát triển mạnh mẽ, đồng bộ khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, công nghệ thông tin và chuyển đối số; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, trong đó tập trung phát triển các lĩnh vực, công nghệ ưu tiên, có khả năng ứng dụng cao như công nghệ sinh học, năng lượng mới, chuyển đối số, sàn giao dịch thương mại điện tử...*  *- Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực KH&CN chất lượng cao, nhất là đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành trên các lĩnh vực mũi nhọn.*  *- Phát triển tài sản trí tuệ gắn với phát triển thị trường KH&CN, thúc đẩy phát triển chuôi giá trị các sản phẩm chủ lực của tỉnh.*  *- Tập trung xây dựng và nâng cao năng lực các tố chức KH&CN; xây dựng và vận hành có hiệu quả các hệ sinh thái ĐMST. Hô trợ xây dựng Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN và Trường Cao đẳng Kỹ thuật tỉnh trở thành các Trung tâm nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ. Phát triển vườn ươm khởi nghiệp đối mới sáng tạo thuộc Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN tỉnh.*  *- Phát triển KH,CN&ĐMST theo cơ chế thị trường, hướng trọng tâm vào doanh nghiệp. Nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp, lấy doanh nghiệp làm chủ thể của hoạt động ứng dụng KH&CN.* | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã bổ sung tại Mục *Mục 4.4.2.5. Các ngành văn hóa xã hội* |
| **II** | **ĐỐI VỚI QUY 'HOẠCH PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TỈNH QUẢNG TRỊ, THỜI KỲ 2021­2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050.** | |
|  | - Trang 02, Bảng 1: Số lượng các nhiệm vụ KH&CN đã thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2020 đề nghị sửa lại:   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | **2016** | **2017** | **2018** | **2019** | **2020** | | **1. Tổng số nhiệm vụ KH&CN** | **140** | **149** | **195** | **23** | **19** | | Trong đó:  - Số đề tài/đề án KH&CN |  |  | 192 | 16 | 11 | | - Số dự án KH&CN |  |  | 3 | 7 | 8 | | **2. Chia theo cấp quản lý** |  |  |  |  |  | | - Cấp quốc gia | 0 | 0 | 3 | 0 | 0 | | - Cấp bộ | 1 | 2 |  | 0 | 1 | | - Cấp tỉnh | 10 | 2 | 10 | 14 | 11 | | - Cấp cơ sở | 124 | 100 | 182 | 9 | 7 | | - Cấp khác | 5 | 45 | 0 | 0 | 0 | | **3. Chia theo lĩnh vực nghiên cứu** |  |  |  |  |  | | - Khoa học tự nhiên | 4 | 3 | 4 | 0 | 0 | | - Khoa học kỹ thuật và công nghệ | 3 | 9 | 16 | 3 | 6 | | - Khoa y, dược | 108 | 86 | 96 | 0 | 0 | | - Khoa học nông nghiệp | 12 | 8 | 12 | 17 | 9 | | - Khoa học xã hội | 4 | 28 | 59 | 1 | 2 | | - Khoa học nhân văn | 2 | 0 | 8 | 2 | 2 | | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa |
|  | - Trang 11: Tại Bảng 3: Các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ triển khai trong giai đoạn 2016-2020, tại cột “Tình trạng thực hiện” nhiệm vụ từ số 7, 9, 10, 11 đề nghị sửa lại: Đã nghiệm thu. | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa tại trang 11 |
|  | - Trang 12: Tại Bảng 4: Các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực khoa học y dược, tại cột “Tình trạng thực hiện” nhiệm vụ từ số 2, đề nghị sửa lại: Đã nghiệm thu. | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa tại trang 12 |
|  | - Trang 16: Tại Bảng 4: Các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực khoa học nông nghiệp triển khai trong giai đoạn 2016-2020, tại cột “Tình trạng thực hiện” nhiệm vụ từ số 5, 6, 7, 9,10 đề nghị sửa lại: Đã nghiệm thu. | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa tại trang 16 |
|  | - Trang 29: Tại Bảng 6: Các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn thực hiện trong giai đoạn 2016-2020, tại cột “Tình trạng thực hiện” nhiệm vụ số 14 đề nghị sửa lại: Đã nghiệm thu. | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa tại trang 29 |
|  | - Trang 31. Tại Bảng 7: Các nhiệm vụ Khoa học và công nghệ cấp Quốc gia, cấp Bộ triển khai trong giai đoạn 2016-2020 tại cột “Tình trạng thực hiện” các nhiệm vụ 3, 5 đề nghị sửa lại: Đã nghiệm thu cấp cơ sở (cấp tỉnh). | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa tại trang 31 |
|  | - Trang 32: dòng thứ 15 và 20 trên xuống đề nghị bổ sung: “phương tiện đo, chuẩn đo lường” và “đo” (1) Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quảng Trị ... tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường đối với 19 phương tiện đo thông dụng thuộc các lĩnh vực và kiểm định đối chứng đồng hồ đo nước trên địa bàn tỉnh đối với đồng hồ nước của Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Trị”. | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa tại trang 32 |
|  | Tại mục (3): Đề nghị sửa lại:  (3) Trung tâm Kiểm định đồng hồ và chống thất thoát thuộc Công ty cổ phần nước sạch Quảng Trị được ủy quyền kiểm định công tơ nước. Hàng năm, số đồng hồ nước được kiểm định đạt 12.349 đồng hồ.  Tại dòng thứ 3 từ dưới lên: đề nghị sửa phòng Công thương thành phòng Kinh tế/Kinh tế-Hạ tầng. | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa |
|  | - Trang 33: dòng thứ 9 trên xuống đề nghị sửa.... LAS-XD81... thành LAS- XD...  Dòng thứ 16 trên xuống đề nghị bỏ: QCVN 16:2017... | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa tại trang 33 |
|  | - Trang 37, 38. Mục 1.2.2. Công tác hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, xây dựng và phát triển thương hiệu:  + Trang 37: Đề nghị bỏ các nội dung: “Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể “*Khe Sanh”* cho sản phẩm cà phê chè vùng Hướng Hóa cho 9 doanh nghiệp và các sản phẩm đặc trưng của địa phương.  + Trang 37: Tại nội dung: “Hỗ trợ xác lập, quản lý, khai thác và phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho nhiều sản phẩm chủ lực, đặc sản, thế mạnh của tỉnh thông qua việc triển khai các đề tài, dự án KH&CN...”: đề nghị bổ sung: *Dự án:“Xác lập Quyền sở hữu trí tuệ các sản phẩm đặc sản mang yếu tố địa danh ở các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ”.*  + Trang 37: Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung số liệu sau: **56** sản phẩm đặc sản của 09 địa phương trong toàn tỉnh đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ nhãn hiệu tập thể/nhãn hiệu chứng nhận và chỉ dẫn địa lý.  + Trang 38: Dòng thứ 3 trên xuống: - Phát triển các sản phẩm có khả năng .... trên toàn tỉnh. Đề nghị sửa lại: | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa tại trang 37 và 38 |
|  | - Phát triển các sản phẩm có khả năng hoàn thiện nâng cấp trong Chương trình *Môi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Quảng Trị năm 2019-2021,* toàn tỉnh có 90 sản phẩm OCOP, trong đó:  + Phân theo hạng sản phẩm: 18 sản phẩm hạng 4 sao, chiếm 20%; 72 sản phẩm 3 sao, chiếm 80%;  + Phân theo nhóm sản phẩm OCOP: Nhóm thực phẩm: 79 sản phẩm, chiếm 87,8%; Nhóm đồ uống: 01 sản phẩm, chiếm 1,1%; Nhóm thảo dược: 08 sản phẩm, chiếm 8,9%; Nhóm thủ công mỹ nghệ trang trí, gia dụng: 02 sản phẩm, chiếm 2,2%; Nhóm vải và may mặc và Nhóm dịch vụ du lịch cộng đồng và điểm du lịch: 0 có sản phẩm;  + Phân theo địa phương: Cam Lộ: 16 sản phẩm (7 sản phẩm 4 sao và 9 sản phẩm 3 sao), chiếm 17,8%; Hướng Hóa: 14 sản phẩm (2 sản phẩm 4 sao và 9 sản phẩm 12 sao), chiếm 15,6%; TP Đông Hà: 14 sản phẩm (2 sản phẩm 4 sao và 12 sản phẩm 3 sao), chiếm 15,6%; Hải Lăng: 12 sản phẩm (3 sao), chiếm 13,3%; Vĩnh Linh: 11 sản phẩm (2 sản phẩm 4 sao và 9 sản phẩm 3 sao), chiếm 12,2%; Triệu Phong: 10 sản phẩm (1 sản phẩm 4 sao và 9 sản phẩm 3 sao), chiếm 11,1%; Gio Linh: 06 sản phẩm (3 sản phẩm 4 sao và 3 sản phẩm 3 sao), chiếm 6,7%; Đakrông: 4 sản phẩm (1 sản phẩm 4 sao và 3 sản phẩm 3 sao), chiếm 4,4% và TX Quảng Trị: 3 sản phẩm (3 sao), chiếm 3,3%. | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa |
|  | - Có 51 chủ thể có sản phẩm OCOP, trong đó: Phân theo loại hình tổ chức sản xuất: 12 HTX, chiếm 23,5%; 13 DN, chiếm 25,5 %; 4 THT, chiếm,7,8% và 22 Hộ SXKD, chiếm 43,2%. | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa |
|  | - Trang 40, 41, 42. Mục 2.3. Đổi mới, ứng dụng và chuyển giao công nghệ:  + Trang 40: Tại nội dung: Hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp: đề nghị cập nhật lại số liệu và viết lại như sau: Xây dựng và phát triển chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm hồ tiêu Quảng Trị; xây dựng và đăng ký chứng nhận Nhãn hiệu tập thể, Nhãn hiệu chứng nhận cho 56 sản phẩm đặc sản của các địa phương trong tỉnh.  + Trang 41: Đề nghị bổ sung văn bản *Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Quy định một số chính sách hô trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026* (thay thế Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2025). | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa tại *Mục 2.3. Đổi mới, ứng dụng và chuyển giao công nghệ* |
|  | - Đề nghị bỏ Quyết định số 1103/QĐ-UBND của HĐND tỉnh. | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa |
|  | - Đề nghị bỏ các nội dung *“Theo đó, trong giai đoạn 2017-2025, tỉnh sẽ hô trợ cho các mô hình/dự án như sau (...) Ngân sách nhà nước của tỉnh sẽ hô trợ cho các hoạt động ứng dụng và nhân rộng các kết quả KH&CN là 24 tỷ dồng cho 105 đối tượng/dự án”* (vì đây là mục tiêu của Nghị quyết số 31/2017/NQ- HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh nhưng đến năm 2021 Nghị quyết trên đã được thay thế bởi Nghị quyết số 163/2021/NQ**-**HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh, về mục tiêu, nội dung, định mức hỗ trợ và bố trí nguồn kinh phí đã thay đổi).  + Trang 42: Đề nghị bỏ các nội dung sau:  *Đợt 1 (từ năm 2018-2020): có tổng kinh phí là 458,16 triệu đồng (kinh phí từ nguồn* ngân *sách tỉnh là 360 triệu đồng) cho 12 dự án/đối tượng gồm 01 đối tượng trong lĩnh vực đổi mới công nghệ; 03 đối tượng trong lĩnh vực nông nghiệp; 08 đối tượng trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường, chất lượng;*  *Trong giai đoạn từ 2018-2020, có 18 đề tài/dự án… Dự án Ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình chuôi giá trị trong sản xuất lạc an toàn theo VietGAHP tại tỉnh Quảng Trị.*  + Trang 42: Bảng 10: Kinh phí ngân sách nhà nước của tỉnh hỗ trợ cho hoạt động ứng dụng và nhân rộng kết quả KH&CN: Đề nghị bỏ mục kinh phí năm 2017,2018 vì lúc này Nghị quyết hỗ trợ hoạt động ứng dụng và nhân rộng kết quả KH&CN mới ban hành ngày 14/12/2017. *Đề nghị sửa lại:*   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  | **ĐVT** | **2019** | **2020** | **2021** | | Tổng kinh phí hỗ trợ | Triệu đồng | 458,18 | 1.129 | 1.300 | | Số dự án/dối tượng | Dự án | 12 | 37 | 37 | | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa tại trang 42 |
|  | *-* Trang 57, 58: Mục 2.4: Phát triển thị trường KH&CN:  + Trang 57: Đề nghị bỏ các nội dung sau: *“Thành lập sàn giao dịch công nghệ”; “hoạt động với tư cách là đơn vị sự nghiệp KH&CN tự chủ, tự chịu trách nhiệm thuộc các Sở KH&CN, được Nhà nước đảm bảo một phần kinh phí để duy trì hoạt động thường xuyên ”; “Hiện sàn giao dịch công nghệ của tỉnh đang có kế hoạch được nâng cấp để đáp ứng tốt hơn nhu cầu mua bán các sản phẩm công nghệ, thiết bị của các doanh nghiệp trong và ngoài nước”.*  + Trang 58: Về nội dung Doanh nghiệp KH&CN: Đề nghị viết lại như sau và thống nhất trong toàn dự thảo Quy hoạch: *Doanh nghiệp KH&CN: Trong giai đoạn 2017-2021, tỉnh đã thành lập được 03 doanh nghiệp KH&CN, gồm: Công ty CP Tống công ty Thương mại Quảng Trị (năm 2017); Công ty TNHH DAVICS (năm 2018) và Công ty TNHH Dược liệu hữu cơ An Xuân (năm 2021).* Bỏ nội dung: Năm 2017: thành lập Công ty TNHH Nhiên Thảo.  + Trang 58: Về nội dung Quỹ Phát triển KH&CN: đề nghị bỏ chữ *Thành lập* và viết lại là: Quỹ Phát triển KH&CN. Chú thích doanh nghiệp đã thành lập Qũy phát triển KH&CN là Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Trị (năm 2017).  Trong giai đoạn từ 2011-2020, Quỹ Phát triển KH&CN tỉnh đã tiến hành cho vay đối với 09 doanh nghiệp... đề nghị sửa lại *Trong giai đoạn từ 2011­2020, Quỹ Phát triển KH&CN tỉnh đã tiến hành cho vay đối với 12 doanh nghiệp ...* | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa tại mục *2.4: Phát triển thị trường KH&CN* |
|  | + Trang 66, Bảng 15. Các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước phát triển KH&CN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2011-2020: Chỉnh sửa *“Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị (2020), Báo cáo số 342/BC-SNN ngày 10/11/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về tình hình thực hiện Chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”* phải sửa lại thành Nguồn: *Sở Khoa học và Công nghệ.* | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa tại mục trang 66 |
|  | + Trang 68: Tại bảng 16, đề nghị sửa lại mục: - Chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN như sau:   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | **2016** | **2017** | **2018** | **2019** | **2020** | | ***- Chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN*** | ***4.996*** | ***3.225*** | ***7.401*** | ***13.520*** | ***5.800*** | | *+ Cấp tỉnh* | 2.198 | 1.540 | 1.623 | 4.400 | 4.000 | | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa tại mục trang 68 |
|  | + Trang 72: Tại hình 1. Hệ thống mạng lưới tổ chức KH&CN tỉnh Quảng Trị.  Tổ chức dịch vụ KH&CN khác: Đề nghị bỏ (4) Trung tâm Kiểm soát bệnh tất tỉnh Quảng Trị vì đã có trên Đơn vị sự nghiệp khác.  Doanh nghiệp KH&CN: Đề nghị sửa lại:  1) Công ty CP Tổng công ty Thương mại Quảng Trị  2) Công ty TNHH DAVICS  3) Công ty TNHH Dược liệu hữu cơ An Xuân. | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa tại mụctrang 72 |
|  | + Trang 76. Tại Bảng 17 trùng với Bảng 11 trang 50, đề nghị chỉ viện dẫn. | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa tại mục trang 76 |
|  | + Trang 78: Mục 3.3.1 Nhân lực trong các tổ chức KH&CN công lập:  Trình độ đào tạo: có 2 tiến sỹ, 10 thạc sỹ (trong đó có 01 cán bộ đang làm nghiên cứu sinh) và 69 cử nhân; đề nghị sửa lại: Trình độ đào tạo: có 01 tiến sỹ, 18 thạc sỹ và 69 cử nhân. | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa tại mục trang 78 |
|  | + Trang 83: Mục 3.5.2 Thành lập doanh nghiệp KH&CN, đề nghị sửa lại:  Hiện Quảng Trị mới thành lập được 03 doanh nghiệp KH&CN là Công ty CP Tổng Công ty Thương mại Quảng Trị vào năm 2017, Công ty TNHH DAVICS vào năm 2018 và Công ty TNHH Dược liệu hữu cơ An Xuân vào năm 2021. | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa tại mục trang 83 |
|  | + Trang 84: Tại mục 3.5.4 Hướng dẫn, hỗ trợ để hình thành Quỹ Phát triển KH&CN của doanh nghiệp, *đề nghị sửa lại:....* Tính đến thời điểm hiện tại, tổng kinh phí hoạt động của Quỹ là 3,3 tỷ đồng đồng thời đã tiến hành cho vay 12 dự án với tổng số tiền vay là 5,65 tỷ đồng... | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa tại mục trang 84 |
|  | + Trang 85: Mục 3.6.1 Doanh nghiệp KH&CN: Đề nghị sửa lại tên doanh nghiệp KH&CN là: Công ty CP Tổng công ty Thương mại Quảng Trị vào năm 2017, Công ty TNHH DAVICS vào năm 2018 và Công ty TNHH Dược liệu hữu cơ An Xuân vào năm 2021. | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa tại mục trang 85 |
|  | + Trang 88: Tại mục 3.7 Sàn giao dịch công nghệ  Đề nghị bỏ các nội dung sau: *“Thành lập sàn giao dịch công nghệ”; “hoạt động với tư cách là đơn vị sự nghiệp KH&CN tự chủ, tự chịu trách nhiệm thuộc các Sở KH&CN, được Nhà nước đảm bảo một phần kinh phí để duy trì hoạt động thường xuyên ”;* | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa tại mục trang 88 |
|  | + Trang 89: Đề nghị bỏ: *“Sàn giao dịch công nghệ cũng đang dần được nâng cấp để đáp ứng tốt hơn nhu cầu mua bán các sản phẩm công nghệ, thiết bị của các doanh nghiệp trong và ngoài nước”.* | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa tại mục trang 89 |
|  | - Trang 116: Mục 2.2. Mục tiêu xây dựng tiềm lực KH&CN, bổ sung “Phát triển nguồn lực về thông tin KH&CN. Từng bước tạo dựng cơ sở dữ liệu chuyên sâu về KH&CN và ĐMST theo chuẩn chung. Đồng thời xây dựng các phương án thống kê các chỉ số về KH&CN quan trọng góp phần phục vụ công tác hoạch định chính sách phát triển kinh tế xã hội của tỉnh”. | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa tại mục trang 116 |
|  | - Trang 117 và 118: về mục tiêu đầu tư kinh phí sự nghiệp KH&CN, tổng chi ngân sách địa phương cho SNKH phấn đấu đạt 1,5 GDP 2025 là quá cao, đề nghị sửa lại đạt từ 0,7-1,0%. | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa tại mục trang 117 và 118 |
|  | - Trang 146. Mục 3. Phát triển mạng lưới các tổ chức KH&CN công lập.  Chỉnh sửa *“Xây dựng và thực hiện tốt Quy hoạch phát triển tố chức KH&CN công lập giai đoạn 2021-2030, không có khả năng hoặc không muốn đầu tư, thành lập"”* thành “Xây dựng và thực hiện tốt Quy hoạch phát triển tổ chức KH&CN công lập giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, chỉ thành lập mới những tổ chức KH&CN công lập thuộc lĩnh vực mà nhà nước hoặc tỉnh cần khuyến khích phát triển”. | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa tại mục trang 146 |
|  | - Trang 149 và 150. Mục 5: Phát triển thông tin, thống kê KH&CN: Đề nghị bổ sung nội dung về công tác Thống kê KH&CN: *“Đối mới, nâng cao chất lượng công tác Thống kê KH&CN theo hướng hiện đại nhằm phục vụ có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về KH&CN”.* Chỉnh sửa *“Website của Sở KH&CN”* thành *“Cống Thông tin điện tử KH&CN”.* | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa tại mục trang 149 và 150 |
|  | Ngoài ra, văn bản dự thảo này còn nhiều lỗi chính tả, đề nghị đơn vị tư vấn chỉnh sửa lại đầy đủ. | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa |
|  |  |  |

## Ban Dân tộc (Văn bản số 484/BDT-KHTH ngày 19/7/2022)

Ban Dân tộc tham gia ý kiến đối với nội dung đề xuất: Phương án Quy hoạch phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn của tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- |
|  | - Tại trang 81, mục 3.2. Phương án phát triển kinh tế - xã hội đối với khu vực khó khăn, bổ sung nội dung:  + Quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí các hộ dân tộc thiểu số cư trú, sinh sống phân tán, rải rác trong rừng phòng hộ, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất đến những nơi an toàn để an cư lạc nghiệp lâu dài và có phương án phát triển kinh tế - xã hội đối với những khu vực này. | Tư vấn tiếp thu ý kiến và đã bổ sung tại mục *3.2. Phương án phát triển kinh tế - xã hội đối với khu vực khó khăn* |
|  | - Tại trang 88, mục 3.2.3.4 về cấp nước và vệ sinh môi trường; a. cấp nước, bổ sung nội dung:  + Đầu tư xây dựng các công trình nước sinh hoạt tập trung và phân tán từng bước đảm bảo cho các hộ dân được sử dụng, đảm bảo vệ sinh môi trường. | Tư vấn tiếp thu ý kiến và đã bổ sung tại *mục 3.2.3.4 về cấp nước và vệ sinh môi trường* |
|  | - Tại trang 89, mục c. Ứng dụng công nghệ thông tin, bổ sung nội dung:  + Xây dựng hệ thống cảnh báo thiên tai ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó chú trọng đến công tác tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thông tin tuyên truyền về cảnh báo thiên tai. | Tư vấn tiếp thu ý kiến và đã bổ sung tại *c. Ứng dụng công nghệ thông tin, bổ sung nội dung* |
|  |  |  |

## Sở Ngoại vụ (Văn bản số 632/SNgV-VP ngày 20/7/2022)

Sau khi nghiên cứu; Sở Ngoại vụ cơ bản thống nhất với bố cục, nội dung dự thảo và tham gia bổ sung một số nội dung cụ thể như sau:

| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Đề nghị thống nhất số liệu thông tin về tỉnh Quảng Trị, cụ thế:  - Về diện tích: 4.737,44 km2 (trang 1), 4.701,23 km2 (trang 9)...  - Về dân số năm 2020: 636.612 (trang 1), 638.219 (trang 10), 638.627 (trang 16). | - Đã tiếp thu và chỉnh sửa các nội dung thống nhất diện tích tự nhiên là 4.701,23km2 và dân số trung bình năm 2020 (theo Niên giám thống kê tỉnh 2021): 638.627 người. |
| 2 | Đề nghị thống nhất mốc thời gian dự báo, cụ thể:  Từ năm 2022 - 2030 (trong văn bản từ năm 2021 - 2022) vì hiện nay đã là tháng 7/2022 | Theo quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, hơn nữa nhiều số liệu 2021 chưa được hoàn thiện |
| 3 | Đề nghị xem xét lại nội dung “Nhân rộng mô hình nuôi cá lồng bè trên các mặt nước lớn (sông Se-pôn) ” *(trang 581)* ; Đề nghị nghiên cứu lại vì trình tự, thủ tục liên quan đến việc nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản trên vùng nước biên giới theo Hiệp định về quy chế quản lý biên giới và cửa khẩu biên giới trên đất liền giữa 2 nước Việt Nam - Lào phải qua nhiều cấp, nhiều ngành rất khó khăn cho người dân và doanh nghiệp ; bên cạnh đó còn tiềm ẩn quy cơ làm thay đổi dòng chảy sông suối biên giới và làm ảnh hưởng đến đường biên giới. | - Tiếp thu và chỉnh sửa nội dung này tại mục 8.4.2. Phương án khai thác hạ tầng Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo gắn với khu vực cửa khẩu quốc tế Lao Bảo. |
| 4 | Nên thống nhất dùng từ “La Lay” thay vì dùng “LaLay” trong toàn văn bản. | - Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Thuyết minh. |
| 5 | Trong Mục tiêu tổng quát phát triển tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 *(trang 277-278)* có nêu mục tiêu đến năm 2030 là « nền kinh tế phát triển bền vững, hài hòa giữa bốn mục tiêu: kinh tế - môi trường - an ninh quốc phòng - **hợp tác khu vực, quốc tế**»; tầm nhìn đến năm 2050 là «tham gia tích cực chủ động vào các hoạt động giao thương, liên kết trên tuyến hành lang kinh tế Đông Tây và là hạt nhân quan trọng trong chuỗi cung ứng thương mại, du lịch, vận tải và logistics giữa Quảng Trị với các nước gồm Lào, Thái Lan, Myanmar và các nước Đông Nam Á, Tây Á». Tuy nhiên, trong các nhiệm vụ trọng tâm, các khâu đột phá của tỉnh cũng như mục tiêu, chỉ tiêu phát triển cụ thể gắn với tổ chức, sắp xếp không gian phát triển của tỉnh không có nội dung nào đề cập đến công tác hợp tác khu vực, quốc tế rõ nét. Phương án tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, phương hướng phát triển các ngành kinh tế quan trọng trên địa bàn tỉnh chưa có yếu tố phát triển kết hợp hội nhập quốc tế, hợp tác khu vực. Vì vậy, đề nghị xem xét, bổ sung các nội dung này. | - Định hướng phát triển hợp tác khu vực, quốc tế đã được các ngành đề xuất trong phương án ngành và chuyên đề  - Về du lịch cũng đã đề xuất các tour, tuyến du lịch kết nối Quảng Trị với các nước trên tuyến hành lang Đông Tây như: Lào, Thái Lan, Myanmar qua cửa khẩu quốc tế Lao Bảo. Tuyến du lịch kết nối Quảng Trị với các tỉnh miền Nam nước Lào và tỉnh Ubon Ratchathani (Thái Lan) qua cửa khẩu quốc tế La Lay.  - Về mặt định hướng giao thông kết nối khu vực:  +) Đến năm 2030 định hướng phát triển củng cố năng lực kết nối trên hành lang Đông Tây bằng việc phát triển tuyến ĐBCT Triệu Phong - Lao Bảo kết hợp với nâng cấp QL 9 để đáp ứng yêu cầu trước mắt kết nối khu vực bằng Đường bộ.  +) Giai đoạn đến năm 2050: Phát triển tuyến đường sắt Xuyên Á kết nối cảng biển Mỹ Thủy với cửa khẩu Quốc tế Lao Bảo để liên kết với mạng đường sắt các nước Đông Nam Á. Đồng thời phát triển tuyến QL.15D kết nối cửa khẩu quốc tế La Lay. Như vậy về mặt kết nối cơ bản sẽ đáp ứng được yêu cầu phát triển trong tương lai của Quảng Trị nói riêng và khu vực miền Trung nói chung. |
| 6 | Đề nghị xem xét, nghiên cứu bổ sung nội dung và Phần 8.4 Phương án phát triển kết cấu hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu biên giới *(trang 580-586)* do chưa định hướng rõ công tác hợp tác với các tỉnh bạn Lào phát triển khu kinh tế cửa khẩu biên giới theo tinh thần cùng có lợi, hợp tác cùng phát triển. | - Đã bổ sung định hướng hợp tác với các huyện ở nước bạn Lào trên tinh thần có lợi, hợp tác cùng phát triển, đặc biệt trong các lĩnh vực đầu tư giao thông, cơ sở hạ tầng thương mại dịch vụ, du lịch, giáo dục, y tế ở khu vực cửa khẩu biên giới, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân hai nước thông thương, buôn bán; đồng thời triển khai các công tác khám chữa bệnh cho người dân khu vực biên giới 2 nước, góp phần nâng cao đời sống nhân dân. |
| 7 | Đề nghị bổ sung làm rõ thêm Phần 8.5 Phương án phát triển hành lang kinh tế Đông Tây *(trang 586-589),* các quan điểm, định hướng phát triển vẫn chưa được xem xét trong bối cảnh rộng hơn, có tính liên kết, hợp tác rõ nét hơn với các tỉnh liên quan, cùng tạo sự đồng thuận, cộng hưởng, hợp tác phát triển giữa Quảng Trị và các tỉnh Lào, Thái Lan, Myanmar... trên tuyến EWEC để phát huy vai trò của tuyến hành lang kinh tế quan trọng này.  Đề nghị nghiên cứu, bổ sung thêm định hướng phát triển hành lang song song EWEC: Hành lang kinh tế Quảng Trị - Salavan - Ubon Ratchathani trong Quy hoạch tỉnh. | (1) Quan điểm  Phát triển Hành lang kinh tế Đông Tây/EWEC là tập hợp của nhiều địa phương thuộc 04 quốc gia vì thế việc triển khai các kế hoạch khai thác tiềm năng phải luôn được xem xét trong mối quan hệ liên tỉnh, liên quốc gia, đa văn hóa và đa ngôn ngữ.  Quảng Trị sẽ đóng vai trò là trung tâm đầu mối khu vực miền trung, phía Lào là tỉnh Savannakhet trung tâm của vùng Trung Lào và Ubon Ratchathani là trung tâm của vùng Đông Bắc Thái-lan. Các trung tâm này sẽ liên kết giao thương và phát triển du lịch, hàng năm sẽ tổ chức các cuộc gặp để trao đổi, thúc đẩy hợp tác, khai thác những cơ hội và khắc phục những khó khăn, vướng mắc.  (2) Định hướng đến năm 2030  - Từng bước hình thành các dịch vụ phát triển kinh doanh. Tập trung vào việc hỗ trợ các thủ tục pháp lý đầu tư giúp các nhà kinh doanh Thái Lan, Lào, Myanmar và Việt Nam có thể yên tâm tham gia kinh doanh ở Quảng Trị.  - Phát triển lĩnh vực thương mại, Logistics làm trọng tâm hợp tác liên vùng. Xúc tiến hình thành các hiệp hội thương mại, vận tải ở các lĩnh vực đặc thù giữa Quảng Trị - Savannakhet, Salavan (Lào) – các tỉnh Đông bắc Thái Lan trên tuyến hành lang Đông – Tây nhằm mở đường cho trao đổi hàng hóa trong lĩnh vực nông lâm – thủy – hải sản.  - Phát triển du lịch trên tuyến Hành lang Đông - Tây là sản phẩm du lịch quan trọng và có lợi thế của tỉnh Quảng Trị. Là địa phương đầu cầu Việt Nam trên tuyến hành lang kinh tế Đông – Tây qua 02 cửa khẩu quốc tế Lao Bảo và cửa khẩu quốc tế La Lay, Quảng Trị cần hình thành các sản phẩm, dịch vụ, tour tuyến du lịch đặc trưng của Quảng Trị kết hợp đầu tư cơ sở hạ tầng, chất lượng dịch vụ để thu hút du khách quốc tế của các nước trên tuyến hành lang đến với Quảng Trị. |
|  |  |  |

## Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Văn bản số 1625/SNN-KHTC ngày 22/7/2022)

Đề nghị đơn vị tư vấn xem xét, điều chỉnh, bổ sung thêm các nội dung sau:

| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- |
| **I** | **Đối với Thuyết minh phương án phát triển, nâng cao giá trị cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh hướng tới thị trường trong nước và xuất khẩu thời kỳ 2021-2030, tầm nhín 2050:** | |
| **a** | **Về quan điểm:** |  |
|  | Để đảm bảo sự thống nhất và có cơ sở thực hiện, Sở Nông nghiệp và PTNT đã đề nghị Đơn vị tư vấn bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ, định hướng đã được đưa vào Nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ thứ XVII, Kế hoạch thực hiện Nghị Quyết đại hội và Nghị quyết của HĐND tỉnh về phát triển KT-XH giai đoạn 2021-2025 có hướng đến năm 2030[[1]](#footnote-1). Các định hướng, Chiến lược, Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược của ngành đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ NN và PTNT, UBND tỉnh ban hành. Cụ thể, nhằm đảm bảo đến năm 2025 cơ cấu kinh tế (tính theo GRDP): Nông nghiệp 15%; phi nông nghiệp là 85%; đến năm 2030 cơ cấu phi nông nghiệp là 80-90%, đề nghị định hướng không gian phát triển; bao gồm cả quỹ đất tạo dư địa phát triển đối với từng lĩnh vực nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản) đảm bảo sự tương ứng[[2]](#footnote-2). (Đề nghị bổ sung thêm quỹ đất phát triển chăn nuôi tập trung có số liệu dự kiến cụ thể)  Mặt khác, hiện nay, theo quy định cấm chăn nuôi tại nội thành nội thị, trong khi đó xu hướng các dự án đầu tư quy mô lớn đang phát triển. Do đó, đề nghị bố trí quỹ đất tại các vùng huyện để phục vụ nhu cầu chăn nuôi tập trung quy mô lớn.  Bên cạnh đó, để ngành Nông nghiệp tiếp tục đảm trách vai trò trụ đỡ bền vững, ngày 28/01/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 150/QĐ- TTg phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030 để tổ chức thực hiện. Do đó, để đạt được mục tiêu của Chiến lược, dự án ý tưởng Quy hoạch tỉnh Quảng Trị cần nghiên cứu, đề xuất định hướng phát triển trên cơ sở phải đảm bảo hài hòa giữa các ngành, các lĩnh vực, quy hoạch không gian, nhu cầu sử dụng đất, tiềm năng, lợi thể phát triển. | Theo như nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, nhu cầu chuyển đất trồng lúa (trong đó có đất trồng chuyên lúa) đến năm 2030 khoảng 2.900 ha (đất chyên trồng lúa là 2.200 ha). Do đó diện tích đất gieo trồng lúa giảm từ 48.700 ha năm 2020 xuống còn 46.500 ha năm 2030.  Theo chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia đến năm 2030, diện tích đất lâm nghiệp Quảng Trị là 276.400 ha (trong đó đất rừng phòng hô 82.400 ha, rừng đặc dụng là 64.000 ha và rừng sản xuất là 130.000 ha).  Diện tích đất trồng cây lâu năm năm 2020 là 53.223 ha, theo nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 sẽ giảm khoảng 1.850 ha.  Dự án cũng định hướng đến năm 2030 là 5.000 ha cà phê. |
| **b** | **Đối với dự thảo Báo cáo** |  |
|  | - Đề nghị làm rõ yếu tố giảm sản lượng lương thực 1 -2 vạn tấn/năm trong giai đoạn 2026-2030 (sản lượng lương thực có hạt 24-25 vạn tấn/năm) so với Giai đoạn 2021-2025 (sản lượng lương thực có hạt 25-26 vạn tấn/năm).  Trên cơ sở định hướng phát triển nông nghiệp giai đoạn 2025-2030 theo hướng nâng cao chất lượng và giá trị trên đơn vị diện tích do đó cần quy hoạch phát triển nông nghiệp hữu cơ, canh tác tự nhiên. Tuy nhiên theo định hướng đến năm 2030 phấn đấu có 5.000 ha lúa sản xuất theo hướng hữu cơ, canh tác tự nhiên (trong đó có 2.500 ha được chứng nhận hữu cơ). Với diện tích 5.000/25.000 ha canh tác lúa thì không thể kéo giảm làm sản lượng lương thực giảm 1-2 vạn tấn/năm. *(Tại trang 65: Giai đoạn 2026-2030, sản lượng lương thực có hạt 24-25 vạn tấn/năm.)* | Đã tiếp thu: Năm 2020 sản lượng lượng thực có hạt của tỉnh trên 28,5 vạn tấn. Đến năm 2025 giảm khoảng 1.300 ha đất canh tác, sản lượng lương thực có hạt khoảng 27 vạn tấn, năm 2030 giảm khoảng tiếp khoảng 2000 ha canh tác, sản lượng có hạt khoảng 26 vạn tấn |
|  | - Một số nội dung về hiện trạng cần cập nhật số liệu đến cuối năm 2021 thay vì 2020. | Để thống nhất số liệu cơ sở quy hoạch của Tổng dự án, lấy số liệu 2020 nên một số số liệu 2021 chỉ làm tham khảo, nhất là những số liệu đột biến |
|  | - Một số nội dung không còn phù hợp (Đầu tư của Cty ISE Food chỉ mới dự kiến, nay đã bỏ không thực hiện nữa, Nghị quyết 31/2017/NQ-HĐND đã được thay thế bằng Nghị qUyết 163/2021/NQ-HđNd. . | Đã tiếp thu thay bằng Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Trị về quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2025; |
|  | - Phần mục tiêu cũng như định hướng quy hoạch cần tách nội dung cây ăn quả và cây dược liệu thành 2 mục độc lập với nhau. Mục tiêu phát triển dược liệu cần phải cập nhật đúng với thực trạng và định hướng phát triển của tỉnh. | Đã tách chỉ tiêu cây ăn quả và cây dược liệu riêng. Đã cập nhật mục tiêu phát triển cây dược liệu theo Quyết định số 22/04/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt “Đề án Khuyến khích Phát triển cây dược liệu gắn với Chương trình OCOP của tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030;  - Năm 2025 Diện tích cây dược liệu đạt khoảng 4.500 ha, trong đó trồng mới trên 1.000 ha (trồng tập trung 200 ha và dưới tán rừng 800 ha):  - Năm 2030 - Diện tích cây dược liệu đạt khoảng 7.000 ha, trong đó trồng mới trên 2.500 ha (trồng tập trung 1.000 ha và dưới tán rừng 1.500 ha): |
|  | - Mục tiêu phát triển cà phê: Bổ sung định hướng phát triển và số liệu về diện tích cà phê đặc sản; điều chỉnh diện tích tái canh đến 2030 (1.500-2.000 ha). | Diện tích Cà phê đặc sản Quảng Trị khoảng 60 ha năm 2030 (theo Quyết định 1392 ngày 2/4/2021 càu Bộ NN và PTNT), điều chỉnh diện tích tái canh đến 2030 (1.500-2.000 ha) |
|  | - Quy hoạch vùng lúa chất lượng cao: cần ghi rõ 40.000 ha/2 vụ/năm hoặc chỉ viết 20.000 ha diện tích canh tác, tránh nhầm lẫn giữa diện tích canh tác và diện tích gieo trồng. Về giống lúa: Đề nghị bỏ giống lúa lai trong định hướng phát triển về giống. | Dự kiến đến năm 2030 diện tích vùng lúa hàng hóa, lúa chất lượng cao khoảng 20.000 ha canh tác |
|  | - Định hướng phát triển cây hàng năm: Đối với cây Ngô đề nghị bổ sung thêm định hướng phát triển Ngô sinh khối để làm thức ăn chăn nuôi. | Bố trí ngô sinh khối năm 2025 khoảng 600 ha và năm 2030 khoảng 1000 ha. |
|  | - Dược liệu là một trong những cây trồng chủ lực có lợi thế cạnh tranh của tỉnh và được định hướng phát triển mạnh trong thời gian tới với hơn 14 loài đã được thể hiện rõ trong Nghị quyết 162/2021/NQ-HĐND và Quyết định 1113/QĐ-UBND. Tuy nhiên, phần đánh giá hiện trạng cũng như dự báo tình hình tiêu thụ trong và ngoài nước của thuyết minh chưa thể hiện. | Đã bổ sung nội dung |
|  | - Đề nghị thay thế từ “nông nghiệp sạch” bằng “nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, canh tác tự nhiên”; | Đã thay thế một số từ cho phù hợp |
|  | - Đề nghị làm rõ vị trí, địa điểm, quy mô diện tích quy hoạch đối với 04 vùng, khu sản xuất nông nghiệp đối với Giai đoạn 2021-2025 và 06 vùng, khu sản xuất nông nghiệp đối với Giai đoạn 2025-2030; đối tượng cây trồng cụ thể cho các khu quy hoạch nói trên (lúa, hồ tiêu, cà phê, cây ăn quả,..). Đồng thời đề nghị xem xét tính phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện Giai đoạn 2021-2025 và Quy hoạch vùng huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt về các yếu tố quy mô diện tích, vị trí phân bổ diện tích quy hoạch, cơ cấu cây trồng...để đảm bảo sự thống nhất giữa các lĩnh vực quy hoạch và thời kỳ quy hoạch. | Do xác định mục đích quy mô, vị trí việc phân định vùng là rất khó và không rõ ràng nên dự án sẽ không đưa ra chỉ tiêu số lượng vùng tập trung (ít có ý nghĩa) nên sẽ bỏ chỉ tiêu này. |
| **II** | **Đối với Thực trạng và phương án phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh QuảngTrị**  Đề nghị đơn vị tư vấn xem xét, điều chỉnh, bổ sung thêm các nội dung sau: | |
|  | - Mục tiêu chung:  Với định hướng: “Phấn đấu đưa tỉnh Quảng Trị trở thành một trong những trung tâm cung cấp nguyên liệu, chế biến gỗ rừng trồng của khu vực miền Trung vào năm 2030” theo Nghị quyết Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ XVII, đề nghị đưa nội dung này vào mục tiêu chung để xác định các nhiệm vụ cũng như giải pháp phù hợp trong giai đoạn quy hoạch. | Đã đưa vào trong Mục tiêu chung của Báo cáo Phương án chuyên ngành |
|  | Đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu: “Giữ ổn định độ che phủ rừng trên địa bàn tỉnh đạt 50%” thành “Giữ ổn định độ che phủ rừng trên địa bàn tỉnh đạt 49%” phù hợp với Kế hoạch hành động số 177/KH-UBND ngày 02/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về Thực hiện Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; | Đã tiếp thu chỉ tiêu “Giữ ổn định độ che phủ rừng trên địa bàn tỉnh đạt 49%” |
|  | - Đối với mục tiêu cụ thể:  + Cần xác định chính xác mục tiêu cụ thể, tránh đưa mục tiêu chung chung, chẳng hạn: “Đẩy mạnh việc xã hội hóa nghề rừng, tăng thu nhập cho người dân, góp phần xóa đói giảm nghèo”; “Nâng cao dân trí và đời sống nhân dân, đặc biệt là vùng nông thôn, miền núi, giảm thiểu các tệ nạn xã hội, góp phần giữ vững a n ninh quốc phòng”. Đối với những mục tiêu này cần đưa lên phần mục tiêu chung. | Đã tiếp thu ý kiến, đưa lên Mục tiêu chung |
|  | + Đề nghị bỏ mục tiêu “Hoàn thành việc phủ xanh đất trống, đồi núi trọc tại những vùng phòng hộ xung yếu, những vùng có nguy cơ sa mạc hóa.” Nội dung này không còn phù hợp với thực tiễn sản xuất lâm nghiệp tại địa bàn tỉnh. Diện tích đất trống quy hoạch cho trồng rừng phòng hộ, đặc dụng còn ít, nằm rải rác, quy mô nhỏ. | Đã tiếp thu ý kiến bỏ nội dung này |
|  | + Đối với mục tiêu: “Đến năm 2030 có 50% diện tích rừng (trong đó có trên 60% diện tích rừng trồng sản xuất) được cấp chứng chỉ rừng theo tiêu chuẩn, tiêu chí của FSC”, đề nghị điều chỉnh giảm chỉ tiêu xuống còn “khoảng 30.000ha rừng trồng được cấp chứng chỉ FSC” | Đã điều chỉnh mục tiêu: “Đến năm 2030 có 30% diện tích rừng (trong đó có trên 40% diện tích rừng trồng sản xuất) được cấp chứng chỉ rừng theo tiêu chuẩn, tiêu chí của FSC” |
|  | - Đối với Nhiệm vụ: Cần có sự rà soát lại toàn diện để xác định chính xác những nhiệm vụ trong giai đoạn đến năm 2030.  + Đối với nhiệm vụ “Xây dựng vườn ươm, vườn giống, rừng giống”, đề nghị bổ sung nội dung: “Để nâng cao chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp, thực hiện sản xuất theo quy mô công nghiệp, số lượng lớn góp phần giảm giá thành cây giống trong quá trình đầu tư trồng rừng, cần tích cực triển khai hoạt động thu hút đầu tư vào sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp sử dụng công nghệ cao, công nghệ sản xuất cây giống bằng phương pháp nuôi cấy mô” | Đã tiếp thu, bổ sung nội dung |
|  | - Đối với giải pháp: Đề nghị rà soát các chính sách đã hết hiệu lực và cập nhật các chính sách mới, chính sách điều chỉnh phù hợp với quy định hiện hành, đồng thời cần đưa điều kiện mở, trong trường hợp có thay đổi về chính sách trong thời gian tới. Cụ thể:  + Giải pháp về giao đất, giao rừng, cho thuê rừng: Đề nghị bỏ các căn cứ pháp lý đã hết hiệu lực: Nghị định 135/2005/NĐ-CP, Quyết định 178/QĐ-TTg, Thông tư 38/2007/TT-BNN để thay thế bằng các căn cứ pháp lý hiện hành (NĐ 156/2018/NĐ-CP)  + Giải pháp về chính sách khuyến khích đầu tư hỗ trợ: Đề nghị bỏ các căn cứ pháp lý đã hết hiệu lực: Nghị định 61/2010/NĐ-CP; Nghị định 106/2004/NĐ- CP để thay thế bằng các căn cứ pháp lý hiện hành.(NĐ 57/2018/NĐ-CP; NĐ 32/2017/NĐ-CP)  + Giải pháp về chính sách thị trường: Đề nghị bỏ căn cứ pháp lý đã hết hiệu lực: QĐ 80/2002/QĐ-TTg và thay thế bằng căn cứ pháp lý hiện hành (NĐ 98/2018/NĐ-CP). | Đã thay thế bằng “Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp”.  Bổ sung “Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, được vay vốn tín dụng ưu đãi “  Bổ sung “Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.” |
|  | - Đề nghị bổ sung diện tích rừng ngoài 3 loại rừng năm 2011 | Do số liệu năm 2011 không phân định diện tích ngoài 3 loại rừng nên không có |
|  | - Trồng cây phân tán: Thực hiện kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 23/9/2021 của UBND tỉnh về thực hiện đề án trồng 1 tỷ cây xanh của Chính phủ giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, bình quân 1 năm trồng khoảng 3 triệu cây phân tán. Đề nghị đơn vị tư vấn cập nhập, bổ sung; | Trồng cây phân tán 14.000 ha, tương đương 28-30 triệu cây (bình quân mỗi năm trồng 3 triệu cây). |
|  | - Đối với diện tích rừng FSC: 40.000 ha. Đề nghị sửa lại thành 25.000 ha. | Đơn vị tư vấn tiếp thu ý kiến và đã chỉnh sửa trong các báo cáo |
|  | - Đối với Phương án Quy hoạch 3 loại rừng đến năm 2030:  + Trong báo cáo căn cứ theo Văn bản số 1961/UBND-TN ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về thống nhất kết quả rà soát, điều chỉnh ba loại rừng, tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp đến năm 2030 sẽ là: 288.960 ha.  + Theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất Quốc gia thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất Quốc gia 5 năm 2021-2025; đối với tỉnh Quảng Trị, tổng diện tích đất quy hoạch đất rừng (phòng hộ, đặc dụng, sản xuất) đến năm 2030 là 276.412 ha. Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Trị về việc rà soát, cung cấp thông tin phục vụ quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050 tại Văn bản số 2981/UBND-KT ngày 29/6/2022 theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 3747/BNN-TCLN ngày 13/6/2022, hiện Sở Nông nghiệp và PTNT đang tổng hợp số liệu chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của các dự án dự kiến triển khai giai đoạn 2022-2030.  Đề nghị đơn vị tư vấn tích hợp số liệu này vào số liệu quy hoạch 3 loại rừng đến năm 2030 của tỉnh cho phù hợp với Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia. Sở Nông nghiệp và PTNT sẽ cung cấp số liệu sau khi UBND tỉnh thống nhất số liệu báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT. | Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị sẽ có văn bản cung cấp số liệu thống nhất sau. |
|  | - Đối với xây dựng vườn ươm, vườn giống, rừng giống:  Đề nghị bổ sung quy hoạch thu hút đầu tư vào sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp sử dụng công nghệ cao. Đến nay tỉnh đã hỗ trợ các Công ty Cổ phần HD Nam Phát, Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam (Vinafor) khảo sát thị trường, làm việc với các bên liên quan và lập Dự án đầu tư sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp bằng công nghệ cao vào tỉnh Quảng Trị (Công ty Cổ phần HD Nam Phát đầu tư vườn ươm sản xuất cây giống lâm nghiệp bằng công nghệ nuôi cấy mô với công suất 3,0 triệu cây/năm, Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam đầu tư vườn ươm sản xuất cây giống lâm nghiệp bằng công nghệ nuôi cấy mô công suất 8,0 triệu cây/năm). Phấn đấu đưa tổng công suất các cơ sở sản xuất giống cây lâm nghiệp lên khoảng 35 triệu cây/năm nhằm đáp ứng nhu cầu giống trên địa bàn. | Đã bổ sung nội dung |
|  | Rà soát, đánh giá thực trạng và phương án bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng đầu nguồn và các vành đai xung yếu ven biển | Đơn vị tiếp thu và bổ sung sau |
|  | Phần dự báo và phân tích các kịch bản ứng phó với biến đổi khí hậu: Phân tích tác động ảnh hưởng của việc chuyển đổi rừng phòng hộ ven biển hiện nay sang mục đích khác với kịch bản ứng phó mực nước biển dâng, cát bay cát lấp và loại hình thiên tai, thời tiết cực đoan để đưa ra kịch bản ứng phó cho vùng ven biển; Đối với vùng đồi phía Tây, phân tích ảnh hưởng cuả phát triển năng lượng tái tạo, điện gió đối với các loại hình thiên tai lũ quét, sạt lỡ đất để có giải pháp ứng phó. | Đơn vị tiếp thu và bổ sung sau |
|  | - Về đối tượng và loại dịch vụ phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng:  Giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh đã có quyết định chủ trương đầu tư xây dựng một số Nhà máy thuỷ điện với tổng công suất 64 M W (theo hồ sơ điều chỉnh do nhà đầu tư cung cấp khoảng 150MW) của Công ty TNHH Đầu tư Hướng Sơn, Công ty CP Thủy điện Trường Sơn và Công ty TNHH Tập đoàn Sơn Hải. Có thể đưa nguồn thu từ các Nhà máy thuỷ điện này vào số liệu Quy hoạch đến năm 2030 | Báo cáo sẽ nghiên cứu, cân nhắc để chỉnh sửa, bổ sung sau. |
| **III** | **Đối với Thực trạng và phương án phát triển ngành thủy sản, kết cấu hạ tầng ngành thủy sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.**  Đề nghị đơn vị tư vấn xem xét, điều chỉnh, bổ sung thêm các nội dung sau: | |
| **1** | **Đối với lĩnh vực khai thác và phát triển nguồn lợi thủy sản:** | |
|  | - Trong dự thảo ở trang 10,11: Nghề khai thác có ghi: nghề Giã cào, đề nghị sửa lại nghề lưới kéo, bởi vì nghề giã cào tên gọi địa phương; | Đã rà soát, xin tiếp thu ý kiến và đã chỉnh sửa vào trong báo cáo |
|  | - Tại Bảng 1.4, cơ cấu nghề lưới kéo năm 2020 là 33 chiếc; 2015: 15 chiếc; 2011: 153 chiếc. Theo đăng ký cấp phép khai thác năm 2020 nghề lưới kéo không có nên đề nghị đơn vị dự thảo sửa chữa lại cho phù hợp; | Đã rà soát, xin tiếp thu ý kiến và đã chỉnh sửa vào trong báo cáo |
|  | - Dự thảo có ghi: *Giai đoạn 2011-2015 số lượng tàu thuyền khai thác thủy sản của tỉnh giảm bình quân 4,4%/năm. Các nghề lưới kéo, nghề mành vó, nghề câu và nghề khác xu hướng giảm (trong đó: nghề lưới kéo giảm bình quân 44%/năm, nghề mành vó giảm 100% và nghề câu giảm bình quân 25,8%/năm); hai nghề lưới vây và lưới rê có sự gia tăng về số lượng. Trong cơ cấu nghề: nghề lưới kéo, lưới rê và mành vó chiếm tỷ lệ lớn nhất, chiếm khoảng 66% tống số tàu khai thác thủy sản của tỉnh.*  Đề nghị sửa lại bởi vì nghề lưới kéo chiếm tỷ lệ lớn là không phù hợp. Nghề vó mành giảm 100% là không đúng. Đề nghị đơn vị tư vấn khảo sát nghiên cứu, điều chỉnh cho phù hợp | Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong báo cáo. |
|  | - Tại Bảng 1.5: Dự thảo nêu: Tàu cá xa bờ 2020 có 201 chiếc.  Theo số liệu của hiện nay, năm 2020: Tàu cá xa bờ có 366 chiếc, đề nghị điều chỉnh. Lưu ý tàu cá xa bờ năm 2019, 2020 tính theo chiều dài thay vì theo công suất theo Luật Thủy sản năm 2017 | Đã tiếp thu và chỉnh sửa |
|  | - Dự thảo có ghi: *Trên 50% số tàu cá có trang bị thiết bị khai thác truyền động bằng cơ khí và thủy lực đơn giản. Các thiết bị cơ khí được chế tạo tại các xưởng cơ khí địa phương tuy giá thành thấp nhưng độ chính xác chưa cao, số tàu có động cơ là máy thủy cũ. Hiện nay mới chỉ có khoảng 50% các tàu đánh bắt xa bờ lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá theo quy định, việc trang bị cơ giới hóa trên các tàu cá ở trong tỉnh ở mức độ thấp.*  Hiện nay đã có 176/213 tàu cá đã lắp thiết bị giám sát hành trình chiếm 82,6 %. Đề nghị điều chỉnh | Đã tiếp thu và chỉnh sửa |
|  | - Dự thảo ghi: *Công nghệ bảo quản sản phẩm sau khai thác đánh bắt trên các tàu cá hầu hết vân bằng đá lạnh xay trong hầm cách nhiệt bằng vật liệu Sterofor hoặc cao su xốp được bọc phủ ngoài bằng gô mỏng hoặc vải nylon kín nước. Chưa có tàu cá nào được trang bị hệ thống lạnh. Đa số các tàu chưa thực hiện đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật trong quy trình giết mổ, sơ chế cá trước khi đưa vào hầm bảo quản.*  Đề nghị điều chỉnh thành: Đối với tàu cá xa bờ hiện nay đã sử dụng phương pháp bảo quản sản phẩm bằng hầm bảo quản sử dụng vật liệu PU, đối với hệ thống lãnh bảo quản tàu lưới vây, lưới chụp vỏ thép đã trang bị. | Đã tiếp thu và chỉnh sửa |
|  | - Tại Khoản 6, Mục III, phần II: Dự thảo có ghi: *Việc triển khai lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá chưa đạt yêu cầu đề ra, mới chỉ đạt khoảng 50% số tàu đánh bắt xa bờ.* Đề nghị điều chỉnh đạt 82,6,1%. | Đã tiếp thu và chỉnh sửa |
|  | - Tại Điểm 2.2.1, tiểu khoản 2.2, khoản 2, Mục I, phần II: Dự thảo ghi: *Tong sản lượng thuỷ sản đạt 48.000 tấn (tốc độ tăng bình quân 3,7%/năm), trong đó: khai thác thủy sản chiếm 64%; nuôi trồng thủy sản chiếm 36%.*  Đề nghị điều chỉnh: Tổng sản lượng thuỷ sản đạt 45.000 tấn. | Đã tiếp thu và chỉnh sửa |
|  | - Tại Điểm 1.4.2, tiểu khoản 1.4, khoản 1, mục III, Phần II: Dự thảo ghi: *Cần khuyến khích, vận động và tạo điều kiện thuận lợi để ngư dân tự sửa chữa, cải hoán các tàu dưới 90 CV nâng lên thành tàu có công suất trên 90 CV. Trong cơ cấu đội tàu xa bờ có công suất trên 90 CV đến năm 2030 đạt 250 chiếc, năm 2050 đạt 370 chiếc, nhóm công suất từ 250 CV trở lên có số lượng tàu tăng nhiều nhất.*  Đề nghị điều chỉnh theo tiêu chí chiều dài để phù hợp với Luật thủy sản 2017. | Đã tiếp thu và chỉnh sửa |
|  | - Tại Khoản 1, Mục V, Phần II: Trong dự thảo có ghi: *Tiếp tục đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng phục vụ nghề cá như: cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão; các cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu cá.*  Đề nghị bỏ từ bến cá bởi vì hiện nay trong Luật Thủy sản 2017 không sử dụng từ bến cá nữa. | Đã tiếp thu và chỉnh sửa |
| **2** | **Đối với Nuôi trồng thủy sản:** |  |
|  | - Hiện trạng hậu cần dịch vụ cho nuôi trồng thủy sản (trang 23) nêu*:*  *“Tuy nhiên, Trại sản xuất giống thủy sản nước mặn, lợ Cửa Tùng mới tổ chức sản xuất, cung ứng khoảng 5 triệu con tôm sú Post 15/năm, số giống còn lại đối với tôm sú và toàn bộ tôm giống thẻ chân trắng được nhập từ các tỉnh phía Nam. Đây là khó khăn chưa được khắc phục trong chủ động nguồn tôm giống cho sản xuất.”*  *“Đối với sản xuất cá giống: Ngoài Trại sản xuất giống cá nước ngọt Trúc Kinh (thuộc Trung tâm giống thủy sản Quảng Trị) thì trên địa bàn tỉnh còn có hơn 10 trại sản xuất của các hợp tác xã, hộ gia đình ”*  Đề nghị Đính chính lại: Hiện nay trên địa bàn tỉnh Quảng Trị không có cơ sở sản xuất giống tôm các loại và hiện nay trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có hơn 30 cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống cá nước ngọt | Đã tiếp thu và chỉnh sửa |
|  | - Nuôi trồng thủy sản:  + Trang 62, Mục tiêu cụ thể đến năm 2030, đề nghị điều chỉnh lại: “Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 4.000 ha, trong đó: diện tích nuôi nước ngọt 2.400 ha; nuôi mặn lợ 1.600 ha.” | Đã tiếp thu và chỉnh sửa |
|  | + Về Đối tượng nuôi cá lồng: Cá diêu hồng, rô phi đầu vuông, cá lóc, cá chép lai, các loại thủy đặc sản như cá chình, cá lăng,... (trang 80).  Đề nghị bổ sung các đối tượng nuôi nước lợ: cá bớp, cá hồng mỹ, cá chẽm, cá dìa, cá kình.. ..Bổ sung các đối tượng nuôi nước ngọt: cá trắm, cá leo, cá lăng,... | Đã tiếp thu và bổ sung |
|  | + Về Phát triển nuôi tôm thẻ với các vùng nuôi tập trung tại các huyện:  Đề nghị bỏ các xã **Vĩnh Tú, Trung Nam, h**uyện Vĩnh Linh; xã Gio Mỹ, huyện Gio linh; xã: **Hải Dương,** huyện Hải Lăng.  Đề nghị điều chỉnh lại: do huyện Hải Lăng đã quy hoạch Khu kinh tế Đông Nam, không mở rộng diện tích nuôi tôm. Mặt khác, xã Hải Dương không có nuôi tôm. Xã Hải Ba đang có công ty cổ phần chăn nuôi C.P nuôi tôm với tổng diện tích nuôi 60 ha, diện tích được cấp giấy chứng nhận là 130 ha nên đề nghị bổ sung. | Đã tiếp thu và bổ sung |
|  | - Đối với các chương trình ưu tiên:  Đề nghị bổ sung thêm các chương trình:  + Xây dựng cơ sở dử liệu về nuôi trồng thủy sản nói riêng, về ngành thủy sản nói chung.  + Phát triển cơ sở hạ tầng, hỗ trợ đầu tư nhân rộng các mô hình nuôi công nghệ cao đặc biệt về con tôm  + Thu hút, kêu gọi các doanh nghiệp có tiềm lực đầu tư nuôi thủy sản công nghệ cao tại tỉnh, các nhà máy chế biến thủy sản. | Đã tiếp thu và bổ sung |
|  | - Đối với Kết cấu hạ tầng ngành thủy sản (trang 92):  Hiện nay có 02 quy hoạch ngành thủy sản cấp quốc gia gồm: Quy hoạch khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; Quy hoạch cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá. Các Ban, ngành cấp trên đã lấy ý kiến và đang hoàn thiện dự thảo để trình Thủ tướng chính phủ. Chính vì vậy, đề nghị ban soạn thảo nghiên cứu để bổ sung vào quy hoạch khu neo đậu tránh trú bão cho cảng cá và quy hoạch cảng cá cho phù hợp. | Đã tiếp thu và bổ sung |
|  | - Đối với Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản (trang 73)  Đề nghị bổ sung : “- Khu bảo tồn hiện có: Khu bảo tồn biển đảo Cồn Cỏ, với quy mô 4.532 ha (trong đó diện tích vùng biển 4.302 ha). Là khu bảo tồn cấp tỉnh có mục đích là bảo tồn hệ sinh thái rạn san hô và sinh vật biển nguy cấp, quý, hiếm trong hệ sinh thái. *Trong thời gian tới sẽ thực hiện Đề án điều tra, đánh giá đa dạng sinh học tống thể khu bảo tồn biển đảo Cồn Cỏ phục vụ điều chỉnh diện tích, ranh giới khu bảo tồn biển phù hợp với Nghị định 26/2019/NĐ- CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. Khi đó diện tích khu bảo tồn biển đảo Cồn Cỏ có thể mở rộng diện tích tới 10.000ha. Xây dựng hạ tầng thiết yếu của khu bảo tồn biển tại đảo bao gồm: Trụ sở làm việc của Ban quản lý khu bảo tồn biển; Nhà Bảo tàng biển; Trung tâm truyền thông và giáo dục môi trường; Trạm cứu hộ các loài thuỷ sản nguy cấp, quý hiếm; Bến đậu tàu, đường giao thông nội bộ trong phân khu dịch vụ hành chính; hệ thống quan trắc môi trường, đa dạng sinh học và nguồn lợi thủy sản; Tàu tuần tra bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản và các thiết bị phục vụ công tác tuần tra, kiểm soát; biển báo, đèn tín hiệu, phao đánh dấu phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái, phân khu dịch vụ hành chính và vùng đệm khu bảo tồn biển.*  *- Khu bảo tồn thành lập mới: Dự án điều tra, khảo sát đa dạng sinh học vùng biển gò, đồi ngầm Quảng Bình - Quảng Trị, với quy mô 40.020 ha (trong đó diện tích vùng biển 40.000 ha). Vùng biển điều tra, khảo sát là dải đá ngầm chạy dọc ven biển từ Nhật Lệ (Quảng Bình) đến Cửa Tùng (Quảng Trị). Tọa độ ranh giới khu bảo tồn:*  *A(17°59'20''N,106°36'58"E);*  *B(17°59'20''N,106°34'34''E);*  *C(17°40'36''N,106°37'01''E);*  *D(17°39'19'N, 106°35'16''E);*  *E(17°23'22''N,106°49'15''E);*  *G(17°22'04''N,106°47'37''E);*  *H(17°06'37''N,107°08'51''E);*  *I(17°05'19'N, 107°07'08''E).*  *Sau khi thực hiện xong dự án điều tra, khảo sát tiến tới thành lập Khu bảo tồn biển xã Vĩnh Thái - Kim Thạch, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, có diện tích khoảng 20.000ha. Trong tương lai (khoảng năm 2035 đề xuất khu dự trữ sinh quyển thiên nhiên thế giới Cồn Cỏ - Vĩnh Thái - Kim Thạch).”* | Đã tiếp thu và bổ sung |
| **IV** | **Đối với thuyết minh đề xuất “Thực trạng và Phương án Phát triển Thủy lợi, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”**  Đề nghị rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nội dung sau: | |
| **1** | **Về căn cứ xây dựng Đề xuất**  Nội dung căn cứ nêu ra trong đề xuất chưa đảm bảo đầy đủ, thiếu các căn cứ quan trọng, đặc biệt là các chủ trương, định hướng chung về phát triển kinh tế xã hội và của ngành, lĩnh vực đã được ban hành ở cấp trung ương, cấp tỉnh. | Tư vấn tiếp thu và đã cập nhật, bổ sung |
| **2** | Về phân tích sự cần thiết lập Quy hoạch  Nội dung Đề xuất chỉ tập trung phân tích chung về sự cần thiết lập Quy hoạch, chưa có những đánh giá, phân tích cụ thể về việc triển khai nội dung quy hoạch và thực hiện quy hoạch giai đoạn trước đây, đặc biệt là thời kỳ (2010 - 2020). Trong đó cần phân tích, đánh giá cụ thể những mục tiêu, giải pháp đã phê duyệt, kết quả đạt được đối với công tác thủy lợi (về quản lý, khai thác, sử dụng nguồn nước, tưới tiêu, cấp nước, sinh hoạt nông thôn; về đầu tư nâng cấp, xây dựng công trình; về diện tích, khu vực, đối tượng phục vụ; về công tác quản lý, khai thác, bảo vệ, sử dụng hệ thống hạ tầng thủy lợi, nước sạch nông thôn;...).  Phân tích, đánh giá trong công tác phòng chống thiên tai (về năng lực phòng chống thiên tai của chính quyền và cộng đồng, kết quả triển khai thực hiện; về kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai: đê điều, kè chống sạt lở, thoát nước, chống ngập, giao thông, nhà cộng đồng,..; quy hoạch, bố trí dân cư, nhà ở vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai tại thành thị và nông thôn; về  giảm thiểu rủi ro, thiệt hại do thiên tai; công tác dự báo, cảnh báo thiên tai; công tác cứu hộ, cứu nạn, vật tư, trang thiết bị;). Đánh giá việc thực hiện các Nghị  quyết, Chiến lược, Đề án, Chương trình, Kế hoạch,..trong lĩnh vực Thủy lợi, Phòng chống thiên tai đã được ban hành.  Trên cơ sở đó, tổng hợp, đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và yêu cầu, sự cần thiết triển khai xây dựng Đề xuất quy hoạch giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. | Phần này tư vẫn đã trình bày trong phần hiện trạng hạ tầng thuỷ lợi chương II và phân tích những thuận lợi, khó khăn.  Ở đây chỉ trình bày riêng về cơ sở hạ tầng PCTT, các mục khác được trình bày riêng trong chuyên đề phương án PCTT và ứng phó với BĐKH tỉnh Quảng trị giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2050.. |
| **3** | **Nội dung tại phần II - Thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.** | |
| **3.1** | **Chương I - Đặc điểm tự nhiên** |  |
|  | **-** Bản đồ địa giới hành chính của tỉnh chưa cập nhật bản đồ hiện tại (sau khi sáp nhập, chia tách một số đơn vị hành chính cấp xã, thôn và điều chỉnh địa giới liên quan đến tỉnh Thừa Thiên Huế). | Tư vẫn đã cập nhật chỉnh sửa theo Nghị Quyết số 832/NQ\_UBTVQH14 ngày 17/12/2019 V.v Sắp sếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Trị. |
|  | Rà soát nội dung về đặc điểm địa hình tự nhiên và phân tích thuận lợi,  khó khăn đảm bảo sát thực, phù hợp với từng khu vực cụ thể: **Xin nêu 01 ví dụ cụ thể tại trang số 14** *“Địa hình đồng bằng là những vùng đất được bồi đắp phù sa từ hệ thống các sông, địa hình tương đối bằng phang,* ***có độ cao tuyệt đối từ 25 30 m****. Bao gồm đồng bằng Triệu Phong được bồi tụ từ phù sa sông*  *Thạch Hãn khá màu mỡ; đồng bằng Hải Lăng, đồng bằng sông Bến Hải tương đối phì nhiêu ”.* | Các yếu tố tự nhiên tư vấn tiếp thu và cập nhật bổ sung. |
|  | - Đặc điểm khí hậu, thủy văn: Đề nghị rà soát số liệu khí hậu, thủy văn trên địa bàn tỉnh (có nguồn cung cấp cụ thể làm cơ sở tổng hợp, tính toán), đồng thời phân tích đặc điểm, sự thay đổi về khí hậu, thủy văn theo hướng cực đoan hơn với giai đoạn trước đây (đặc biệt là mưa, lũ, hạn hán, bão), dự báo xu thế giai đoạn tiếp theo. | Tư vấn tiếp thu và đã cập nhật bổ sung. |
|  | - Đặc điểm hệ thống sông suối: Rà soát số liệu hệ thống sông suối phù hợp thực tế, trong đó cần phân tích cụ thể về tổng lượng nước đến theo các mùa trong năm (viện dẫn cụ thể nguồn cung cấp); phân tích các lưu vực thường xuyên ngập lụt ở hạ du (hệ thống Ô Lâu, Thạch Hãn, nhánh Sê Pôn, Sê Păng Hiêng,.), các khu vực có nguy cơ lũ ống, lũ quét ở thượng nguồn; hệ thống các sông đào kết nối các lưu vực (Vĩnh Định, Mai Lĩnh, Cánh Hòm,.). | Tư vấn tiếp thu và đã cập nhật bổ sung. |
|  | - Đặc điểm hải văn: Phân tích cụ thể đặc điểm hải văn, dòng hải lưu tại các khu vực dọc bờ biển tỉnh theo các mùa trong năm (đặc biệt tại Cửa Tùng, Cửa Việt) để đánh giá thuận lợi, khó khăn, nguy cơ về bồi lấp, sạt lở, xâm thực,. dọc bờ biển. | Tư vấn tiếp thu và đã cập nhật bổ sung. |
| **3.2** | **Chương II - Hiện trạng hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai** | |
| **3.2.1** | **Hiện trạng kết cấu hạ tầng thủy lợi** | |
|  | - Rà soát, cập nhật toàn bộ số liệu về hiện trạng các công trình thủy lợi đến thời điểm hiện nay: Hồ chứa, đập dâng, trạm bơm, kênh tưới, tiêu, công trình ngăn mặn; công trình phục vụ thủy sản; hệ thống tiêu thoát nước mặt khu vực đô thị, nông thôn; hệ thống công trình nước sạch nông thôn;.. | Tư vấn đã cập nhật số liệu từ Chi cục thuỷ lợi cấp từ tháng 5/2021 và đã đi rà soát thực địa các huyện, thị và đã xây dựng bản đồ hiện trạng. |
|  | - Phân tích, đánh giá cụ thể các hệ thống công trình lớn, phục vụ các vùng trọng điểm, đa đối tượng, các công trình có quy mô, vai trò quan trọng, động lực cho phát triển;.; | Phần này tư vấn đã trình bày trong phần hiện trạng hạ tầng thuỷ lợi chương II và phân tích những thuận lợi, khó khăn. |
|  | - Phân tích, đánh giá cụ thể thực trạng trong công tác quản lý, khai thác, vận hành công trình...; các giải pháp, biện pháp tưới tiêu, cấp nước; năng lực, phạm vi phục vụ, nhất là phạm vi, đối tượng khác (cây trồng cạn, khu vực khó khăn về nguồn nước; công nghiệp,.); ứng dụng khoa học công nghệ, hiện đại hóa, tiên tiến, chuyển đổi số,.; | Phần này tư vấn đã trình bày trong phần hiện trạng hạ tầng thuỷ lợi chương II và phân tích những thuận lợi, khó khăn. |
|  | - Phân tích, đánh giá kết quả về huy động nguồn lực, giải pháp đầu tư giai đoạn trước đây, đặc biệt thời kỳ 2010-2021, các chương trình, đề án, dự án trọng điểm đã được phê duyệt, những khó khăn, tồn tại, mục tiêu chưa đạt được. | Phần này tư vấn đã trình bày trong phần hiện trạng hạ tầng thuỷ lợi chương II và phân tích những thuận lợi, khó khăn. |
|  | - Phân tích, đánh giá cụ thể, sát thực kết quả, hiệu quả, thành công, những tồn tại, hạn chế, bất cập, những vấn đề phát sinh, yêu cầu của hạ tầng thủy lợi trên địa bàn tỉnh, đặc biệt trong thời kỳ quy hoạch 2010-2020 để làm cơ sở xây dựng đề xuất phương án. Trong đó, cần đánh giá theo từng loại hình công trình, lĩnh vực, phạm vi, đối tượng, khu vực phục vụ, tưới tiêu, cung cấp nguồn nước, chống hạn, cắt lũ, đẩy mặn, quản lý, vận hành,.. Nội dung trong thuyết minh đề xuất còn mang tính liệt kê, thiếu logic, chặt chẽ, chưa làm rõ được các vấn đề trọng tâm, trọng điểm, chưa có tính hệ thống, toàn diện; một số nội dung đánh giá chưa sát đúng so với thực tiễn, **xin nêu 01 ví dụ cụ thể tại trang số 33, 34**: *đã cấp nước tưới chủ động cho* ***83,6%*** *diện tích gieo cấy cho hai vụ lúa (cả năm 50.480ha); tưới cho màu: 1.380ha; tiêu úng cho: 7.500ha; ngăn mặn giữ ngọt, ngăn lũ tiểu mãn, lũ sớm cho: 13.000 ha. Diện tích tưới chủ động mới đạt gần* ***70%*** *yêu cầu; Việc ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác thủy lợi* ***đã được áp dụng nhiều công nghệ tiên tiến*** *như ứng dụng công nghệ giám sát và điều khiến công trình thủy lợi từ xa (SCADA/MAC),* ***ứng dụng công nghệ tin học trong mô phỏng dòng chảy lũ, dòng chảy kiệt, đánh giá chất lượng nước; Vào mùa khô, dòng chảy của các sông bị cạn kiệt là nguyên nhân gây nên hạn hán nghiêm trọng trong vùng, khoảng gần một nửa diện tích gieo trồng cây hàng năm vẫn chưa được đáp ứng đủ nước. Vì vậy cần nạo vét các hồ chứa để đảm bảo dung tích hồ, đủ nước phục vụ sản xuất trên tinh thần xã hội hóa việc thực hiện nạo vét;*** *Các công trình thủy lợi* ***chủ yếu là các công trình đập dâng, kênh dẫn phục vụ tưới, tiêu, cấp nước****. Công trình hồ chứa nước* ***đại đa số là các công trình hồ chứa nhỏ có tràn tự do, không có dung tích phòng lũ nên khả năng cắt lũ, phòng lũ hạn chế....****;* | Phần này tư vấn đã trình bày trong phần hiện trạng hạ tầng thuỷ lợi chương II và phân tích những thuận lợi, khó khăn. |
|  | - Cập nhật bản đồ hiện trạng hệ thống các công trình thủy lợi đến giai đoạn hiện nay, trong đó cần liệt kê các hệ thống, công trình trọng điểm, quan trọng trong nội dung trình bày bản đồ. | Trong báo cáo gửi kèm tư vấn đã xây dựng bản đồ Quy hoạch thuỷ lợi đã được xây dựng, danh mục các công trình nâng cấp sửa chữa, xây dựng mới ở phần phụ lục và đã phân kỹ đầu tư theo địa danh theo từng huyện. |
| **3.2.2** | **Hiện trạng kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai** | |
|  | - Thuyết minh đề xuất chủ yếu sơ bộ đánh giá đối với hệ thống hồ chứa thủy lợi, công trình đê điều, kè chống sạt lở, khu neo đậu, giao thông, trạm khí tượng thủy văn. Đề nghị bổ sung đánh giá tổng thể, toàn diện và đánh giá cụ thể từng loại hình công trình, công tác phòng chống thiên tai: Về công trình thủy lợi, thủy điện kết hợp phòng chống lũ (hồ chứa, đập dâng); công trình tiêu thoát nước, đặc biệt là khu vực đô thị, vùng thường xuyên ngập lụt;. Các công trình đê điều, kè chống sạt lở; công trình phục vụ phòng chống thiên tai cộng đồng; khu neo đậu, tránh trú bão, công trình phục vụ, bảo vệ sản xuất thủy sản, nông nghiệp, lâm nghiệp,..; đánh giá quy hoạch, sắp xếp, bố trí dân cư, nhất là vùng thường xuyên xảy ra thiên tai tại miền núi và đồng bằng; đánh giá hệ thống hạ tầng cơ sở (trụ sở, khu công nghiệp, dịch vụ,.) vùng ven biển, ngập lụt, sạt lở,.; đánh giá hệ thống giao thông phục vụ phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, vùng ngập lụt, sạt lở; hệ thống mạng lưới, công trình khí tượng, thủy văn phục vụ dự báo, cảnh báo thiên tai đối với chính quyền và cộng đồng; các phần mềm, mô hình ứng dụng khoa học, công nghệ trong dự báo, cảnh báo thiên tai; trang thiết bị, phương tiện, vật tư phục vụ cứu hộ, cứu nạn, ứng phó thiên tai; đánh giá thực trạng công tác quản lý, phòng chống thiên tai của chính quyền các cấp và cộng đồng;.; | Ở đây chỉ trình bày riêng về cơ sở hạ tầng PCTT, các mục khác được trình bày riêng trong chuyên đề phương án PCTT và ứng phó với BĐKH tỉnh Quảng trị giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2050. |
|  | - Phân tích, đánh giá kết quả về huy động nguồn lực, giải pháp đầu tư giai đoạn trước đây, đặc biệt thời kỳ 2010-2021, các chương trình, đề án, dự án trọng điểm đã được phê duyệt, những khó khăn, tồn tại, mục tiêu chưa đạt được. | Ở đây chỉ trình bày riêng về cơ sở hạ tầng PCTT, các mục khác được trình bày riêng trong chuyên đề phương án PCTT và ứng phó với BĐKH tỉnh Quảng trị giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2050. |
|  | - Trên cơ sở đó, phân tích, đánh giá, tổng hợp những kết quả đạt được, năng lực hệ thống hạ tầng và công tác phòng chống thiên tai; những tồn tại, hạn chế, bất cập, những vấn đề phát sinh và nguy cơ đối với hệ thống kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh, những yêu cầu trong giai đoạn tiếp theo; | Ở đây chỉ trình bày riêng về cơ sở hạ tầng PCTT, các mục khác được trình bày riêng trong chuyên đề phương án PCTT và ứng phó với BĐKH tỉnh Quảng trị giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2050. |
|  | - Bổ sung, cập nhật bản đồ, sơ đồ tổng thể hiện trạng kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh. | Trong báo cáo gửi kèm tư vấn đã xây dựng bản đồ Quy hoạch thuỷ lợi, PCTT đã được xây dựng, danh mục các công trình nâng cấp sửa chữa, xây dựng mới ở phần phụ lục và đã phân kỹ đầu tư theo địa danh theo từng huyện. |
| **4** | **Nội dung tại phần III - Dự báo xu thế phát triển.** | |
| **4.1** | **Chương III - Dự báo xu thế phát triển và kịch bản phát triển** | |
| **4.1.1** | **Dự báo xu thế phát triển, xu thế nguồn nước và các tác động** | |
|  | a) Định hướng phát triển kinh tế - xã hội và tác động đến hoạt động phòng, chống thiên tai và thủy lợi  Thuyết minh đề xuất trình bày còn tổng quát, chưa làm rõ mối quan hệ giữa định hướng phát triển kinh tế - xã hội và công tác phòng, chống thiên tai, thủy lợi. Đề nghị trình bày, phân tích cụ thể, logic để làm rõ mối quan hệ giữa định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh tác động, yêu cầu đối với việc xây dựng phương án phát triển chống thiên tai, thủy lợi, nhất là những vấn đề và yêu cầu mới, mang tính chất lâu dài. | Định hướng phát triển kinh tế xã hội là theo phương án chọn của Quy hoạch tỉnh, dựa vào các định hướng phát triển này công tác thuỷ lợi và PCTT là ngành đi sau để phục vụ đáp ứng được nhu cầu về phát triển kinh tế xã hội với các kịch bản đề ra. |
|  | b) Dự báo xu thế nguồn nước và tác động đến hoạt động phòng, chống thiên tai và thủy lợi.  - Về kịch bản biến đổi khí hậu, nguồn nước: Thuyết minh viện dẫn: Kịch bản BĐKH năm 2016 (kịch bản mới nhất), tuy nhiên năm 2021 Bộ Tài nguyên và Môi trường đã công bố Kịch bản biến đổi khí hậu Việt Nam phiên bản cập nhật năm 2020 tại văn bản số 8272/BTNMT-BĐKH ngày 31/12/2021 làm cơ sở để các các Bộ, ngành và địa phương nghiên cứu, tham khảo trong quá trìnhxây dựng, cập nhật chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển trong giai đoạn tới, trong đó toàn bộ liệt tài liệu về khí tượng, thủy văn đã được kéo dài, cập nhật đến năm 2020 so với thời điểm năm 2014 (kịch bản năm 2016). Đồng thời, nội dung cá quy hoạch chuyên ngành: “Thực trạng và phương án khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống, khắc phục tác hại do nước gây ra”; “ Phương án bảo vệ môi trường, bảo vệ thiên nhiên và đa dạng sinh học”,.... đã cập nhật toàn bộ nội dung theo kịch bản ban hành năm 2021. Do đó, đề nghị rà soát, cập nhật lại nội dung, số liệu kịch bản biến đổi khí hậu, nguồn nước theo kịch bản năm 2020 để làm cơ sở tính toán, xây dựng đề xuất phương án phòng, chống thiên tai và thủy lợi.  - Thuyết minh đề xuất đưa ra số liệu dự báo nguồn nước tổng hợp theo từng thời kỳ, cho từng tiểu lưu vực và giai đoạn trong năm tương ứng với từng kịch bản biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, để đảm bảo tính tổng thể trong đánh giá, quản lý, điều tiết, sử dụng nguồn nước cũng như quản lý ngập lụt hạ lưu trên địa bàn tỉnh, đề nghị bổ sung kết quả tính toán, tổng hợp theo từng lưu vực sông (tính từ thượng nguồn về hạ lưu đối với các hệ thống: Bến Hải, Hiếu, Thạch Hãn, Ô Lâu), đồng thời có tính đến việc tích trữ nguồn nước ở thượng nguồn các công trình thủy lợi, thủy điện; kết nối, điều tiết nguồn nước, dòng chảy lũ ở hạ lưu các hệ thống sông thông qua các sông Cánh Hòm, Vĩnh Định, Mai Lĩnh nhằm đảm bảo phù hợp với hiện trạng sông suối, hồ chứa, công trình điều tiết trên sông (đập dâng, ngăn mặn) trên địa bàn tỉnh. | Các yếu tố ảnh hưởng đến nguồn nước là nhiệt độ và lượng mưa, theo kịch bản BĐKH năm 2016 đưa ra các số liệu đầu thế kỷ và kịch bản BĐKH năm 2020 chỉ đưa ra các số liệu thay đổi nửa cuối thế kỷ sau. Tại quy hoạch lần này chúng ta quy hoạch đến 2030 và tầm nhìn đến 2050, do vậy chúng tôi sử dụng các số theo kịch bản BĐKH năm 2016.  Việc phân chia lưu vực ở đây dựa theo đường phân thuỷ của từng lưu vực, việc chia nhỏ ra nó chi tiết và cụ thể hơn trong việc đưa ra các phương án cấp nước cho từng tiểu vùng và các tiểu vùng này đều nằm trong 1 lưu vực lớn như: Bến Hải, Hiếu, Thạch Hãn, Ô Lâu và trong tính toán cân bằng nước các vùng hạ lưu đã có tính lượng nước đến từ thượng lưu |
|  | c) Dự báo những tác động ảnh hưởng của BĐKH | Trong phần 3.1.3 trang 52, Tư vấn đã đưa ra những dự báo và tác động của BĐKH. |
|  | **- Kịch bản về BĐKH:** Đề nghị rà soát, cập nhật kịch bản BĐKH đến năm 2020 so với kịch bản trong thuyết minh tính toán năm 2016, đánh giá những biểu hiện rõ ràng về mặt số liệu trong những năm gần đây (hạn hán, bão, ATNĐ, mưa lũ, ngập úng, sạt lở,.). | Các yếu tố ảnh hưởng đến nguồn nước là nhiệt độ và lượng mưa, theo kịch bản BĐKH năm 2016 đưa ra các số liệu đầu thế kỷ và kịch bản BĐKH năm 2020 chỉ đưa ra các số liệu thay đổi nửa cuối thế kỷ sau. Tại quy hoạch lần này chúng ta quy hoạch đến 2030 và tầm nhìn đến 2050, do vậy chúng tôi sử dụng các số theo kịch bản BĐKH năm 2016.  Các số liệu về hạn hán, bão, ATNĐ mưa lũ, ngập úng, sạt lở .. được trình bày chi tiết trong chuyên đề phương án PCTT và ứng phó với BĐKH tỉnh Quảng trị giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2050.  Đây là phần dự báo, đã có phần đánh giá hiện trạng của các công trình ngăn mặn mục 2.1 và hiện trạng xâm nhập mặn trong chuyên đề phương án PCTT và ứng phó với BĐKH tỉnh Quảng trị giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2050. |
|  | **- Về xâm nhập mặn:** Đề nghị đánh giá cụ thể hiện trạng, hoạt động vận hành, hiệu quả, tồn tại, hạn chế của hệ thống các công trình ngăn mặn trọng điểm trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó dự báo những tác động của xâm nhập mặn do biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với các khu vực đã có công trình ngăn mặn và các khu vực hạ lưu các công trình, các khu vực chưa có công trình (dòng chính Thạch Hãn đoạn từ Cửa Việt đến đập Trấm, dòng chính Bến Hải từ Cửa Tùng đến đập Sa Lung và nhánh Bến Tắt, vùng thượng lưu đập Cửa Lác;.). | Đây là phần dự báo, đã có phần đánh giá hiện trạng của các công trình ngăn mặn mục 2.1 và hiện trạng xâm nhập mặn trong chuyên đề phương án PCTT và ứng phó với BĐKH tỉnh Quảng trị giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2050. |
|  | **- Về tiêu úng:** Đề nghị đánh giá cụ thể năng lực, hoạt động của hệ thống tiêu úng trọng điểm, đặc biệt các khu vực thấp trũng, vùng sản xuất nông nghiệp tập trung (Hải Lăng, Triệu Phong, Gio Linh, Vĩnh Linh,.), các khu dân cư, đô thị, nhất là qua các đợt mưa lũ bất thường, trái mùa trong những năm vừa qua. Trên cơ sở đó đưa ra các số liệu dự báo, đánh giá những nguy cơ, tác động của BĐKH đối với yêu cầu trong công tác tiêu úng. | Đây là phần dự báo, đã có phần đánh giá hiện trạng của các công trình tiêu úng mục 2.1.5. |
|  | **- Về nguy cơ ngập vì nước biển dâng do BĐKH**  Thuyết minh đề xuất đưa ra dự báo vùng tỉnh Quảng Trị có nguy cơ ngập lụt do ảnh hưởng của nước biển dâng 100cm với khoảng 2,61% diện tích. Đề nghị phân tích, làm rõ các khu vực, địa bàn cụ thể chịu ảnh hưởng để làm cơ sở xây dựng các phương án ứng phó phù hợp. | Nguy cơ ngập lụt do nước biển dâng được đưa ra cụ thể chi tiết trong các kịch bản BĐKH 2016, 2020 và đã có xây dựng bản đồ nguy cơ ngập toàn Quốc cho các tỉnh ven biển và đã được trình bày cụ thể trong chuyên đề Phương án PCTT |
|  | d) Dự báo tác động của thiên tai và các hiện tượng thời tiết cực đoan đến tính bền vững của hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi  - Dự báo tác động đến hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi: Trên cơ sở kết quả đánh giá hiện trạng, năng lực của hệ thống công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai, công tác quản lý, khai thác, vận hành các công trình, đề nghị phân tích, đánh giá cụ thể những tác động, nguy cơ của thiên tai, nhất là các hiện tượng, xu thế ngày càng cực đoan (hạn hán, mưa lớn, bão, ATNĐ, sạt lở, ngập lụt, lũ ống, lũ quét; xâm thực, bồi lấp cửa sông, bờ biển...) đối với tính bền vững của hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các công trình, khu vực trọng điểm, công trình chưa đảm bảo an toàn. Riêng đối với hệ thống các công trình thủy lợi, cần đánh tập trung đánh giá tác động đối với các hồ chứa, đập dâng, cấp nước sinh hoạt nông thôn, công trình đê điều, kè chống sạt lở. | Đây là phần dự báo xu thế do ảnh hưởng của BĐKH đối với hạ tầng các công trình thuỷ lợi và PCTTvà trong giai đoạn quy hoạch đã đưa ra các khuyến cáo và đưa ra các giải pháp cần phải thực hiện, còn chi tiết cụ thể đối với từng loại hình công trình cần có các giải pháp tính toán cụ thể chi tiết trong các giai đoạn sau: TVTK, quản lý vận hành. |
|  | e) Dự báo tác động của ứng dụng khoa học công nghệ và nguồn lực đến công tác phòng chống thiên tai và thủy lợi  Nội dung trình bày trong thuyết minh đề xuất chưa đúng trọng tâm, trọng điểm, viện dẫn những kết quả chung của ngành, lĩnh vực trên cả nước, chưa phân tích, làm rõ những kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn trước đây, nhất là thời kỳ 2010-2020. Đề nghị rà soát, bổ sung nội dung đảm bảo yêu cầu, đồng thời cập nhật những chủ trương, chính sách (Nghị quyết, chương trình, kế hoạch, đề án,.) về ứng dụng khoa học công nghệ và nguồn lực trong công tác phòng chống thiên tai và thủy lợi đã và đang được xây dựng, triển khai trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. | Tư vấn tiếp thu cập nhật bổ sung |
| **4.1.2** | **Xây dựng kịch bản trong thời kỳ lập quy hoạch** | |
|  | a) Xây dựng các kịch bản  Theo kịch bản phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh Quảng Trị (thuyết minh tổng hợp chung) đưa ra 03 kịch bản phát triển: Cao, Khá, Trung Bình và phân tích, lựa chọn kịch bản (phương án chọn) là “Phát triển nhanh gắn liền với nâng cao hiệu quả và phát triển bền vững” (kịch bản phát triển Khá).  Nội dung thuyết minh phương án đề xuất chỉ xây dựng 02 kịch bản: Kịch bản nền được lập trên cơ sở hiện trạng các ngành dùng nước chính, hiện trạng điều kiện nguồn nước tại thời điểm nghiên cứu và hiện trạng kết cấu của các ngành thủy lợi, giao thông, xây dựng hiện có và Kịch bản phát triển nhanh gắn liền với nâng cao hiệu quả và bền vững. Để có cơ sở củng cố việc lựa chọn kịch bản phát triển Khá trong thuyết minh quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đề nghị bổ sung xây dựng thêm 02 kịch bản phương án phát triển triển hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu tương ứng với 02 kịch bản phát triển Cao và Trung bình của tỉnh, từ đó phân tích, đánh giá, so sánh, lựa chọn. | Các kịch bản phát triển kinh tế xã hội, thì việc QHTL nhiệm vụ là cấp nước, do vậy các số liệu tính toán ở đây là dựa trên các phương án chọn để tính toán cân bằng nước và đưa ra giải pháp cấp nước |
|  | b) Xác định yêu cầu phục vụ theo các kịch bản tại các vùng  Đề nghị rà soát toàn bộ nội dung, số liệu về định hướng phát triển của các ngành, lĩnh vực, địa phương đảm bảo đầy đủ, phù hợp để làm cơ sở tính toán 15 nhu cầu dùng nước (có nguồn, địa chỉ cung cấp cụ thể, đặc biệt là số liệu thống nhất từ các địa phương, đơn vị). Bên cạnh đó, việc xác định yêu cầu phục vụ cần bám sát, cập nhật các định hướng, chủ trương, quy hoạch, đề án, dự án, khu kinh tế, công nghiệp, dịch vụ,... đã được phê duyệt của tỉnh, đặc biệt các vùng, khu vực, ngành trọng điểm, tạo động lực phát triển cũng như đảm bảo các yếu tố phát triển bền vững, lâu dài. Ngoài ra, cần tổng hợp theo từng lưu vực sông và có tính đến các yếu tố tác động khách quan, chủ quan bất lợi nhất.  **Xin nêu 01 ví dụ cụ thể tại trang số 68, 69** - Định hướng phát triển công nghiệp: Tiểu vùng 9 - HL S.Thạch Hãn: **Đến năm 2025: 175,5 ha; năm 2030: 1.368 ha; năm 2050: 2.368ha.** Tuy nhiên, tại Quyết định số 1936/QĐ-TTg ngày 11/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị đến năm 2035, nhầm nhìn đến năm 2050 như sau: **Đến năm 2025: khoảng 6.433 ha (trong đó, khu CN khoảng 1.345ha); năm 2035: khoảng 13.461 ha (trong đó, khu CN khoảng 3.682ha);...**  Bên cạnh đó, việc xác định yêu cầu phục vụ chỉ tập trung xác định cho các lĩnh vực: Nông - Lâm - Thủy sản; công nghiệp; dân số. Đề nghị bổ sung xác định thêm các lĩnh vực khác nhằm đảm bảo toàn diện, tổng thể (Du lịch, dịch vụ; sinh thái, môi trường, chống sa mạc hóa, xâm nhập mặn, y tế, giao thông thủy,.). Đồng thời, việc xác định yêu cầu phục vụ ngoài các số liệu tổng quát (diện tích, số dân,.) thì cần bổ sung thêm các số liệu đánh giá về quy mô, đặc thù, tính chất, tốc độ phát triển để có cơ sở xác định cơ bản các mục tiêu phục vụ lâu dài (Khu kinh tế Đông Nam, khu công nghiệp quán ngang, các khu nông nghiệp công nghệ cao; khu nhà ở tập trung tại các khu công nghiệp; vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm, vùng sản xuất nông nghiệp trên cát, gò đồi, miền núi; khu du lịch, dân sinh trên đảo cồn cỏ,; khu du lịch Cửa Tùng, Cửa Việt, Vĩnh Thái, du lịch sinh thái,.). | Đây là quy hoạch tích hợp các định hướng của các ngành thì trình bày chi tiết theo các đề xuất của từng ngành. Và tại đây chúng tôi lấy số liệu là số liệu hiện trạng và dự báo của các ngành cung cấp VD như:  - Dân số: Báo cáo hiện trạng và dự báo dân số tỉnh Quảng trị  - Cây trồng vật nuôi: Phương án phát triển ngành Nông nghiệp  - Số liệu Công nghiệp: Số liệu được lấy theo bảng tổng hợp các khu, cụm công nghiệp hiện trạng và dự kiến các huyện, thị xã, thành phố - Tỉnh Quảng Trị của Liên danh tư vấn.  (Phụ lục 4 trong Báo cáo phương án phát triển ngành Công nghiệp) |
| **4.2** | **Chương IV - Đề xuất phương án phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.** | |
| **4.2.1** | ***Phương án thủy lợi của tỉnh Quảng Trị trong Quyết định số 1588/QĐ- TTg ngày 24/10/2012*** *(Thuyết minh viện dẫn):*  Phương án này được phê duyệt vào năm 2012, đến nay hiện trạng hệ thống hạ tầng Thủy lợi trên địa bàn tỉnh đã có sự thay đổi, phát triển. Do đó đề nghị xem xét lại việc viện dẫn nội dung Quyết định nêu trên trong thuyết minh phương án đảm bảo phù hợp với thực tế. **Xin nêu 01 ví dụ cụ thể tại trang số 72: *Hoàn thiện đập ngăn mặn Sa Lung kết hợp hồ Bảo Đài*** *cấp nước tưới, nuôi trồng thủy sản và cấp nước sinh hoạt,* ***hồ thủy điện Rào Quán*** *kết hợp cắt lũ, điều tiết bố sung cho hạ du; nâng cấp, xây dựng các công trình ngăn mặn, trữ ngọt, gồm: Đập Cửa Lác, các cống Mai Xá, Xuân Hòa, Việt Yên;* ***tiếp tục nghiên cứu xây dựng đập sông Hiếu ngăn mặn, cấp nước cho thành phố Đông Hà****; nâng cấp hoàn chỉnh các hệ thống công trình* ***Bảo Đài****, Bàu Nhum và các công trình khác cấp nước cho 36.083 ha;...;* | Đề xuất tích hợp thuỷ lợi ở đây vẫn phải theo các Quy hoạch của cấp cao hơn đã có và vẫn còn hiệu lực, nếu chưa thực hiện được thì trong tích hợp lần này vẫn được tích hợp vào |
| **4.2.2** | **Quan điểm, mục tiêu phát triển hạ tầng thủy lợi và PCTT ứng phó BĐKH** | |
|  | a) Quan điểm  Thuyết minh đề xuất đưa ra các quan điểm Phát triển thủy lợi theo nội dung Chiến lược phát triển Thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045. Tuy nhiên, đối với tỉnh Quảng Trị, trên cơ sở kết quả đánh giá hiện trạng, yêu cầu, kịch bản phát triển cần đưa ra các quan điểm cụ thể, sát thực, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với từng lưu vực, khu vực, địa bàn. Đề nghị nghiên cứu, bổ sung đảm bảo yêu cầu. | Phần này đã được sửa theo góp ý của Sở NN &PTNT tại văn bản số 2723/SNN-KHTH ngày 3/12/2021 sau báo cáo tại sở NN tháng 11/2021. |
|  | b) Mục tiêu  Thuyết minh đề xuất có đưa ra các mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, tuy nhiên để có cơ sở lựa chọn các mục tiêu, đề nghị bổ sung nội dung đánh giá, phân tích những kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện các mục tiêu ở giai đoạn trước đây. Phân tích, xây dựng các kịch bản về mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể, đánh giá, so sánh giữa các kịch bản, dự báo khả năng hoàn thành để làm cơ sở lựa chọn mục tiêu, chỉ tiêu tối ưu, khả thi. Đồng thời, việc xây dựng mục tiêu cần tập trung giải quyết những vấn đề trọng tâm, trọng điểm, có tính chất cấp thiết trước mắt cũng như lâu dài, phân kỳ hoàn thành theo từng giai đoạn phù hợp với khả năng thực hiện. Trong đó, cần nhấn mạnh những mục tiêu phát sinh trong giai đoạn mới, sắp những theo thứ tự ưu tiên, đảm bảo tính tổng thể, toàn diện, thống nhất, đồng bộ trong phát triển hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai cũng như công tác quản lý, phục vụ, khai thác, vận hành. | Phần này đã được sửa theo góp ý của Sở NN &PTNT tại văn bản số 2723/SNN-KHTH ngày 3/12/2021 sau báo cáo tại sở NN tháng 11/2021. |
|  | c) Phương án phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi |  |
|  | **- Định hướng phát triển:** Đề nghị phân tích, làm rõ cơ sở lựa chọn định hướng phát triển; rà soát nội dụng thuyết minh định hướng đảm bảo cụ thể, sát thực, phù hợp trên địa bàn tỉnh. **Xin nêu 01 ví dụ cụ thể tại trang số 75**: *....phục vụ phát triển vùng sản xuất hoa, rau màu,* ***tưới cho cây chè****, vùng cây ăn quả;...* | Tư vấn tiếp thu và đã cập nhật bổ sung |
|  | **- Phương án phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi:** |  |
|  | **+** Phân vùng thủy lợi cấp nước: Đề nghị rà soát lại phân vùng thủy lợi cấp nước theo địa giới hành chính đảm bảo phù hợp với đặc điểm địa hình, lưu vực từng khu vực. **Xin nêu 01 ví dụ cụ thể tại trang số 77**, tiểu vùng vưu vực sông Sa Lung: ***hầu hết diện tích*** *TT. Bến Quan, TT. Cửa Tùng, TT. Hồ Xá, xã Hiền Thành,* ***xã Kim Thạch, xã Trung Nam,*** *xã Vĩnh Chấp, xã Vĩnh Giang, xã Vĩnh Hòa, xã Vĩnh Khê, xã Vĩnh Lâm, xã Vĩnh Long, xã Vĩnh Sơn,* ***xã Vĩnh Thái****, xã Vĩnh Thủy và* ***xã Vĩnh Tú****. Hạ lưu sông Thạch Hãn: 1/6 diện tích huyện Gio Linh gồm 1 thị trấn, 6 xã,* ***3/4 xã Gio Mỹ, 4/5 xã Trung Giang****,****....*** | - Trong tính toán phân chia vùng thuỷ lợi cấp nước chúng tôi dựa trên bản đồ địa hình dùng phần mềm Arc Gis phân chia lưu vực, vì vậy vùng cấp nước là nằm trong 1 tiểu lưu vực do vậy có thể không nguyên vẹn theo địa danh hành chính. |
|  | + Tính toán cân bằng nước: Đề nghị rà soát lại các chỉ tiêu, yêu cầu về sử dụng nước đảm bảo phù hợp theo các tiêu chuẩn, đầy đủ các đối tượng, thành phần, ngành, lĩnh vực sử dụng nước, trong đó có tính đến định hướng phát triển và tác động bất lợi của BĐKH, suy giảm nguồn nước về hạ lưu do vấn đề tích nước thượng lưu các hồ chứa thủy điện trong mùa khô, đặc biệt là các khu vực hạn hán thường xuyên, khu vực không đảm bảo nguồn nước tại chổ, khu sinh thái, vùng ven biển, các khu kinh tế, cụm công nghiệp,.... Bên cạnh đó, cần phân tích việc lựa chọn tài liệu khí tượng, thủy văn đại diện phục vụ tính toán (trạm Đông Hà, Trạm Khe Sanh) đảm bảo phù hợp với tính chất, đặc thù từng tiểu lưu vực, rà soát liệt tài liệu tính toán đảm bảo theo các tiêu chuẩn chuyên ngành cũng như cập nhật các tài liệu bổ sung đến thời điểm hiện nay. | - Các tiêu chuẩn cấp nước đã dựa theo các tiêu chuẩn hiện hành. |
|  | + Đối với chỉ tiêu dùng nước cho nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản: Đề nghị phân tích, làm rõ cơ sở xác định mức tưới đối với từng phân vùng dùng nước đảm bảo phù hợp với hiện trạng hệ thống các công trình chứa nướ c, kênh dẫn, lượng mưa, khí hậu cũng như công tác quản lý, vận hành, hiện đại hóa thời điểm hiện nay và giai đoạn tiếp theo. Đồng thời, đối với các phân vùng có tính chất đặc thù về địa hình, thổ nhưỡng, cây trồng cần áp dụng các số liệu và phương pháp tính toán đảm bảo phù hợp. Ví dụ, yêu cầu tính toán nhu cầu dùng nước sản xuất nông nghiệp phân vùng hạ lưu sông Ô Lâu khác so với phân vùng lưu vực sông Hiếu, Thạch Hãn (về đặc thù địa hình, hạ tầng, biện pháp thủy lợi, tưới, tiêu,...); yêu cầu tính toán đối với vùng sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản trên cát (Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng), vùng trung du, gò đồi (Tây Gio Linh, Cam Lộ, Tây Triệu Phong, Hải Lăng sẽ khác so với các khu vực khác; tính toán nhu cầu dùng nước đối vùng sản xuất công nghệ cao sẽ khác so với các khu vực còn lại (công nghệ, dồn điền đổi thửa,.); nhu cầu dùng nước thủy sản nước ngọt khác so với thủy sản nước lợ, Đề nghị rà soát lại toàn bộ nội dung tính toán đảm bảo phù hợp; bổ sung nội dung tổng hợp cân bằng nước theo từng lưu vực sông. | - Trong giai đoạn Quy hoạch chúng tôi tính đại diện cho từng vùng để tính CBN mang tính chất tổng thể, các giai đoạn tiếp theo cần phải tính toán chi tiết cụ thể đối với mỗi công trình. |
|  | + Đối với chỉ tiêu dùng nước cho công nghiệp: Thuyết minh chưa làm rõ cơ sở tính toán, đồng thời nội dung tính toán chỉ tận dụng số liệu hiện có và sơ bộ tính toán do giai đoạn tiếp theo, chưa tính đến quy mô, đặc thù, tốc độ phát triển của các khu, cụm công nghiệp *(nội dung nêu tại trang số 88 phương án tài nguyên nước: Đối với các khu công nghiệp tập trung chưa có yêu cầu nước cụ thể, chúng tôi sơ bộ tính tiêu chuẩn dùng nước mở rộng cho 1 ha xây dựng với mức cấp: 20 m3/ngày/ha).* Đề nghị bổ sung tính toán đảm bảo yêu cầu phát triển lâu dài. | Với chỉ tiêu cấp nước này chúng tôi tính toán theo QCVN: 01/2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch Xây dựng. Tại mục 2.10.2 trang 32- Nhu cầu sử dụng nước " Nước cho các khu công nghiệp tập trung: Xác định theo loại hình công nghiệp, đảm bảo tối thiểu bằng 20 m3/ha/ ngày đêm cho tối thiểu 60% diện tích khu công nghiệp" |
|  | + Các chỉ tiêu đối với các ngành, lĩnh vực khác: Đề nghị rà soát số liệu và phương pháp tính toán đảm bảo phù hợp, tối ưu. | Tư vấn sẽ cập nhật bổ sung do các ngành cung cấp. |
|  | **- Quy hoạch cấp nước cho nông nghiệp:** |  |
|  | + Việc xác định quy hoạch cấp nước cho nông nghiệp phải dựa trên kết quả tính toán cân bằng nước, hiện trạng hạ tầng thủy lợi, yêu cầu phát triển kết hợp đa mục tiêu, phòng chống thiên tai; đồng thời tận dụng, nâng cấp, phát huy tối đa hiệu quả hệ thống hạ tầng đã được đầu tư, xây dựng và tiếp tục nghiên cứu xây dựng mới các công trình. Vì vậy, cần tập trung phân tích, làm rõ các nội dung để có cơ sở xây dựng quy hoạch. | Tư vấn sẽ cập nhật bổ sung do các ngành cung cấp. |
|  | + Theo nội dung thuyết minh đề xuất, toàn tỉnh đầu tư xây dựng mới 100 công trình, diện tích tưới tăng thêm 20.842 ha, nâng cấp sửa chữa 240 công trình diện tích đảm bảo tưới 5.378 ha. Đề nghị rà soát, đánh giá, phân tích làm rõ cơ sở xây dựng đề xuất nêu trên, trong đó cần xem xét tính hợp lý về mặt địa hình, lưu vực, tính khả thi, cần thiết trong xây dựng công trình cũng như phù hợp với yêu cầu, nhu cầu phát triển, phòng chống thiên tai, nhất là các công trình xây mới (sơ bộ có các tài liệu nghiên cứu thực tế), đồng thời đảm bảo phù hợp, thống nhất với phương án phát triển của các địa phương, ngành, lĩnh vực. Đối với công trình xây dựng mới, cần phân tích, so sánh giữa phương án nâng cấp, mở rộng, bổ sung nguồn nước đối với các công trình lân cận trong phân vùng để phục vụ sản xuất và phương án xây mới công trình.  **+ Xin nêu một ví dụ cụ thể tại trang số 95, 96 của thuyết minh:**  *“Tiểu vùng 1- LVsông Sa Lung với diện tích tự nhiên 53.135 ha phía Bắc giáp vùng Nam Quảng Bình, phía Nam giáp dòng chính sông Bến Hải, phía đông giáp biển và phía Tây là gianh giới phân lưu với sông Đại Giang và sông Sê Băng Phai.*  *Địa hình dốc theo hướng Tây - Đông và hướng Bắc - Nam.* ***Tổng diện tích hiện đang canh tác đất lúa 2 vụ 4.037 ha, màu và cây công nghiệp 8.900 ha, nuôi trồng thuỷ sản 823ha****.* ***Khả năng đất trong vùng còn có thể khai thác để sản xuất nông nghiệp được nhưng chủ yếu là cây trồng cạn.***  ***Hiện trạng thuỷ lợi trong vùng đã xây dựng được 40 hồ chứa, 37 đập dâng với dung tích thiết kế: 7.292 ha trong đó lúa 6.861 ha, màu 431 ha.***  *Các công trình thuỷ lợi đáng chú ý trong vùng là:*  *- Hệ thống thủy lợi La Ngà xây dựng năm 1975, được nâng cấp, sửa chữa và hoàn thành năm 2018, có nhiệm vụ tưới cho 2.450ha đất canh tác thuộc huyện Vĩnh Linh.*  *- Hồ Bảo Đài diện tích tưới thiết kế 3280 ha lúa*  *- Hồ Bàu Nhum là hồ chứa nước trên cát, diện tích tưới thiết kế 800 ha.*  *Phương án phát triển thuỷ lợi cho vùng này là:*  *- Nâng cấp sửa chữa 45 công trình đảm bảo tưới cho 1.023 ha*  *- Xây dựng mới 14 hồ chứa và 4 đập dâng tưới cho 4.134 ha ”*  Theo kết quả tính toán cân bằng nước (trang 88-93) giai đoạn hiện tại còn thiếu **78,93 triệu m3**, giai đoạn 2025 (kịch bản BĐKH 'RCP 4.5) thiếu **39,98 triệu m3**, giai đoạn 2030 (kịch bản BĐKH RCP 4.5) thiếu **33,84 triệu m3**, giai đoạn 2050 (kịch bản BĐKH RCP 4.5) thiếu **33,15 triệu m3**. Đồng thời, thống kê hiện tại trong khu vực có 03 hồ chứa trọng điểm: Bàu Nhum, La Ngà, Bảo Đài với tổng dung tích hữu ích gần 58 triệu m3, cùng với các hồ, đập nhỏ có tổng dung tích gần 4 triệu m3 và hệ thống các trạm bơm dọc sông Sa Lung phục vụ tưới trong khu vực. Như vậy, về cơ bản tổng dung tích các công trình trữ nước, cấp nước hiện có trong tiểu lưu vực khoảng **70 triệu m3,** đảm bảo khả năng phục vụ cho giai đoạn 2025: **39,98 triệu m3**, giai đoạn 2030: **33,84 triệu m3**, giai đoạn 2050 **33,15 triệu m3**, trong đó về diện tích cơ bản đã đáp ứng nhu cầu sản xuất, một số vùng có địa hình khó khăn hoặc không đảm bảo nguồn nước cần có giải pháp bổ sung, cung cấp nguồn nước từ các công trình lân cận hoặc chuyển đổi cơ cấu sản xuất, mùa vụ. Do đó, việc đề xuất đưa vào quy hoạch **nâng cấp, sửa chữa sửa chữa 45 công trình tưới cho 1.023 ha** và **xây mới 14 hồ chứa và 04 đập dâng tưới cho 4.134 ha** theo nội dung thuyết minh nêu trên cần được rà soát, khảo sát, nghiên cứu, tính toán phù hợp, khả thi. | - Về tổng thể CBN thì là lượng nước đến toàn bộ tiểu vùng, các công trình trữ nước khi thiết kế đã tính toán nhiệm vụ của công trình và có những công trình trữ nước ở vùng thấp không thể cấp nước cho vùng cao, do vậy các công trình xuống cấp không đảm bảo nhiệm vụ thiết kế cần nâng cấp, sửa chữa và đề xuất xây dựng các công trình mới để phục vụ những vùng chưa được cấp nước từ các công trình đã có. |
|  | **- Quy hoạch cấp nước cho các ngành, lĩnh vực khác:** Đề nghị bổ sung nội dung tính toán nhu cầu dùng nước và Quy hoạch cấp nước cho các ngành, lĩnh vực khác tương tự như quy hoạch cấp nước nông nghiệp. | Trong đề xuất thuỷ lợi nhiệm vụ cấp nước cho nông nghiệp, còn cấp nước cho các ngành khác đã có chuyên đề cấp thoát nước. |
|  | **- Bản đồ quy hoạch thủy lợi:** Đề nghị rà soát nội dung bản đồ quy hoạch thủy lợi đảm bảo phù hợp với nội dùng đề xuất, trong đó cần bổ sung cụ thể danh mục, ví trí công trình đầu tư mới, công trình nâng cấp,....; | Trong báo cáo gửi kèm tư vấn đã xây dựng bản đồ Quy hoạch thuỷ lợi đã được xây dựng, danh mục các công trình nâng cấp sửa chữa, xây dựng mới ở phần phụ lục và đã phân kỹ đầu tư theo địa danh theo từng huyện. |
|  | d) Phướng án phát triển kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai, ứng phó với BĐKH | Ở đây chỉ trình bày riêng về cơ sở hạ tầng PCTT, các mục khác được trình bày riêng trong chuyên đề phương án PCTT và ứng phó với BĐKH tỉnh Quảng trị giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2050. |
|  | - Đề nghị bổ sung nội dung định hướng phát triển kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai, ứng phó với BĐKH để làm cơ sở xây dựng phương án phát triển (về hạ tầng, công tác phòng chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn,.); | Ở đây chỉ trình bày riêng về cơ sở hạ tầng PCTT, các mục khác được trình bày riêng trong chuyên đề phương án PCTT và ứng phó với BĐKH tỉnh Quảng trị giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2050. |
|  | - Phân tích, đánh giá các loại hình thiên tai, rủi ro, thiệt hại do thiên tai, dự báo xu thế thiên tai trên địa bàn tỉnh, ưu tiên các loại hình, kịch bản phòng chống thiên tai phù hợp; | Ở đây chỉ trình bày riêng về cơ sở hạ tầng PCTT, các mục khác được trình bày riêng trong chuyên đề phương án PCTT và ứng phó với BĐKH tỉnh Quảng trị giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2050. |
|  | - Đối với từng phương án cụ thể cần phân tích, lựa chọn giải pháp tổng thể, toàn diện, chi tiết đối với các ngành, lĩnh vực, sắp xếp thứ tự ưu tiên, phân kỳ thực hiện phù hợp với khả năng nguồn lực, đồng thời phù hợp với các Nghị quyết, chiến lược, chương trình, đề án, kế hoạch về phòng chống đã được trung ương, tỉnh ban hành; | Ở đây chỉ trình bày riêng về cơ sở hạ tầng PCTT, các mục khác được trình bày riêng trong chuyên đề phương án PCTT và ứng phó với BĐKH tỉnh Quảng trị giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2050. |
|  | - Việc xây dựng các phương án cần đánh giá tính khả thi, cụ thể, giải quyết những rủi ro, nguy cơ cấp thiết trước mắt cũng như lâu dài (bao gồm các giải pháp về kết cấu hạ tầng và giải pháp trong công tác quản lý), như:  + Phương án phát triển đảm bảo mục tiêu xây dựng cộng đồng an toàn, thích ứng trước thiên tai;  + Phương án phát triển đảm bảo khai thác hiệu quả nguồn nước thượng lưu kết hợp phòng chống, ứng phó lũ lụt cho vùng hạ lưu sông Thạch Hãn, sông Hiếu, sông Bến Hải, đặc biệt khu vực đô thị, thấp trũng, ven sông trong điều kiện tần suất xuất hiện các đợt mưa lũ lịch sử ngày càng cao, không gian, hành lang tiêu thoát lũ, khu chứa lũ ngày càng hạn chế do nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng cơ sở,.;  + Phương án phát triển đảm bảo khai thác hiệu quả nguồn nước thượng lưu kết hợp phòng chống, tiêu thoát lũ, ngập úng cho vùng hạ lưu sông Ô Lâu, đặc biệt vùng thấp trũng (nghiên cứu giải pháp trữ nước thượng lưu sông Ô Lâu, Thác Ma; nâng cao khả năng tiêu thoát của Cửa Lác các khu vực thượng, hạ lưu Cửa Lác,.)  + Phương án phát triển đảm bảo phòng chống xâm nhập mặn, xâm thực, ngập úng vùng đồng bằng thấp trũng dọc các cửa sông (Bến Hải, Thạch Hãn);  + Phương án phát triển đảm bảo an toàn cho các khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở, sụt lún đất tại miền núi, trung du, đồng bằng; các khu vực thấp trũng, ven sông, khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của bão, ATNĐ ven biển;  + Phương án phát triển đảm bảo phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển; chống bồi lấp, xâm thực vùng cửa sông, ven biển; chống bão, ngăn triều, mưa lũ..;  + Phương án phát triển đảm bảo phòng chống thiên tai đối với các ngành kinh tế trọng điểm (nông nghiệp, thủy sản, lâm nghiệp, công nghiệp, du lịch, dịch vụ....);  + Phương án phát triển đảm bảo nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai; cứu hộ, cứu nạn, ứng phó, khắc phục kịp thời khi xảy ra thiên tai,.; | Ở đây chỉ trình bày riêng về cơ sở hạ tầng PCTT, các mục khác được trình bày riêng trong chuyên đề phương án PCTT và ứng phó với BĐKH tỉnh Quảng trị giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2050. |
|  | - Rà soát toàn bộ nội dung phương án theo thuyết minh đảm bảo các yêu cầu nên trên, đồng thời xem xét tính chính xác, phù hợp, khả thi trong nội dung thuyết minh, **xin nêu một ví dụ cụ thể tại trang số 118**: ***Tránh lũ chính vụ bằng biện pháp bố trí mùa vụ, xây dựng điểm cảnh báo dự báo, cứu nạn, cứu hộ và đưa cos nền các công trình hạ tầng lên trên mức nước lũ lịch sử.*** *Lũ tiếu mãn thường xảy ra vào tháng 4, 5* ***và năm nào cũng xảy ra lũ tiểu mãn. Những năm không có lũ tiểu mãn thường là vụ hè thu bị hạn nặng.*** Trang 120: *Xây dựng hồ chứa thượng nguồn để cắt giảm lũ cho hạ du.* ***Xây dựng hồ hạ du ở những vùng cửa sông bị ảnh hưởng triều nhằm tăng cường khả năng thoát lũ cho sông****.* ***Tôn cao đê hiện có****,* ***xây dựng mới các tuyến đê nhằm chống lũ sông****, bảo vệ dân cư và sản xuất ở các vùng đồng bằng hạ du;* ***Xây dựng đê bao (kết hợp với trạm bom tiêu) nhằm chống lũ triệt để cho các khu vực dân cư nông thôn tập trung;*** | Ở đây chỉ trình bày riêng về cơ sở hạ tầng PCTT, các mục khác được trình bày riêng trong chuyên đề phương án PCTT và ứng phó với BĐKH tỉnh Quảng trị giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2050 |
|  | **- Bản đồ quy hoạch phòng chống thiên tai:** Đề nghị rà soát, bổ sung bản đồ, sơ đồ quy hoạch phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh. | Bản đồ Quy hoạch PCTT, các công trình cơ sở hạ tầng PCTT được xây dựng cùng chung trong bản đồ QHTL bởi vì các công trình PCTT cũng là các công trình thuỷ lợi |
|  | - Rà soát, bổ sung danh mục các dự án, công trình, nội dung triển khai thực hiện phương án phát triển thủy lợi và phòng chống thiên tai giai đoạn 2021­2030, tầm nhìn đến năm 2050, đặc biệt là các dự án, công trình trọng điểm đã được thống nhất, phê duyệt chủ trương để có cơ sở triển khai thực hiện. | Các danh mục dự án, công trình tư vấn đã rà soát đến cấp huyện và phân kỳ đầu tư được trình bày trong phần phụ lục. |
| **5** | **Các nội dung khác** | |
|  | - Nội dung đề xuất “Thực trạng và phương án phát triển hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” có vai trò, định hướng hết sức quan trọng trong quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nói chung và lĩnh vực nông nghiệp, công tác phòng chống thiên tai của tỉnh nhà nói riêng. Đề nghị cơ quan chủ trì chỉ đạo đơn vị tư vấn tập trung, tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện đảm bảo chất lượng, cùng với đó cần bổ sung các tài liệu khảo sát, nắm bắt thực tiễn làm cơ sở xây dựng, lựa chọn các phương án đề xuất. | Tư vấn tiếp thu chỉnh sửa |
|  | Đối với những nội dung, phạm vi đề xuất phương án còn mang tính tổng quát, chưa cụ thể, rõ ràng hoặc phạm vi đề cương xây dựng quy hoạch tỉnh còn giới hạn, chưa có điều kiện mở rộng, nghiên cứu thì cần phải được xác định, làm rõ trong phương án, đồng thời phải có các khuyến nghị, đề xuất, giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trong việc tiếp tục nghiên cứu, tham mưu, tổ chức triển khai, cụ thể hóa các nội dung nêu trên sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt, thông qua để làm cơ sở thực hiện. | Tư vấn tiếp thu chỉnh sửa |
|  | - Về nội dung trình bày thuyết minh, đề nghị rà soát, sắp xếp bố cục, trình bày nội dung đảm bảo khoa học, logic, có trọng tâm, dễ theo dõi; lược bỏ một số nội dung không cần thiết; chỉnh sửa về mặt câu từ, tên địa danh, công trình, từ ngữ chuyên ngành, ... chính xác, phù hợp. Đồng thời, cần bố trí các phụ lục tính toán, diễn giải chi tiết số liệu thành 01 tập đính kèm theo thuyết minh, không bố trí xen ghép nội dung tính toán vào thuyết minh đễ đảm bảo tính liền mạch văn bản. | Tư vấn tiếp thu chỉnh sửa |
|  | - Bên cạnh đó, để đảm bảo tính kế thừa, đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình xây dựng đề xuất các phương án quy hoạch ngành, Chi cục kính đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo và đề xuất UBND tỉnh thống nhất giao các Sở chuyên ngành chủ trì, tổ chức lấy ý kiến đóng góp chuyên sâu, phản biện của các chuyên gia, chuyên môn có kinh nghiệm, các cơ quan, đơn vị có liên quan để làm cơ sở tiếp thu, hoàn thiện phương án đề xuất ngành cũng như quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. |  |
| **6** | **Đối với Thuyết minh tổng hợp quy hoạch tỉnh**  Trên cơ sở nội dung đề xuất “Thực trạng và phương án phát triển hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” được hoàn thiện, chỉnh sửa, đề nghị rà soát, tổng hợp, cập nhật vào Thuyết minh tổng hợp quy hoạch tỉnh, trong đó lưu ý phải đảm bảo đồng bộ, thống nhất về nội dung, mục tiêu, định hướng, chỉ tiêu, số liệu, dữ liệu, giải pháp, ... giữa phương án của các ngành, lĩnh vực, địa phương và thuyết minh tổng hợp của tỉnh. | Tư vấn tiếp thu chỉnh sửa |
|  |  |  |

## Sở Tài nguyên và Môi trường (Văn bản số 244/STNMT-VP ngày 27/7/2022)

Sau khi nghiên cứu, Sở Tài nguyên và Môi trường tham gia ý kiến như sau:

| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- |
| **1** | **Đối với thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050** | |
|  | Thống nhất với kịch bản phát triển theo phương án tăng trưởng khá (kịch bản 3) nhằm phù hợp với nguồn lực, tiềm năng, lợi thế so sánh và phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường của tỉnh. | |
|  | a. về Phương án phát triển các khu xử lý nước thải  Tại mục 6.9.2. Thoát nước thải khu vực nông thôn, đề nghị bổ sung:  - Các hộ gia đình có công trình xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với tiêu chí xây dựng nông thôn mới.  - Thí điểm mô hình xử lý nước thải cụm dân cư tập trung theo tiêu chí Huyện nông thôn mới. | Đơn vị tư vấn đã tiếp thu và bổ sung tại mục **6.9.2. Thoát nước thải khu vực nông thôn** |
|  | b. về Phương án phân vùng môi trường  - Phân vùng môi trường: Không thực hiện phân khu vực theo độ cao địa hình mà tiến hành phân vùng theo các tiêu chí theo Điều 22 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP  - Điều chỉ nh vùng hạn chế phát thải:  b) Khu dân cư tập trung là nội thị của các đô thị các đô thị loại IV và đô thị V đến năm 2030 theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị. | Đơn vị tư vấn đã tiếp thu và chỉnh sửa theo góp ý tại mục 9.2.2. Phương án phân vùng môi trường và phương án bảo vệ môi trường |
|  | c. Về bảo tồn đa dạng sinh học  - Mục tiêu cụ thể: Bổ sung Thành lập lực lượng quản lý phù hợp của Khu bảo vệ cảnh quan đường Hồ Chí Minh huyền thoại.  - Danh sách các KBT quy hoạch tỉnh: đề nghị bổ sung Khu bảo vệ cảnh quan đường Hồ Chí Minh huyền thoại vì đã được công nhận theo Quyết định số 1107/QĐ-BTNMT ngày 12/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; các văn bản như: Báo cáo số 222/BC-UBND ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị, Công văn 1961/UBND-TN ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc thống nhất kết quả rà soát, điểu chỉnh ba loại rừng trên địa bàn tỉnh trong đó đề nghị quy hoạch chuyển đổi rừng đặc dụng. Đề nghị kiểm tra, nghiên cứu tiêu chí chuyển đổ i thành Di sản thiên nhiên theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. | Tư vấn tiếp thu, chỉnh sửa tại mục 9.3.1.2 Mục tiêu cụ thể  Tư vấn tiếp thu, chỉnh sửa bổ sung: - Khu bảo vệ cảnh quan đường Hồ Chí Minh huyền thoại tại mục 9.3.2.1. Quy hoạch khu bảo tồn; |
|  | d. Sắp xếp, phân bố không gian các khu nghĩa trang, khu xử lý chất thải  - Nhằm đảm bảo quy hoạch xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh, đề nghị bổ sung các khu xử lý liên huyện, vùng huyện nhằm tạo ra mạng lưới các khu xử lý nhằm hỗ trợ, tránh trường hợp xảy ra sự cố gây tồn động CTR tại các địa bàn dân cư;  - Đối với hình thức xử lý, hiện nay các địa phương đều xây dựng huyện nông thôn mới, trong đó có chỉ tiêu tỷ lệ CTR sinh hoạt chôn lấp trực tiếp <50% tổng lượng phát sinh và thực hiện phân loại rác tại nguồn, do đó đề nghị điều chỉ nh tên các bãi chôn lấp thành Khu xử lý để đảm bảo vừa chôn lấp, vừa xử lý (đốt, ủ phân hữu cơ)  (Cụ thể nội dung góp ý chi tiết) | - Quy hoạch đã đề xuất các khu xử lý liên huyện, vùng huyện  (1) Cơ sở xử lý chất thải rắn là các cơ sở vật chất bao gồm đất đai, nhà xưởng, dây chuyền công nghệ, trang thiết bị và các hạng mục công trình phụ trợ được sử dụng cho hoạt động xử lý, tái chế chất thải rắn.  (2) Khu xử lý chất thải tập trung là khu vực được quy hoạch để xử lý tập trung một hoặc nhiều loại chất thải bao gồm chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại và các loại chất thải rắn khác, trừ hoạt động đồng xử lý chất thải và xử lý chất thải y tế theo mô hình cụm. Khu xử lý chất thải tập trung là một hoặc nhiều cơ sở xử lý chất thải, bãi chôn lấp.  Theo đó, với các cơ sở xử lý CTR sinh hoạt cấp xã, cụm xã được gọi là Cơ sở xử lý (CSXL) |
|  | e. về phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh  - Tại tiêu đề là công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, tuy nhiên trong nội dung chi tiết chỉ mới đưa ra nội dung thích ứng với biến đổi khí hậu, chưa đề cập đến nội dung giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.  - Trên cơ sở các phân tích về nguy cơ, tình hình công tác ứng phó với biến đổi khí hậu của địa phương, thuyết minh tổng hợp cần đề xuất được các định hướng, giải pháp trong thời gian tới (chính sách, tài chính, kỹ thuật...). Trong đó, cần cập nhật các nội dung về trách nhiệm của địa phương phù hợp với định hướng phát triển của quốc gia (giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; khuyến khích phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh.) để từ đó đưa ra những định hướng có tính chiến lược cho các phương án phát triển. | Tư vấn tiếp thu bổ sung tại mục 11.3.2 Phương án thích ứng biến đổi khí hậu trang 757. |
| **2** | **Thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050** | |
|  | Ngoài nội dung chính theo góp ý tại công văn trên, cần lưu ý các nội dung cụ thể sau:  ***- Phần II - Mục 2.5.5. Những tồn tại, hạn chế cần được gi ải quyết:***  Chỉnh sửa nội dung “Phần lớn các bãi chôn lấp chất thải rắn của tỉnh chỉ mớ i được đầu tư theo từng giai đoạn, một số huyện chưa hoàn thành công tác đầu tư (huyện Hướng Hóa, Vĩnh Linh)...” thành “Phần lớn các bãi chôn lấp chất thải rắn của tỉnh chỉ mới được đầu tư theo từng giai đoạn, hoặc chưa hoàn thành công tác đầu tư như huyện Hướng Hóa.” | Đơn vị tư vấn tiếp thu, chỉnh sửa tại mục 2.5.5 |
|  | - Sửa đổi, bổ sung các danh mục khu xử lý CTR | Đã chỉnh sửa mục 9.6 |
|  | - Bổ sung Danh mục dự án NSNN ưu tiên đầu tư thời kỳ 2021-2030 và danh mục các dự án ưu tiên thu hút đầu tư | - KXL Lìa và KXL Hướng Phùng thuộc huyện Hướng Hóa; KXL CTR cụm Tây Gio Linh tại xã Hải Thái (2022-2030) tại huyện Gio Linh là các KXL cụm xã nên việc cân đối ngân sách do địa phương quyết định, không đề xuất trong danh mục do Chính phủ phê duyệt.  - Do dự kiến xây dựng KXL CTR vùng tỉnh tại xã Tân Thành, huyện Hướng Hóa nên KXL tại xã Hải Sơn (Hải Lăng) sẽ là khu dự phòng, không đề xuất kinh phí trong giai đoạn này. Thay vào đó là đề xuất kinh phí đầu tư xây dựng KXL CTR vùng tỉnh tại xã Tân Thành, huyện Hướng Hóa. |
|  | - Về quy hoạch CCN Tây Triệu Phong: Cần xem lại vị trí chi tiết, tránh vị trí đầu nguồn lưu vực sông Vĩnh Phước, vì đây là lưu vực bảo vệ nước cấp cho Nhà máy cấp nước Tân Lương công suất từ 15.000 m3/ngày.đêm, quy hoạch lên công suất 28.500m3/ngày.đêm. | Bổ sung giải trình nội dung này |
| **3** | **Chuyên đề Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050:** | |
|  | ***Mục 2.4.2. Tình hình phát sinh chất thải***  + Mục 2.4.2.3 - Môi trường đất không đúng với yêu cầu nội dung và bố cục.  + Đề nghị bổ sung mục: “Tình hình phát sinh CTR”. | + Tiếp thu và chỉnh sửa lại nội dung, bố cục theo góp ý  + Trong Báo cáo đã bổ sung thêm mục “2.4.2.4. Tình hình phát sinh CTR” |
|  | ***Mục 2.2.5 Dự báo các tác động và những vấn đề cần phả i gi ả i quyết trong quản lý môi trường đến năm 2030***  - Làm rõ cơ sở của việc tính toán các nguồn phát thải (công thức tính toán) để có số liệu về các nguồn phát thải hợp lý.  - Bổ sung tính tác động cộng hưởng từ các nguồn thải. | Tiếp thu và chỉnh sửa nội dung trong mục 2.2.5.2 |
|  | ***Mục 2.6. Đánh giá những tồn tại và thách thức trong bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học***  - Phần 1. Kết quả đạt được:  + Đề nghị chỉnh sửa nội dung “Năm 2021 thu phí BVMT đối với nước thải công nghiệp là 645.246.000 triệu đồng” thành “Năm 2021 thu phí BVMT đối với nước thải công nghiệp là 645,246 triệu đồng”.  - Phần 2. Tồn tại trong hệ thống quản lý môi trường:  Đề nghị chỉnh sửa nội dung *“Tống thu, chi ngân sách của tỉnh còn thấp nên tống nguồn kinh phíphân bố cho sự nghiệp BVMT vân còn hạn ch ế, ngu ồn kinh phí sự nghiệp chi BVMT ch ủ yếu phân bố cho việc thu gom và xử lý chất thải rắn, nguồn chi cho các dự án, đề tài, nghiên cứu ứng dụng KHCNvà nhiệm vụ BVMT khác vân còn hạn chế"* thành *“Tống thu, chi ngân sách của tỉnh còn thấp nên tống nguồn kinh phí phân b ố cho sự nghiệp BVMT vân còn hạn chế, nguồn kinh phí sự nghiệp chi BVMT ch ủ yếu phân bố cho việc thu gom và xử lý chất thải rắn, nguồn chi cho các hoạt động tuyên truyền, thanh kiểm tra, xử lý các điếm ô nhiêm môi trường nghiêm trọng còn hạn chế”.* | Tiếp thu và chỉnh sửa nội dung trong mục 2.6 phần các kết quả đạt được  Tiếp thu và chỉnh sửa nội dung trong mục 2.6 phần tồn tại trong hệ thống quản lý môi trường. |
|  | ***Mục 3.3.1. Tiêu chí và nguyên tắc phân vùng:*** đề nghị sửa lại “Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Khu dân cư tập trung ở đô thị bao gồm nội thành, nội thị *của các đô thị loại II, loại III* theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị; | Đơn vị tư vấn đã tiếp thu và chỉnh sửa theo góp ý trong các báo cáo liên quan |
|  | ***Mục 3.2.2. Mục tiêu cụ thể****:*  - Tại nội dung mục tiêu giai đoạn đến năm 2030, cần bổ sung nội dung:  + Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động và thực hiện việc phân lo ại CTR tại nguồn và mô hình thu gom CTR dựa vào cộng đồng nhằm nâng c ao hiệu quả hoạt động thu gom và xử lý CTR.  + Cần đề xuất các phương án cụ thể hơn và phù hợp với điều kiện thực tế c ủa tỉnh Quảng Trị như xây dựng các phương án, quy trình thu gom và xử lý CTR cho các địa phương theo quy định của Luật BVMT năm 2020, trong đó ưu tiên về nguồ n kinh phí, nhân lực, trang thiết bị và cơ chế trên cơ sở tính toán d ự báo lượ ng CTR phát sinh và mục tiêu đến năm 2030 cũng như đến năm 2050.  - Đề nghị bỏ chỉ tiêu “100% số cơ sở sản xuất, kinh doanh được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc chứng chỉ ISO - 14001”. | Đã bổ sung |
|  | ***Mục 3.3.3. Phương án bảo vệ môi trường tại các vùng môi trường***  Chỉnh sửa nội dung như trong Bảng trình bày từ trang 8 đến trang 12 theo góp ý dự thảo báo cáo kỳ cuối của sở TNMT. | Đơn vị tư vấn đã rà soát nội dung và chỉnh sửa theo góp ý trong Bảng 11 của mục 3.3.3. Phương án bảo vệ môi trường tại các vùng môi trường |
|  | ***Mục 3.4.2. Nội dung phối hợp***  Phối hợp trong thực hiện các thủ tục hành chính về môi trường:  - Thẩm định, phê duyệt *kết quả thẩm định* báo cáo đánh giá tác động môi trường, *giấy phép môi trường;* thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng s ản;  *- Thẩm định, kiểm tra cấp, cấp đối, cấp lại giấy phép môi trường;*  - Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo giấy phép môi trường của dự án, cơ sở. | Đã chỉnh sửa |
|  | ***Mục 4.2.1.3 Giám sát chất lượng đất:***  - Chỉnh sửa tần suất quan trắc tối thiểu *02 đợt/năm* thành tối thiểu *03 tháng/đợt (04 đợt/năm).* Lý do: Theo quy định tại Thông tư 10/2021/TT- BTNMT ngày 30/06/2021, nội dung về chương trình quan trắc chất lượng môi trường cấp tỉnh.  - Bổ sung tần suất quan trắc chất lượng trầm tích theo quy định tại Thông tư 10/2021/TT-BtNMT ngày 30/06/2021. | - Tiếp thu và chỉnh sửa nội dung trong mục 4.2.1.3  - Đã bổ sung nội dung tại mục số 4.2.1.3 trong các báo cáo liên quan |
|  | ***- Mục 4.2.2. Các dự án đề xuất đến năm 2030***: tại Bảng 12. Nhóm Dự án cải tạo và phục hồi môi trường tại khu vực bị ô nhiễm tồn lưu bởi thuốc độc hóa học do Sở TNMT chủ trì. | Tiếp thu và chỉnh sửa theo góp ý |
|  | ***- Mục 5.2.1.2. Thu gom và x ử lý nước thải tập trung, đề nghị bổ sung:***  - Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cho các Khu dân cư tập trung theo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (Mỗi huyện nông thôn mới có > 01 công trình).  - Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các KCN/CCN/KKT, làng nghề (ưu tiên KCN Nam Đông Hà và các CCN đã lấp đầy là: CCN Diên Sanh, CCN Đông Lễ, CCN Ái Tử GĐ1, CCN Cửa Tùng.  - Hoàn thiện hệ thống XLNT làng bún Linh Chiểu, xã Triệu Sơn, huyện Triệu Phong; làng bún Cẩm Thạch, Thanh An, Cam Lộ) | Tư vấn tiếp thu, chỉnh sửa tại mục 5.2.1.2. Thu gom và xử lý nước thải tập trung |
|  | ***Mục 5.2.1.4 Giám sát chất lượng nước***  - Quan trắc chất lượng nước mặt với tần suất quan trắc tối thiểu 02 tháng/đợt (06 đợt/năm); chất lượng nước dưới đất với tần suất quan trắc tối thiểu 03 tháng/đợt (04 đợt/năm): cơ sở để đề xuất giải pháp này.  - Bổ sung tần suất quan trắc chất lượng nước biển theo quy định tại Thông tư 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/06/2021.' | Tư vấn tiếp thu, chỉnh sửa tại mục 5.2.1.4. Giám sát chất lượng nước |
|  | ***Mục 5.2.2. Giải pháp chung về bảo vệ môi trường nước****:* đề nghị bổ sung Quy hoạch, phục hồi môi trường, cải tạo cảnh quan lưu vực sông Vĩnh Định. | Tư vấn tiếp thu, chỉnh sửa tại mục 5.2.2. Giải pháp chung về bảo vệ môi trường nước. |
|  | ***Mục 5.2.3. Các dự án đề xuất:*** đề nghị bổ sung các công trình như đã góp ý ở mục 5.2.1.2.Thu gom và xử lý nước thải tập trung và Mục 5.2.2. | Tư vấn tiếp thu, chỉnh sửa tại mục 5.2.3. Các dự án đề xuất |
|  | ***Mục 6.1.2.2. Mục tiêu cụ thể:***  Chỉnh sửa nội dung “Kiểm soát chặt các nguồn khí thải lớn *(theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lỷ chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 c ủ a Chính phủ sửa đối, bố sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dân thi hành Luật Bảo vệ môi trường)...”* thành “Kiểm soát chặt các nguồn khí thải lớn *(theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).”* Lý do: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP và Nghị định số 40/2019/NĐ- CP đã hết hiệu lực. | Đã chỉnh sửa |
|  | ***Mục 6.2.1.1. Quản lý nguồn phát thải khí:***  Chỉnh sửa nội dung “Thực hiện kiểm kê khí thải công nghiệp (bao gồm bụi PM10, PM2.5); lắp đặt và vận hành thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục cho các cơ sở công nghiệp có nguồn thải lớn *theo Danh mục tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 được sửa đối tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chínhphủ.””*thành “Thực hiện kiểm kê khí thải công nghiệp (bao gồm bụi PM10, PM2.5); lắp đặt và vận hành thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục cho các cơ sở công nghiệp có nguồn thải lớn *theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chínhphủ quy định chi ti ết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.””* Lý do: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP đã hết hiệu lực. | Đơn vị tư vấn tiếp thu, chỉnh sửa |
|  | ***Mục 6.2.1.3. Giám sát chất lượng không khí:***  Đối với hoạt động quan trắc định kỳ, đề nghị bổ sung tần suất quan trắc đối với môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung theo quy định tại Thông tư 10/2021/TT-BTnMT ngày 30/06/2021. | Đã bổ sung yêu cầu về tần suất quan trắc. Chi tiết về tần suất quan trắc đối với môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung đã được trình bày tại **Mục 8.2.2. của Dự thảo**. |
|  | ***Mục 6.2.3. Các dự án đề xuất đầu tư đến năm 2030 đề xuất điều chỉnh như sau:***  *“ - Triển khai Dự án “Đầu tư xây dựng mới các trạm quan trắc môi trường tự động, cố định trên địa bàn tỉnh Quảng Trị” (theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị).*  *- Đầu tư xây dựng trạm quan trắc tự động môi trường không khí.*  *- Đầu tư xây dựng trạm quan trắc tự động, liên tục nước mặt.*  *- Đầu tư xây dựng trạm quan trắc tự động, liên tục nước biển ven bờ.*  *- Đầu tư nâng cao năng lực hoạt động quan trắc tài nguyên môi trường.*  *- Đầu tư xây dựng Trạm điều hành quan trắc môi trường Lao Bảo. ”* | Các nội dung này được điều chỉnh trong mục tương ứng. Nội dung phần này chỉ liên quan đến môi trường không khí tại. |
|  | ***Mục 7. Phương án bảo tồn đa dạng sinh học:***  - Mục tiêu đến năm 2030: Đề nghị bổ sung: Thành lập lực lượng quản lý phù hợp khu bảo vệ cảnh quan đường Hồ Chí Minh huyền thoại. | Tư vấn tiếp thu, chỉnh sửa tại mục 7.1.2.2. Mục tiêu cụ thể. |
|  | ***Mục 7.2.1.2. Quy hoạch hệ thống các khu bảo tồn:*** bổ sung Khu BVCQ đường Hồ Chí Minh huyền thoại. | Tư vấn tiếp thu, chỉnh sửa tại mục 7.2.1.2. Quy hoạch hệ thống các khu bảo tồn |
|  | ***Mục 8.2.1. Phương pháp quan trắc:*** đề xuất bổ sung phương pháp quan trắc nước mưa. | Đơn vị tư vấn tiếp thu, chỉnh sửa |
|  | ***Mục 8.2.2.1. Mạng lưới quan trắc môi trường định kỳ***  Điều chỉnh nội dung mạng lưới quan trắc môi trường định kỳ các thành phần | Đơn vị tư vấn tiếp thu, chỉnh sửa |
|  | ***Mục 8.2.2.2. Mạng lưới quan trắc môi trường tự động, liên tục***  *- Mạng lưới quan trắc tự động, liên tục:* Dự thảo trình bày đúng theo Đề án mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường đến năm 2025, tầm nhìn 2030 của Tỉnh. Tuy nhiên, để đáp ứng được mục đích kiểm soát chất lượng môi trường trong điều kiện phát triển kinh tế xã hội của địa phương, mạng lưới quan trắc cần phải điều chỉnh lại như sau: | Đơn vị tư vấn tiếp thu, chỉnh sửa |
|  | *a. Mục 8.2.2.2 a:* Mạng lưới quan trắc tự động liên tục không khí ngoài trời cần được điều chỉnh lại như sau:  *“\* Giai đoạn 2021 - 2030: Đầu tư xây dựng 07 trạm quan trắc gồm:*  *- Khu vực thành ph ố Đông Hà: 02 trạm*  *- Khu vực huyện Vĩnh Linh: 01 trạm*  *- Khu vực thị xã Quảng Trị: 01 trạm*  *- Khu vực huyện Hải Lăng: 02 trạm*  *- Khu vực huyện Hướng Hóa: 01 trạm*  *\* Tầm nhìn đến năm 2050: Đầu tư xây dựng 21 trạm quan trắ c tự động, liên tục tại các đô thị, các nút giao thông ch ính, khu vực theo dõi ảnh hưởng của các CCN, KCN, khai thác khoáng sản, khu vực cửa khẩu, sân bay, ... (Cóphụ lục kèm theo). ”* | Đơn vị tư vấn tiếp thu, chỉnh sửa |
|  | *b. Mục 8.2.2.2b:* Mạng lưới quan trắc tự động liên tục nước mặt được điều chỉ nh lại như sau:  *\* Giai đoạn đến năm 2030: Đầu tư xây dựng 05 trạm quan trắc gồm*  *- Sông Thạch Hãn: 02 trạm*  *- Sông Bến Hải: 01 trạm*  *- Sông Sê Pôn: 01 trạm*  *- Sông Vĩnh Phước: 01 trạm*  *\* Tầm nhìn đến năm 2050: Đầu tư xây dựng 09 trạm quan trắ c tự động, liên tục tại các hồ, sông chảy qua đô thị, khu công nghiệp, khu vực cấp nước cho các hoạt động dân sinh, khu vực biên giới.* | Đơn vị tư vấn tiếp thu, chỉnh sửa |
|  | *c. Mục 8.2.2.2c:* Mạng lưới quan trắc tự động liên tục nước biển ven bờ được điều chỉnh lại như sau:  *\* Giai đoạn 2021-2030: Đầu tư xây dựng 02 trạm quan trắc gồm:*  *- Khu vực huyện đảo Cồn Cỏ: 01 trạm*  *- Khu vực huyện Hải Lăng: 01 trạm*  *\* Tầm nhìn đến năm 2050: Đầu tư xây dựng 05 trạm quan trắ c tự động, liên tục tại các cửa sông, khu du lịch, khai thác khoáng sản, nuôi trồng thủy sản tập trung.* | Đơn vị tư vấn tiếp thu, chỉnh sửa |
|  | **Mục 8.2.2.3. Mạng lưới Trạm điều hành quan trắc môi trường:** đề xuất điều chỉnh lại như sau:  *- Giai đoạn 2021 - 2030: Đầu tư xây dựng 02 trạm điều hành quan trắ c gồm:*  *+ Trạm điều hành quan trắc môi trường khu kinh tế Đông Nam.*  *+ Trạm điều hành quan trắc môi trường Lao Bảo.*  *- Tầm nhìn đến năm 2050: Đầu tư nâng cấp, mở rộng các trạm điều hành quan trắc đã được đầu tư trong giai đoạn trước năm 2030.* | Đơn vị tư vấn tiếp thu, chỉnh sửa |
|  | ***Mục 8.2.2.5 - Giải pháp và kế hoạch thực hi ện:***  Nhằm thống nhất giai đoạn thực hiện phù hợp với quy hoạch kinh tế xã hội tỉnh và triển khai Quy hoạch có hiệu quả, đề xuất bổ sung và điều chỉ nh nội dung như sau:  Tại mục a. Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ công tác quan trắc, đề xuất điều chỉ nh lại | Đơn vị tư vấn tiếp thu, chỉnh sửa |
|  | Tại mục b. Nguồn nhân lực: Đề xuất điều chỉ nh ý thứ 2 thành:  *“- Đào tạo nhân lực vận hành hệ thống một cách phù hợp, thường xuyên, đáp ứng kịp thời cho từng giai đoạn phát triển thực tế; đào tạo cán b ộ kỹ thu ậ t tiếp cận, ứng dụng và triển khai công nghệ, phương pháp mới nhằm đáp ứng kịp thời các yêu cầu của công việc. ”* | Đơn vị tư vấn tiếp thu, chỉnh sửa |
|  | ***\* Mục 8.2.4 - Các dự án đầu tư đến năm 2050:*** Đề xuất điều chỉnh lại nội dung | Đơn vị tư vấn tiếp thu, chỉnh sửa |
|  | **\* Mục 9.2. Kiến nghị:** Bổ sung nội dung tăng cường biên chế để kiện toàn bộ máy quản lý môi trường từ cấp tỉnh đến cấp xã (Chi cục Bảo vệ môi trường 14 biên chế, cấp xã có 01 biên chế lĩnh vực môi trường, cấp huyện có 1-2 biên chế môi trường). | Đã bổ sung |
| **3** | Chuyên đề Quy hoạch xử lý CTR vùng tỉnh Quảng Trị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050  Bổ sung các nội dung như góp ý với Thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. | - Theo điểm i khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch: Phương án phát triển các khu xử lý chất thải, bao gồm các khu xử lý chất thải nguy hại cấp vùng, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; các **khu xử lý chất thải liên huyện**. Như vậy đối các khu xử lý chất thải cần được xác định trong quy hoạch tỉnh là khu xử lý chất thải liên huyện. Hiện tại, trong khuôn khổ Quy hoạch tỉnh trình Chính phủ phê duyệt, đơn vị tư vấn đã xác định tới KXL vùng huyện. Việc lồng ghép các *khu xử lý cấp xã, cụm xã không thuộc phạm vi Quy hoạch tỉnh và không thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chính phủ*.  Các khu xử lý địa phương yêu cầu bổ sung là khu xử lý cấp xã, cụm xã. Các khu xử lý này sẽ được cụ thể hóa trong Quy hoạch chung xây dựng các xã (trong đó có đề xuất cụ thể về quy hoạch các bãi chôn lấp cấp xã theo quy định tại Luật Xây dựng) |
| **4** | **Chuyên đề Phương án PCTT và ứng phó với BĐKH trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn tới 2050** | |
|  | - Chuyên đề chỉ mới đề cập đến công tác lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào quy ho ạch tỉnh, chưa tiến hành lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào quy hoạch tỉnh, đây là nội dung quan trọng cần phải thực hiện khi xây dựng quy hoạch tỉnh được quy định tại Điều 93, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Là địa phương ven biển chịu nhiều tác động của biến đổi khí hậu, việc xét đến các rủi ro liên quan đến khí hậu trong quy hoạch có ý nghĩa hết sức quan trọng, đó là cơ sở để đề xuất các phương án phát triển hợp lý cũng như đảm bảo an toàn cho quy hoạch. | Tư vấn tiếp thu chỉnh sửa bổ sung |
|  | - Chuyên đề chưa phân tích tiềm năng, định hướng phát triển, các hoạt động cần thực hiện để tỉnh có thể tham gia cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon thu được từ các hoạt động tăng cường hấp thụ khí nhà kính trên địa bàn tỉnh. | Tư vấn tiếp thu chỉnh sửa bổ sung |
| **5** | **Chuyên đề Thực trạng và phương án phân vùng sử dụng không gian biển tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050** | |
|  | - Các số liệu 12 xã, thị trấn và 04 xã cửa lạch (mục 1 phần mở đầu), các địa danh không thuộc vùng bờ (như hồ Cù Bài, hồ Ka Tiêng, Khe Chè Thượng, đập thủy lợi KM6...), các xã đã nhập, tách và đổi tên đã góp ý chưa được chỉnh sửa. | - Đơn vị tư vấn tiếp thu ý kiến và đã rà soát chỉnh sửa |
|  | - Về căn cứ thực hiện, Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ được trích dẫn 2 lần. | - Đơn vị tư vấn tiếp thu và bổ sung |
|  | - Về hành lang bảo vệ bờ biển đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3064/QĐ-uBnD ngày 27/10/2020. | - Đơn vị tư vấn tiếp thu và bổ sung |
|  | - Về hệ sinh thái rạn san hô và thảm cỏ biển: đề nghị cập nhật số liệu điều tra khảo sát của Viện Nghiên cứu Hải sản Hải phòng năm 2007, 2008, 2011, 2015, 2017, 2018; Đa dạng sinh học Khu bảo tồn biển đảo Cồn Cỏ - Tuyển tập Báo cáo khoa học Diễn đàn khoa học Toàn quốc 2019 - Sinh học biển và Phát triển bền vững - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường một số hải đảo, cụm đảo lớn, quan trọng phục vụ quy hoạch phát triển kinh tế biển và bảo vệ chủ quyền lãnh hải, Cục Quản lý điều tra cơ bản biển và hải đảo, năm 2017.... như góp ý ở bản dự thảo lấy ý kiến vào tháng 5/2022. | - Đơn vị tư vấn tiếp thu ý kiến và đã rà soát chỉnh sửa |
|  | - Việc phân tích mâu thuẫn chồng lấn trong s ử dụng không gian vùng bờ cần có cả khu vực vùng đất ven biển, giữa xây dựng và bảo tồn, phát triển rừng, sản xuất nông nghiệp... | - Đơn vị tư vấn tiếp thu ý kiến và bổ sung |
| **6** | Về bản đồ |  |
|  | - Bản đồ hiện trạng điều kiện tự nhiên tỉnh Quảng Trị: Trong văn bản giải trình đơn vị tư vấn đã tiếp thu và chỉnh sửa, tuy nhiên các khu vực đồng bằng; miền cát nội đồng và ven biển vẫn giữ nguyên như bản lấy ý kiến vào tháng 5/2022. | - Đơn vị tư vấn đã rà soát và chỉnh sửa lại bản đồ hiện trạng điều kiện tự nhiên tỉnh Quảng Trị |
|  | - Bản đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng tỉnh Quảng Trị: đề nghị bổ sung thêm phương án phân vùng không gian biển. | - Đơn vị tư vấn tư vấn nghiên cứu và bổ sung bản vẽ phân vùng Không gian biển |
|  | - Bản đồ phương án bảo vệ môi trường: đề nghị điều chỉnh phân vùng trên bản đồ phù hợp với góp ý tại mục 2 và bổ sung khu bảo vệ cảnh quan đường Hồ Chí Minh huyền thoại. | - Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã chỉnh sửa trong bản đồ phân vùng bảo về môi trường |
|  |  |  |

## Công an tỉnh Quảng Trị (Văn bản số 1447/CAT-PC07 ngày 22/7/2022)

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Hội nghị lấy ý kiến dự thảo Báo cáo cuối kỳ lần 1: Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, sau khi tổ chức nghiên cứu, Công an tỉnh cơ bản nhất trí nội dung Báo cáo, ngoài ra có một số góp ý sau:

| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- |
| **I** | **THUYẾT MINH TỔNG HỢP QUY HOẠCH TỈNH QUẢNG TRỊ ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050** | |
| **1** | **Mục 2.6.8.5, trang 170, dòng thứ 3 từ dưới lên:**  *b) Hệ thống giao thông phục vụ phòng cháy, chữa cháy*  “... để ứng cứu các tai nạn đường ***sát*** khi cần” đề nghị chỉnh sửa “... để ứng cứu các tai nạn đường ***sắt*** khi cần” | Đơn vị tư vấn đã ra soát chỉnh sửa |
| **2** | **Mục 6.12.5.2** |  |
| **2.1** | ***Điểm a), trang 514, dòng thứ 19 từ trên xuống:***  Đề nghị bổ sung:  “- Phải bố trí mạng lưới trụ sở các đội Cảnh sát PCCC và CNCH với bán kính phục vụ tối đa là 3 km đối với khu vực trung tâm đô thị và 5 km đối với các khu vực khác. Đối với các khu vực đô thị hiện hữu không bảo đảm bán kính phục vụ của các Đội Cảnh sát PCCC và CNCH phải có giải pháp tính toán cân đối, bố trí quỹ đất bổ sung hoặc bổ sung các trụ sở trên trong các dự án khu đô thị mới;  - Vị trí đặt trụ sở các Đội Cảnh sát PCCC và CNCH phải bảo đảm xe và phương tiện chữa cháy ra vào an toàn, nhanh chóng.”  ***Căn cứ:*** Điều 2.6.13 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2021/BXD về Quy hoạch xây dựng. | Đơn vị tư vấn tiếp thu và đã bổ sung tại mục *6.12.5.2. Định hướng phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ* |
| **2.2** | ***Điểm b), trang 515, dòng thứ 13, 14 từ dưới lên:***  “…~~Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 2622:1995 Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế~~; Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN **3890:2009** Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng. *Bổ sung thêm*: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2021/BXD về Quy hoạch xây dựng; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 06:2021/BXD về An toàn cháy cho nhà và công trình. | Đơn vị tư vấn đã ra soát chỉnh sửa |
| **2.3** | ***Điểm c), d) trang 516 dòng thứ 3, 18 từ dưới lên:***  - “… từ máy **điện** thoại cố định…”.  - “…vị trí đường sắt bằng đường bộ. | Đơn vị tư vấn đã ra soát chỉnh sửa |
| **II** | **TỔNG HỢP BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỈNH QUẢNG TRỊ ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050** | |
|  | Đề nghị bổ sung Bản đồ hiện trạng và Bản đồ phương án phát triển hạ tầng PCCC và CNCH tỉnh Quảng Trị | Đơn vị tư vấn đã ra soát và bổ sung vào Mục 12.3.2. Danh mục các dự án ưu tiên từ ngân sách và danh mục thu hút đầu tư cấp tỉnh theo thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện dự án |
|  |  |  |

# VĂN BẢN GÓP Ý CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ

## Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Trị (Văn bản số 949/UBND-TCKH ngày 20/7/2022)

Qua nghiên cứu Dự thảo báo cáo, ƯBND thị xã cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Quy hoạch. Tuy nhiên, có một số nội dung kính đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư quan tâm chỉ đạo đơn vị tư vấn bổ sung, điều chỉnh một số nội dung như sau:

| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- |
| **1** | **Về định hướng phát triển các công trình văn hóa khác (Trang 512)**  **Nội dung:** Thị xã xây dựng công viên Hòa Bình, vị trí tại xã Hải Lệ, diện tích 60,5 ha là ***không đúng.*** Vì khu vực quy hoạch này dự kiến phát triển trở thành khu đô thị cao cấp, trung tâm thương mại với đầy đủ các các tiện ích, quy hoạch đầy đủ hệ thống cây xanh, mặt nước,., đảm bảo theo các chỉ tiêu quy hoạch. Hiểu nội dung ***công viên Hòa Bình ở*** trong “Quy hoạch khu vực phụ cận Thành cổ và công viên Hòa Bình” là một khu đô thị xanh, trong đó người dân được cung cấp đầy đủ các tiện ích xã hội. | Tiếp thu ý kiến góp ý, đơn vị tư vấn đã lược bỏ định hướng xây dựng công viên Hòa Bình, vị trí tại xã Hải Lệ, diện tích 60,5 ha và thay thế bằng định hướng Công viên Hòa Bình thuộc “Quy hoạch khu vực phụ cận Thành Cổ và công viên Hòa Bình” là một khu đô thị xanh, trong đó người dân được cung cấp đầy đủ các tiện ích xã hội.  *(Cụ thể tại mục 3.2.6. Các công trình văn hóa khác – trang 83 trong Nội dung đề xuất văn hóa thể thao và mục 6.12.4.3.2. Các công trình văn hóa khác – trang 516 trong Thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tỉnh Quảng Trị).* |
| **2** | **Về quy hoạch phát triển vùng (Từ trang 570 - 573):**  Nội dung Quy hoạch chưa xác định rõ tính chất, vai trò của đô thị thị xã đóng vai trò là đô thị động lực phát triển khu vực phía Nam của tỉnh. Đề nghị đơn vị tư vấn bồ sung, định hướng rõ hơn để có hướng đầu tư phát triển. | Khu vực phía Nam tỉnh Quảng Trị bao gồm TX. Quảng Trị, huyện Hải Lăng và huyện Triệu Phong. Trong đó động lực phát triển của TX. Quảng Trị là thương mại-dịch vụ, du lịch gắn với di tích Thành cổ Quảng Trị; động lực phát triển của huyện Triệu Phong là kinh tế biển, công nghiệp; động lực phát triển của huyện Hải Lăng là công nghiệp – cảng, du lịch tâm linh. Cả 3 khu vực này hợp lại thành khu vực động lực phát triển của toàn tỉnh Quảng Trị khai thác lợi thế của kinh tế biển, KKT Đông Nam, phát triển du lịch gắn với di tích lịch sử, du lịch tâm linh. |
| **3** | **Về mở rộng không gian phát triển của thị xã Quảng Trị:**  Hiện nay, nội dung quy hoạch tỉnh chưa đề cập rõ định hình phát triển của đô thị thị xã trong trung hạn cũng như dài hạn. Vì vậy, với định hướng xây dựng thị xã Quảng Trị trở thành đô thị loại 3 vào năm 2025, hướng đến đô thị Hòa bình mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVII đã đề ra, kính đề nghị Sở KH- ĐT chỉ đạo đơn vị tư vấn nghiên cứu xác định phạm vị phát triển không gian đô thị thị xã Quảng Trị đảm bảo phù hợp và theo lộ trình từng gian đoạn như: đến năm 2025, đến năm 2030 và định hướng đến 2050 để địa phương có cơ sở đề nghị câp có thâm quyên xem xét, quyết định. Mặt khác, hiện nay thị xã cũng đã đang triên khai xây dựng nhiệm vụ điêu chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị xã giai đoạn 2021- 2030, tâm nhìn 2050, nêu có được phương án phát triển rõ rànpiơn thì thị xã mới có cơ sở để đề xuất các định hướng quy hoạch có tính liên kết với các khu vực phụ cận. | Tư vấn đã đề xuất ưu tiên phát triển các xã giáp ranh giới với thị xã tại huyện Triệu Phong (xã Triệu Thượng, Triệu Thành) và huyện Hải Lăng (xã Hải Phú, Hải Quy, Hải Thượng, Hải Lâm), để có thể tạo điều kiện mở rộng và phát triển thị xã Quảng Trị trở thành đô thị loại III trong tương lai.  Phạm vi mở rộng ranh giới hành chính của thị xã cần phải được nghiên cứu và xác định cụ thể trong các bước quy hoạch tiếp theo. |
|  |  |  |

## Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Linh (Văn bản số 1270/UBND-KTHT ngày 20/7/2022)

Sau khi nghiên cúu, UBND huyện Vĩnh Linh cơ bản nhất trí với nội quy hoạch đã dự thảo, tuy nhiên có một số ý kiến tham gia như sau:

| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- |
| **I** | **Thuyết minh nội dung đề xuất trên địa bàn huyện Vĩnh Linh:** | |
|  | - Tại Bảng 5.12, quy mô cấp đô thị (thị trấn Hồ Xá đến năm 2050 đô thị loại IV không phải loại V); dự báo đến năm 2030: quy mô dân số năm 2020 từ 13.157 người đến năm 2030 là 28.000 người, chưa đến 10 năm mà tăng gấp đôi là không khả thi. | Tiếp thu và điều chỉnh, cụ thể như sau:  - Dự báo quy mô dân số đến năm 2030 là khoảng 18.900 người; đến năm 2050 là khoảng 28.700 người.  - Đến năm 2030 tiếp tục hoàn thiện tiêu chí đô thị loại V. Giai đoạn sau năm 2030, căn cứ vào tình hình phát triển thực tế có thể xem xét nâng lên đô thị loại IV |
|  | - Tại trang 153 (Cửa Tùng) dòng 3 trên xuống (ghi thị trấn Hồ Xá) sửa lại. | Tiếp thu và chỉnh sửa |
|  | - Tại trang 155: Đường huyện bổ sung Đường Phạm Văn Đồng nối dài, đường Đinh Tiên Hoàng nôi đài đên đường ven biên và biên Vĩnh Thái. | Tiếp thu và đã chỉnh sửa  Toàn huyện có khoảng 26 tuyến đường huyện với tổng chiều dài khoảng 225,170km, định hướng phát triển theo quy hoạch của địa phương trong đó ưu tiên đầu tư một số tuyến đường quan trọng như đường Phạm Văn Đồng kéo dài, đường Đinh Tiên Hoàn nối dài đến đường ven biển và biển Vĩnh Thái… |
|  | - Tại trang 160: cấp nước, bổ sung nguồn nước tại sông Ben Hải (đoạn Ben Tắt). | Tiếp thu và đã chỉnh sửa :  Nâng cấp NMN Bến Quan lên công suất 5.000 – 15.000 m3/ngày.đêm; cung cấp nước sạch cho thị trấn Bến Quan, thị trấn Hồ Xá, KCN Tây Bắc Hồ Xá và các xã vùng nông thôn huyện Vĩnh Linh; nguồn nước sông Sa Lung, sông Bến Hải (đoạn Bến Tắt). |
|  | - Tại trang 192 ( Bảng 2.24): bổ sung nhà máy nước Vĩnh Long (nguồn nước lấy từ đập Bảo Đài). | Tiếp thu và đã chỉnh sửa :  Nâng cấp NMN tại xã Vĩnh Long lên công suất 5.000 – 10.000 m3/ngày.đêm, phạm vi cấp nước bao gồm KCN Tây Bắc Hồ Xá và các xã vùng nông thôn huyện Vĩnh Linh, nguồn nước sông Sa Lung, hồ La Ngà, đập Bảo Đài |
| **II** | **Tại thuyết minh tổng hợp quy hoạch tỉnh:** | |
|  | - Tại bảng 5.6. Quy hoạch vùng sản xuất rau tập trung tỉnh Quảng Trị đến năm 2030 (Trang 392, 393).  + Trồng rau củ quả sạch: sửa “xã Vĩnh Trung” thành “xã Trung Nam” và bô sung cột diện tích 1 ha (xã Trung Nam).  + Bổ sung trồng dưa lưới (công nghệ cao): Xã Kim Thạch (Iha);  + Vùng trồng ném (hành tăm): bổ sung thêm xã Hiền Thành. | Đã sửa “xã Vĩnh Trung” thành “xã Trung Nam  Bổ sung trồng dưa lưới (công nghệ cao): Xã Kim Thạch, cùng với các xã khác quy mô 5 ha  Bổ sung xã Hiền Thành phát triển trồng ném. |
|  | - Tại mục 2.7.2.4.1 (trang 97) và mục 2.12 (trang 270) đề nghị điều chỉnh thông tin “cơ sở sản xuất giống thủy sản nước mặn, lợ Cửa Tùng mới chỉ đáp ứng khoảng 5% nhu cầu” . Lý do: Trại sản xuất giống thủy sản mặn, lợ Cửa Tùng đã dừng hoạt động. | Đơn vị Tư vấn đã rà soát, xin tiếp thu ý kiến và đã chỉnh sửa vào trong báo cáo |
|  | - Đề nghị thống nhất số liệu diện tích nuôi trồng thủy sản đến năm 2030 tại mục 5.4.3.1 (trang 416) với mục 7.1.1 (trang 587), mục 7.3.5 (trang 595), mục 7.4.1.7 (trang 599), các bảng 7.4 và bảng 7.5 | Đã rà soát, xin tiếp thu ý kiến và đã chỉnh sửa vào trong báo cáo |
|  | - Tại trang 388: (mục 5.1.1.1. Giai đoạn 2021-2025).  + Xây dựng mới và nâng cấp được 14 cơ sở giết mổ động vật tập trung theo Đề án Quy hoạch xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tỉnh Quảng Trị đến năm 2030, định hướng đến năm 2040 ban hành tại Quyết định số 3158/QĐ- ƯBND ngàỵ 28/12/2018 của ƯBND tỉnh Quảng Trị đưa tỷ trọng gia súc, gia cầm được giết mổ tại cơ sở giết mổ tập trung đạt tương ứng khoảng 60%.  Theo Quyết định số 3158/QĐ-ƯBND ngày 28/12/2018 của ƯBND tỉnh Quảng Trị, huyện Vĩnh Linh dự kiến xây dựng 03 cơ sở giết mổ giết mổ gia súc, gia cầm tại: Thị trấn Cửa Tùng, Thị trấn Ben Quan và xã Vĩnh Lâm, tuy nhiên phương án giai đoạn 2021-2025 chỉ dự kiến xây dựng 01 cơ sở tại thị trấn Cửa Tùng (tùy thuộc vào kinh phí hỗ trợ của các cấp). | Đã cập nhật, bổ sung nội dung cơ sở |
|  | - Tại trang 390 (mục 5.4.1.1.2). Giai đoạn 2025-2030  - Xây dựng mới và nâng cấp được 21 cơ sở giết mo động vật tập trung trên địa bàn toàn tỉnh đưa tỷ trọng gia súc, gia cầm được giết mổ tại cơ sở giết mổ tập trung đạt tương ứng khoảng 95%. (đề nghị bổ sung bảng biểu chi tiết các điểm giết mổ được xây dựng mới và nâng cấp). Riêng huyện Vĩnh Linh giai đoạn này dự kiến xây dựng 01 điểm giết mổ tại xã Vĩnh Lâm. | Bổ sung báo cáo Phương án huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2025-2030 dự kiến xây dựng 01 điểm giết mổ tại xã Vĩnh Lâm. |
|  | - Tại trang 401: (mục 5.4.1.2.3. Xây dựng vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao).  Giai đoạn 2026-2030: Xây dựng vùng nuôi lợn thịt tại xã Trung Nam, đề nghị xem xét lại quỹ đất của xã và giảm quy mô tống đàn nuôi.  Giai đoạn 2026-2030: Xây dựng vùng chăn nuôi bò thịt ở vùng Đông Vĩnh Linh (Vĩnh Tú), quy mô 5.000 con bò quá lớn. | Cân đối diện tích đất và môi trường, không đưa xã Trung Nam vào vùng nuôi lợn thịt tập trung.  Giảm quy mô ở vùng Đông Vĩnh Linh (Vĩnh Tú), quy mô 2.000 con bò thịt |
|  | Tại phần VII: Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo Khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện:  - Bảng 7.3. QH mở rộng, thành lập mới các Cụm công nghiệp đến năm 2030 tỉnh Quảng Trị:  + Điều chỉnh Cụm công nghiệp phía Tây huyện Vĩnh Linh 60 ha thành 30 ha | Đã rà soát, xin tiếp thu ý kiến và đã chỉnh sửa tại Bảng 7.3 |
|  | - Bảng 7.4.2.12. Phương án phân bổ sử dụng đất ở tại nông thôn:  + Điều chỉnh 531,40 ha thành 531,82 ha | Đã rà soát, xin tiếp thu ý kiến và đã chỉnh sửa tại Bảng 7.4.2.12 |
|  | - Bảng 7.5. Cân đối chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 theo đơn vị hành chính cấp huyện:  + Điều chỉnh 50.748,62 thành 51.839,28 ha | Đã rà soát, xin tiếp thu ý kiến và đã chỉnh sửa tại Bảng 7.5 |
|  | - Bảng 7.7. Diện tích đất chuyển mục đích trong quy hoạch trên địa bàn huyện Vĩnh Linh  + Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp điều chỉnh 3.222,17 ha thành 2.131,47 ha | Đã rà soát, xin tiếp thu ý kiến và đã chỉnh sửa tại Bảng 7.7 |
|  | Bảng 7.8. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong quy hoạch trên địa bàn huyện Vĩnh Linh:  + Điều chỉnh 131,42 ha thành 129,04 ha | Đã rà soát, xin tiếp thu ý kiến và đã chỉnh sửa tại Bảng 7.7 |
|  |  |  |

## Ủy ban nhân dân huyện Triệu Phong (Văn bản số 2430/UBND-TH ngày 02/8/2022)

Qua nghiên cứu, UBND huyện tham gia một số nội dung như sau:

| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- |
| **1** | Về Báo cáo hiện trạng KT-XH, QP-AN nên thống nhất ỉấy số liệu năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyên lần thứ XX; Kết luận số 333- KL/HU ngày 20/4/2022 cùa Huyện.ủy và Kế hoạch số 2908/KH-ƯBND ngày 13/8/2022 của UBND huyện về tình hình KT-XH, QP-AN giai đoạn 2016 - 2020 và mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp giai đoạn 2021 - 2025 đã cung cấp cho đom vị tư vấn. | Tiếp thu và chỉnh sửa |
| **2** | Về đơn vị hành chính của huyện Triệu Phong là 17 xã và 01 thị trấn (xã Triệu Thành và xã Triệu Đông đã sáp nhập thành xã Triệu Thành). | Tư vấn thống nhất với nội dung này |
| **3** | Về tổ chức không gian: |  |
|  | - Huyện Triệu Phong có khu vực bờ biển dài gần 17Km, hàng năm chịu ảnh hưởng của nhiều ccm bão từ Biển Đông. Vì vậy, cần thiết duy trì và bô sung hành lang rừng phòng hộ ven biển rộng khoảng 80m - 200m để hạn chế ảnh hưởng của thiên tai. | Nội dung đã được trình bày trong mục 8.6.4. Vùng huyện Triệu Phong của Thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tỉnh Quảng Trị. |
|  | - Đẩy mạnh phát triển đô thị về phía Tây quốc lộ 1A (khu vực xã Triệu Ái) tạo thành những tiểu vùng đô thị đa năng bao gôm các khu đât ở, thương mại, dịch vụ đan xen với khu nông nghiệp đô thị, du lịch, công nghiệp sạch có tính kết nối đồng bộ về hạ tầng vớĩ thành phố Đông Hà. | Nội dung đã được trình bày trong mục 8.6.4. Vùng huyện Triệu Phong của Thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tỉnh Quảng Trị. |
|  | - Về hệ thống giao thông: Bên cạnh việc đầu tư hệ thống giao thông trục dọc cần nghiên cứu bổ sung thêm các tuyến giao thông trục ngang để thuận tiện 'lưu thông hàng hóa và phục vụ dân sinh trên địa bàn huyện. | Hiện nay Quy hoạch đã định hướng phát triển tuyến đường bộ cao tốc kết nối từ Triệu Phong đi Lao Bảo (thay đổi điểm đầu tuyến của tuyến ĐBCT Đông Hà - Lao Bảo); và tuyến đường tỉnh ĐT.579 kéo dài. Như vậy sẽ cơ bản sẽ giải quyết nhu cầu kết nối theo trục ngang. Các định hướng phát triển hệ thống giao thông nội bộ của huyện thực hiện theo quy hoạch của địa phương. |
|  |  |  |

## Ủy ban nhân dân huyện Hải Lăng (Văn bản số 941/UBND-TH ngày 22/7/2022)

Sau khi nghiên cứu, UBND huyện Hải Lăng cơ bản nhất trí đối với Dự thảo Báo cáo cuối kỳ lần 1 Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và xin phép tham gia thêm một số nội dung tại Phương án phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể như sau:

| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- |
| **1** | **Về phát triển Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp** |  |
|  | ***Tại trang 41:*** Sản xuất CN-TTCN đã được quan tâm chú trọng về công tác quy hoạch, thu hút đầu tư, khôi phục, mở rộng ngành nghề.  - Gạch đầu dòng thứ 2 dưới lên: .... *đã hình thành được một số doanh nghiệp tham gia các hoạt động xuất, nhập khẩu quốc tế.* **Đề nghị bổ sung thêm trước đoạn**: Tại Nhà máy Chế biến gỗ và lâm sản thuộc Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quảng Trị: *Nhà máy may xuất khẩu Phong Phú Quảng Trị; Cụm liên hợp Dệt - Nhuộm - May của Công ty TNHH dệt may VTJ...* để minh họa làm rõ thêm. | Đã tiếp thu, bổ sung tại trang 40 trong thuyết minh |
|  | ***Tại trang 45:***  *b. Thực trạng phát triển các cụm công nghiệp (CCN) và khu kinh tế (KKT):* CCN Hải Thượng: tỷ lệ lấp đầy 56,08% %; CCN Hải Chánh: ... tỷ lệ lấp đầy 42,7 %; CCN Diên Sanh: ... tỷ lệ lấp đầy 77,84% | Đã tiếp thu chỉnh sửa tại trang 43 trong thuyết minh |
|  | ***Tại trang 135.***  *- “Khu công nghiệp Quảng Trị, huyện Hải Lăng (VSIP8): KCN có quy mô 481,2ha tại thị trấn Diên Sanh, xã Hải Trường và xã Hải Lâm, huyện Hải Lăng. Tiếp tục kêu gọi đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KCN, tập trung phát triển các ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông sản, đồ uống, sửa chữa máy nông nghiệp và phương tiện giao thông, tiểu thủ công nghiệp, may mặc, dệt may, giày da”.* Kính đề nghị rà soát và nêu đầy đủ 33 ngành công nghiệp ưu tiên thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp Quảng Trị (VSIP) theo nội dung Văn bản số 5065/UBND-CN ngày 05/11/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị *(sao kèm theo).* | Ban chủ nhiệm bảo lưu nội dung. Vì nhiệm vụ của đề án cấp Huyện CHỈ ĐƯA RA ĐỊNH HƯỚNG CHUNG về phát triển KT- XH NÊN NỘI DUNG “rà soát và nêu đầy đủ 33 ngành công nghiệp ưu tiên thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp Quảng Trị -VSIP” là nội dung của Đề án QUY HOẠCH phát triển ngành công nghiệp tỉnh. |
|  | ***Tại trang 137:***  *Giai đoạn 2021- 2025: đề nghị bổ sung và sửa lại như sau:*  - Mở rộng Cụm công nghiệp Hải Chánh thêm 45ha để nâng quy mô diện tích Cụm công nghiệp Hải Chánh lên 75 ha nhằm tạo điều kiện mặt bằng quỹ đất để thu hút các dự án đầu tư.  - Định hướng thành lập mới và quy hoạch thêm 03 Cụm công nghiệp: Cụm CN khu vực ngã 5 các xã Hải Thượng - Hải Hưng (vùng lõi của Khu phức hợp đô thị-công nghiệp-TMDV-Du lịch khu vực ngã 5 Thượng - Hưng), quy mô Cụm không quá 75 ha. Và Cụm CN tiếp giáp tuyến đường tránh và Quốc lộ 15D (phía Tây tuyến đường tránh Quốc lộ và phía Bắc Quốc lộ 15D theo hướng Tây bắc, cách Quốc lộ 1A khoảng 4km) thuộc thị trấn Diên Sanh,quy mô Cụm không quá 75 ha. Có tính đến quỹ đất chuẩn bị cho di dời Cụm CN Diên Sanh đến địa điểm mới đảm bảo xa khu dân cư và hạn chế tối thiểu tác động về mặt môi trường. Triển khai từ giai đoạn 2022-2030.  *Giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050:*  - Định hướng thành lập mới và quy hoạch Cụm công nghiệp Thượng Lâm kết hợp với các nhà máy hiện có, như nhà máy gạch Tuynel Hải Lăng, nhà máy tinh bột sắn khoảng 75 ha đáp ứng nhu cầu thu hút đầu tư phát triển công nghiệp-TTCN trên địa bàn huyện.  - Thành lập mới và quy hoạch Cụm công nghiệp Hải Trường nằm về phía Tây, cách Quốc lộ 1A khoảng 200m, quy mô diện tích khoảng 70 ha.  ***Bổ sung thêm: Thành lập mới và quy hoạch Cụm CN Hải Chánh 2 quy mô không quá 75 ha.*** | Đã tiếp thu, bổ sung trang 135 |
|  | ***Ở trang 138:***  *Đề nghị bỏ các đoạn sau:*  - Cụm công nghiệp Hải Thượng: mở rộng diện tích CCN **lên 25ha** năm 2030 và giữ nguyên diện tích năm 2050 với các ngành chính là công nghiệp tổng hợp đa ngành *(Lý do: giữ nguyên diện tích cụm công nghiệp 25ha như ban đầu, không mở rộng thêm).*  - Cụm công nghiệp Hải Chánh: mở rộng diện tích CCN lên 35ha năm 2030 và giữ nguyên diện tích năm 2050 với các ngành chính là công nghiệp tổng hợp đa ngành. *(Lý do: Trùng lặp với đoạn trên Cụm công nghiệp Hải Chánh thêm 45ha trong giai đoạn 2021-2025).* | Tiếp thu chỉnh sửa |
|  | ***Ở trang 139:*** *Định hướng thu hút đầu tư các Cụm công nghiệp*  *\* Giai đoạn 2021-2025:*  Đề nghị bỏ đoạn sau: *- Dự kiến thành lập và quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp-TTCN Thượng Lâm kết hợp với các nhà máy hiện có như nhà máy gạch Tuynel Hải Thượng, nhà máy tinh bột sắn khoảng 75ha đáp ứng nhu cầu thu hút đầu tư phát triển công nghiệp-TTCN trên địa bàn huyện.* Vì đã đưa vào định hướng giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. | Tiếp thu chỉnh sửa |
| **2** | **Về phát triển Nông nghiệp** | |
| **2.1** | **Về trồng trọt:** | |
|  | ***- Tại trang 35:***  + Đề nghị điều chỉnh sản lượng lạc: Đối với đoạn “ *Cây lạc huyện Hải Lăng giai đoạn 2010-2020 giảm dần từ 623,9 ha năm 2010 xuống còn 373,4 ha năm 2020, cho sản lượng 369,4 tấn. Diện tích lạc giảm do hiệu quả kinh tế không cao, sản xuất chủ yếu thủ công, tốn nhiều công lao động và được chuyển đổi sang trồng các cây rau màu hàng năm khác có giá trị kinh tế cao hơn ”*  Đề nghị điều chỉnh sản lượng lạc năm 2020 theo đúng với số liệu niên giám thống kê là 777 tấn , cụ thể điều chỉnh đoạn trên thành : “Cây lạc huyện Hải Lăng giai đoạn 2010-2020 giảm dần từ 623,9 ha năm 2010 xuống còn 373,4 ha năm 2020, cho sản lượng 777 tấn. Diện tích lạc giảm do hiệu quả kinh tế không cao, sản xuất chủ yếu thủ công, tốn nhiều công lao động và được chuyển đổi sang trồng các cây rau màu hàng năm khác có giá trị kinh tế cao hơn” | Đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục (b) trang 35 |
|  | ***Tại trang 107:*** Đề nghị bổ sung phần khó khăn, cụ thể:  - Bỏ đoạn: *“ Mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại thị trấn với diện tích 2.000m2 dưa lưới hiện đang phát triển tốt, huyện đang chỉ đạo nhân rộng ’’*.  - Bỏ đoạn: *“Cây chè vằng: Được sở KHCN Quảng Trị hô trợ trồng thử nghiệm 3 ha tại vùng đồi xã Hải Phú vào tháng 10/2016, sử dụng hệ thống tưới nhỏ giọt; hiện cây sinh trưởng, phát triển khá tốt ”.*  Lý do: Hiện nay các mô hình này không còn hoạt động. Thay 02 đoạn:  *“- Một số dự án động lực thuộc Khu kinh tế Đông Nam Quảng trị đã làm lễ khởi công, tuy nhiên đến nay chưa triển khai xây dựng theo kế hoạch, lộ trình, gây khó khăn cho công tác quản lý đất đai, quy hoạch, xây dựng.*  *- Chuyển dịch cơ cấu chưa mạnh. Phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung quy mô, ứng dụng công nghệ cao, sản phẩm an toàn chưa nhiều. Thực hiện tích tụ ruộng đất, phát triển cánh đồng lớn còn chậm. Việc liên doanh, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế. Tiềm năng, lợi thế vùng gò đồi, vùng cát chưa được khai thác mạnh mẽ. Xây dựng nông thôn mới một số xã còn thiếu bền vững; công tác chỉnh trang nông thôn thiếu thường xuyên. ”*  Đề nghị điều chỉnh thành: “- Một số dự án động lực thuộc Khu kinh tế Đông Nam Quảng trị đã làm lễ khởi công, tuy nhiên đến nay chưa triển khai xây dựng theo kế hoạch, lộ trình, gây khó khăn cho công tác quản lý đất đai, quy hoạch, xây dựng.  - Chuyển dịch cơ cấu chưa mạnh, quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ. Phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung quy mô, ứng dụng công nghệ cao, sản phẩm an toàn chưa nhiều. Hạ tầng phục vụ sản xuất, cơ sở phơi sấy, bảo quản, chế biến nông sản chưa đáp ứng cho sản xuất. Việc liên doanh, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế. Tiềm năng, lợi thế vùng gò đồi, vùng cát chưa được khai thác mạnh mẽ. Xây dựng nông thôn mới một số xã còn thiếu bền vững; công tác chỉnh trang nông thôn thiếu thường xuyên.” | Đã tiếp thu ý kiến bỏ đoạn này do nội dung nhỏ, không thời sự  Đã tiếp thu ý kiến bỏ đoạn này do nội dung nhỏ, không thời sự  Đã tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa tại trang |
| **2.2** | **Về lâm nghiệp:** | |
|  | Ngày 13/7/2022 UBND có báo cáo số 252/BC-UBND về đăng ký các dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó dự kiến chuyển đổi rừng sang các dự án: Visip, Khu KTĐN Quảng trị và các dự án khác... là hơn 5.110 ha rừng. Kính đề nghị đơn vị tư vấn rà soát, đối chiếu quy hoạch các dự án để bổ sung. | Đơn vị tư vấn sẽ chờ Báo cáo rà soát, đề xuất quy hoạch lâm nghiệp của Quảng Trị tích hợp Quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia. |
| **2.3** | **Về chăn nuôi:** | |
|  | ***Trang 124:*** *Phân bổ phát triển khu vực chăn nuôi tập trung*  - Câu: “Phân bố phát triển các khu vực chăn nuôi tập trung, giá trị hàng hóa cao: tập trung các xã vùng gò đồi *(Hải Chánh, Hải Sơn, Hải Trường, Hải Lâm, Thị trấn DS, Hải Phú, Hải Thượng),* mỗi xã từ 50-100 ha.  Đề nghị sửa thành: Phát triển chăn nuôi tập trung, công nghệ cao tại vùng cát Thiện Đông, Thiện Tây xã Hải Định, vùng cát xã Hải Hưng; các xã vùng gò đồi *(Hải Chánh, Hải Sơn, Hải Trường, Hải Lâm, Thị trấn DS, Hải Phú, Hải Thượng),* mỗi xã từ 50-100 ha. | Đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục (b) trang 124 |
|  | - Câu: *“Phát triển đàn bò tại các xã vùng đồi: Hải Hưng, Hải Ba, Hải Quế, Hải Dương, Hải Lâm, Hải Chánh... ” .*  Đề nghị sửa thành “Phát triển đàn bò tại các xã vùng đồi: Hải Phú, Hải Thượng, Hải Lâm, Hải Chánh, Hải Sơn, Hải Trường” | Đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục (d) trang 125 |
|  | - Câu: *“Vùng chăn nuôi lợn: Hải Phú, Hải Quy, Hải Hưng, Hải Lâm, Hải Khê ”.*  Đề nghị sửa thành: “Vùng chăn nuôi lợn, gia cầm, chăn nuôi tổng hợp: Hải Hưng, Hải Ba, Hải Định, Hải Khê, Hải Thượng, Hải Phú, Hải Lâm, Hải Sơn, Hải Chánh, Hải Trường, Thị Trấn Diên Sanh | Đã tiếp thu, bổ sung tại trang 124 |
|  | - Câu: *Gia cầm vùng bằng, vùng đồi: Hải Phú, Hải Thượng, Hải Hưng, Hải Ba, Hải Lâm, Hải Phong...."”* bỏ câu này vì đã tích hợp vào quy hoạch với vùng chăn nuôi lợn ở trên. | Đã tiếp thu ý kiến |
|  | - Tại Bảng định hướng các vùng nông nghiệp công nghệ cao huyện Hải Lăng đến năm 2030, trang 128: Dòng số 3,4, 5 : Đề nghị bổ sung thêm loại vật nuôi: Gia cầm | Đã bổ sung vào Bảng trang 125 |
| **2.4** | **Về kết cấu hạ tầng:** | |
|  | - Bảng giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng PCTT theo các giai đoạn (trang 181): *Kè bờ tả, hữu sông Thác Ma đoạn Hải Sơn, Hải Chánh (thôn Xuân Lộc, Mỹ Chánh, xã Hải Chánh; thôn Thượng Điền, xã Hải Sơn)*  - Đề nghị bổ sung đoạn qua thôn Tây Chánh - xã Hải Chánh *(gồm 3 làng: Tân Lương, Vực Kè, Lương Sơn),* chiều dài khoảng 2km. | Đã tiếp thu và bổ sung bảng biểu tại trang 176 |
|  | - Bảng giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi theo các giai đoạn (Trang 185):  Đề nghị Bổ sung: Nạo vét hồ Khe Muồng; hồ Khe Chanh và đập Nhà Ngói - xã Hải Chánh. | Đã tiếp thu và bổ sung bảng biểu tại trang 179 |
| **3** | **Định hướng phát triển các điểm thương mại - dịch vụ:** | |
|  | ***Tại trang 146.***  Kính đề nghị bổ sung thêm: Các Khu đô thị - dịch vụ công nghiệp xung quanh dự án VSIP, quy mô khoảng 199 ha. Trong đó: Khu thương mại - dịch vụ thị trấn Diên Sanh 139,8ha (sát đường Quốc lộ 15D); Khu đô thị - dịch vụ và dân cư xã Hải Trường diện tích khoảng 60ha (cạnh Khu tái định cư VSIP, khu vực xã Hải Trường); Khu thương mại - dịch vụ - nhà ở chuyên gia - nhà ở công nhân phục vụ Khu công nghiệp Quảng Trị diện tích khoảng 135 ha (cạnh khu Tái định cư VSIP, khu vực xã Hải Lâm).  ***\* Lý do bổ sung:***  + Căn cứ Thông báo số 264-TB/TU ngày 05/5/2022 của Tỉnh ủy Quảng Trị về thông báo kết quả chuyến kiểm tra thực địa dự án Khu công nghiệp Quảng Trị. Theo đó, Tỉnh ủy Quảng Trị yêu cầu *“chỉ đạo các Sở, ngành liên quan nghiên cứu quy hoạch cac Khu đô thị - dịch vụ công nghiệp xung quanh Khu công nghiệp, đưa vào quy hoạch phát triển huyện và tích hợp vào quy hoạch phát triển của tỉnh.*  + Căn cứ Công văn số 2319/UBND-KT ngày 23/5/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc đẩy nhanh tiến độ triển khai Dự án Khu công nghiệp Quảng Trị (VSIP). Theo đó, UBND tỉnh chỉ đạo *“Về quy hoạch các Khu đô thị - dịch vụ công nghiệp xung quanh Dự án VSIP: Đồng ý chủ trương giao UBND huyện Hải Lăng tổ chức lập quy hoạch. Các Sở, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và các Sở, ban ngành liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ để hướng dẫn, hỗ trợ UBND huyện Hải Lăng nghiên cứu quy hoạch các Khu đô thị - dịch vụ công nghiệp xung quanh Dự án VSIP để đưa vào quyhoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện và tích hợp vào Quy hoạch tỉnh theo đúng quy định ”*;  + Căn cứ Thông báo số 198/TB-UBND ngày 30/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về thông báo Kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Hà Sỹ Đồng về xử lý các vướng mắc liên quan đến Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Quảng Trị và đề xuất dự án đầu tư xây dựng: Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp tại xã Hải Sơn, huyện Hải Lăng. Theo đó, UBND tỉnh chỉ đạo *“Về bố trí quỹ đất xây dựng nhà ở công nhân phục vụ KCN và phương án kết nối với 02 khu tái địnhc cư: Giao UBND huyện Hải Lăng phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, các Sở, ngành liên quan nghiên cứu bố trí địa điểm phù hợp và hướng tuyến đường giao thông kết nối giữa KCN với 02 khu tái định cư ở bước tiếp theo, không làm ảnh hưởng đến tiến độ phê duyệt quy hoạch ”*. Căn cứ Quyết định phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Quảng Trị, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, thì quy mô dân số Khu công nghiệp Quảng Trị từ 17.500 người đến 24.500 người. | Đã tiếp thu, bổ sung tại trang 147 |
| **4** | **Khu vực đô thị:** | |
|  | ***Tại trang 161***  Đề nghị điều chỉnh “Đô thị La Vang” thành “Đô thị mới La Vang”, dự báo dân số cần điều chỉnh cho phù hợp.  ***Lý do:*** Căn cứ Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng đô thị La Vang, huyện Hải Lăng, theo đó đã đổi tên quy hoạch thành: Quy hoạch chung đô thị mới La Vang, huyện Hải Lăng đến năm 2045.  *\* Để thuận lợi và linh hoạt trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch, đề nghị các nội dung quy hoạch theo ngành và không gian lãnh thổ, danh mục dự án ưu tiên nên theo dạnh định hướng mở để có thuận lợi khi điều chỉnh, bổ sung do thực tiên phát sinh mà hiện nay chưa dự báo hết.* | - Theo định hướng, đến năm 2030, đô thị mới La Vang được thành lập trên cơ sở nâng cấp xã Hải Phú (dân số hiện trạng năm 2020 là 4.497 người), được xác định là đô thị phát triển kinh tế dựa trên du lịch tâm linh, tôn giáo tín ngưỡng, không gian phát triển đô thị gắn với khai thác cảnh quan di tích tâm linh Nhà thờ La Vang.  - Dự báo dân số chính thức của đô thị La Vang đến năm 2030 là khoảng 5.500 người – tăng bình quân 2%/năm trong giai đoạn 2020 – 2030. Tổng quy mô dân số của đô thị La Vang (bao gồm dân số chính thức và dân số khác – dân số có sử dụng quỹ nhà ở hoặc chia sẻ thời gian sử dụng nhà ở trong các đơn vị ở…) đến năm 2030 dự báo là 7.700 người – phù hợp với Điều chỉnh Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng đô thị La Vang được phê duyệt tại Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND tỉnh.  - Với sự đầu tư nâng cấp chất lượng đô thị, đô thị La Vang sẽ đủ điều kiện thành phường của Thị xã Hải Lăng sau 2030. |
|  |  |  |

## Ủy ban nhân dân huyện Đakrông (Văn bản số 878/UBND-TH ngày 18/7/2022)

Thực hiện Công văn số 904/SKH-TH ngày 09/5/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến đối với Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. UBND huyện góp ý như sau.

| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- |
| **1** | **Về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2010-2020** | |
| **-** | Mục 1.2.1: Đặc điểm văn hóa, bản sắc: Về di sản văn hóa phi vật thể: có 66 di sản là không đúng | Đã sửa lại là: 51 di sản |
| **-** | Tại Mục 2.1.6: Huy động vốn đầu tư phát triển 1.089 triệu đồng | Đã sửa lại: Huy động vốn đầu tư phát triển 1.079 triệu đồng (theo Báo cáo 475/BC/HU ngày/8/2020) |
| **-** | *Mục 2.2.1.5: thực trạng phát triển ngành lâm nghiệp:* Đề nghị chỉnh sửa lại các số liệu công bố hiện trạng rừng năm 2020 tỉnh quảng Trị theo Văn bản số:1961/UBND-TH ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc thống nhất kết quả rà soát, điều chỉnh ba loại rừng trên địa bàn tỉnh. | Báo cáo từ đầu đã lấy số liệu theo Công văn số 1961/UBND-TH, tuy nhiên theo bản phụ lục của Công văn, trang đầu lại là Phụ lục 2 (Điều chỉnh QH), mà trang 2 là phụ lục 1 (Hiện trạng) (bị dấu đóng vào không rõ) nên đã góp ý nhầm |
| **-** | *Mục 2.2.2.1: Thực trạng hoạt động và phát triển sản xuất công nghiệp tại địa phương:* |  |
| **+** | *Tốc độ tăng trưởng bình quân GTSX ngành công nghiệp giai đoạn 2016-2020 là 21,54%).* Việc đưa số liệu này là chưa chính xác vì đây là số liệu đánh giá GTSX của cả ngành Công nghiệp và ngành xây dựng (21,45% chứ không phải là 21,54%). Còn GTSX bình quân giai đoạn 2016-2020 của riêng ngành công nghiệp là 31,71%. | Đã sửa lấy đúng số liệu đúng là 31,71%, |
| **+** | *Đóng góp của ngành công nghiệp vào tăng trưởng toàn nền kinh tế huyện giai đoạn 2016-2020 là 20,17%* là chưa chính xác | *Đã sửa lấy số mới là 26,45%* |
| **+** | *Quy mô công nghiệp Đakrông khá nhỏ, nhưng có xu hướng tăng dần qua các năm: năm 2020 GTSX (giá hiện hành) đạt 408,5 tỷ đồng gấp 2,08 lần năm 2015). Tuy nhiên, cần lấy theo giá so sánh 2010* | *Phương án đã dùng giá 2010 để so sánh tốc độ* |
| *+* | *Đề nghị lấy GTSX theo giá so sánh năm 2010 và viết lại số liệu như sau: năm 2020 GTSX (giá so sánh) đạt khoảng 300 tỷ đồng tăng gấp 3,96 lần so với năm 2015* | *Để so sánh quy mô đề án đã dùng giá HH .* |
| *+* | *Về cơ cấu, phân ngành công nghiệp chiếm tỉ trọng cao nhất tại huyện Đakrông là công nghiệp chế biến với tỷ trọng 60,15%. Các lĩnh vực công nghiệp khai thác và công nghiệp sản xuất phân phối điện, khí đốt và nước chỉ chiếm tỉ trọng khoảng 39,85% năm 2020. Trong giai đoạn 2011-2020, tốc độ tăng trưởng của lĩnh vực công nghiệp chế biến đạt 15,73%/năm, đặc biệt giai đoạn 2016-2020 đạt 19,70%/năm.* | *Đã chỉnh sửa lại:* Năm 2020: Tỷ trọng các ngành công nghiệp của huyện cụ thể như sau: Công nghiệp phân phối và sản xuất điện chiếm tỷ trọng lớn nhất là 59,19%; kế tiếp mới là Công nghiệp chế biến 39,34%, Công nghiệp khai thác: 0,99% và Công nghiệp cấp nước hoạt động quản lý và xử dụng rác thải là 0,48% |
|  | *Đánh giá tỷ trọng công nghiệp chế biến cao nhất là không đúng vì ngành nhỏ hơn nhiều so với Công nghiệp phân phối và sản xuất điện. Và trên địa bàn huyện không có ngành công nghiệp (Khí đốt).* | *Đã đánh giá lại* |
| + | *Mục 2.2.3.1: Dịch vụ thương mại: Giá trị sản xuất năm 2020 đạt 305 tỷ đồng tăng gấp 2 lần so với năm 2015, tốc độ tăng trưởng ngành bình quân hàng năm đạt 14,79%* | *Đã sửa lại: Giá trị sản xuất năm 2020 (theo giá so sánh) đạt 305 tỷ đồng tăng gấp 2 lần so với năm 2015, tốc độ tăng trưởng ngành bình quân hàng năm giai đoạn 2016-2020 đạt 14,79%* |
| + | *Giá trị sản xuất năm 2020 đạt 305 tỷ đồng tăng gấp 2 lần so với năm 2015, tốc độ tăng trưởng ngành bình quân hàng năm đạt 14,79% là chưa đầy đủ* | *Phương án sửa lại: Giá trị sản xuất năm 2020 (theo giá so sánh) đạt 305 tỷ đồng tăng gấp 2 lần so với năm 2015, tốc độ tăng trưởng ngành bình quân hàng năm giai đoạn 2016-2020 đạt 14,79%* |
| + | Sửa lại cụm từ “khu kinh tế cửa khẩu La Lay, khu nước khoáng Đakrông,...” | Đã sửa lại: Cửa khẩu quốc tế La Lay và Khu du lịch sinh thái suối nước nóng Klu, xã Đakrông |
| + | Toàn huyện có 05 cửa hàng bán lẻ xăng dầu | Đã sửa lại: Toàn huyện có 06 cửa hàng bán lẻ xăng dầu |
| - | *Mục 2.6.1.1: hệ thống giao thông đường bộ* |  |
| + | Điều chỉnh chiều dài đường xã từ 41,3km lên 48,6km (Tổng 20 tuyến). | Đường xã: 48,6 km (tổng có 20 tuyến). Trong số đó có 47,027 km đường xã có kết cấu mặt bê tông xi măng, 1,077 km láng nhựa. Còn lại khoảng 0,5km (Tà Lang – Tân Trà) có kết cấu mặt cấp phối. |
| + | Công trình: Đường liên thôn Pa Linh - A Sau xã A Vao đã được bê tông hóa nên đánh giá công trình này chất lượng xấu là chưa đúng hiện trạng. | Số liệu thống kê Huyện cấp cũng đang đánh giá và thực tế đường Liên thông Pa Linh – A Sau ở mức độ D\_Xấu). |
| + | Tại phần đánh giá hiện trạng mạng lưới giao thông trên địa bàn huyện:  - Đánh giá mật độ giao thông  - Mục đường giao thông nông thôn cần nêu rõ thêm chiều dài các loại đường nội thị, đường ngõ xóm, đường nội đồng;  - Đánh giá tỷ lệ kết cầu các loại mặt đường; mật độ đường so với diện tích tự nhiên, so với dân số. | Đã đánh giá thêm:  - Mật độ đường huyện trên diện tích tự nhiên đạt 0.105 km/km2 tương đương với huyện Cam Lộ (0.10 km/km2) và thấp hơn so với huyện Hướng Hóa (0.16 km/km2). Trong số đó có 8,7km đường huyện có mặt đường kết cấu cấp phối. Còn lại hầu hết đã được trải nhựa hoặc bê tông xi măng.  - Để đảm bảo tính linh hoạt trong triển khai thực hiện quy hoạch, phạm vi đề xuất đối với mạng lưới giao thông Huyện tích hợp vào phương án phát triển giao thông Tỉnh để trình TTg CP phê duyệt sẽ bao gồm hệ thống QL, ĐT, và một số định hướng chung cho tuyến liên huyện hoặc trục đô thị quan trọng. Do đó, các tuyến giao thông liên thôn, liên xã sẽ không được đề cập trong quy hoạch này. |
|  | Đánh giá thêm chiều dài đường nội thị; | Như đã giải trình ở trên, các nội dung chi tiết kiến nghị không xem xét trong quy hoạch tổng thể này |
|  | *Mục 2.6.3.1: Mục b: cấp nước nông thôn – thuộc* Đề nghị thống nhất cách đánh giá tỷ lệ sử dụng nước hợp vệ sinh nông thôn là 80% hay 82% | Theo Bộ chỉ số theo dõi- đánh giá nước sạch nông thôn tỉnh Quảng Trị năm 2021, ban hành tháng 2-2022 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn thì Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh của huyện đạt 86,01%. |
|  | *2.6.4.1.1. Tình hình sạt lở vùng vúi :* đánh giá sát tình hình sạt lỡ trên địa bàn huyện ảnh hưởng đến khu dân cư | Đã cập nhật cập nhật tình hình sạt lỡ trên địa bàn huyện ảnh hưởng đến các điểm dân cư, bờ sông, |
|  | *Mục 2.6.4.2.1: Hiện trạng công trình cấp nước nông nghiệp:* Đơn vị chưa đánh giá đúng hiện trạng, diện tích tưới của các công trình. | Đã đánh giá lại hiện trạng, diện tích tưới của các công trình thủy lợi |
|  | *Mục 2.7.4: Hiện trạng sử dụng đất:* Lấy số liệu theo *văn bản số:1961/UBND-TH ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc thống nhất kết quả rà soát, điều chỉnh ba loại rừng trên địa bàn tỉnh* | Nội dung này thuộc về Số liệu của ngành tài nguyên môi trường, nên khác với số liệu của ngành lâm nghiệp, mỗi ngành có khái niệm khác nhau. Số liệu rừng đã được phân tích tại mục sản xuất lâm nghiệp |
| **2** | **Về định hướng phát triển kinh tế huyện giai đoạn 2021-2030** | |
|  | *Mục 4.1.2.2: Đính hướng phát triển kinh tế vùng trọng điểm và ngành lĩnh vực chủ lực đến năm 2030* | Đã bổ sung thêm Mục c: Phát triển thương mại dịch vụ: Phát triển khu vực Tà Rụt gắn với Khu kinh tế cửa khẩu La Lay |
| - | *Mục 4.1.2.4: phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội* | Đã bổ sung ý: Đầu tư nâng cấp và xây dựng mới các công trình cấp nước sạch nông thôn |
| - | *Mục 4.2.1.4: Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất:* Bổ sung: Đất nông nghiệp khác khoảng 464 ha (cụ thể: Hướng Hiệp 216 ha, Ba Lòng 150 ha, các xã còn lại khoảng 10 ha để thực hiện Đề án phát triển chăn nuôi giai đoạn 2022-2025, định hướng đến 2030). | Đã bổ sung diện tích chăn nuôi công nghệ cao 339 ha (Hướng HIệp 216 ha, Ba Lòng 123 ha) và đất phát triển trang trại: Hướng HIệp 50 ha, Ba Lòng 25 ha, Ba Nang 30 ha, A Ngo 30 ha, các xã còn lại khoảng 25 ha.... với tổng diện tích là gần 500 ha. |
|  |  |  |
| - | *Mục 4.2.2.3: phương án phát triển các lĩnh vực:* Mục a: Lĩnh vực phát triển trồng trọt: Diện tích lúa đến năm 2025 là 1.900 - 2000 ha và tăng diện tích lúa nước đạt trên 1000 ha là không có cơ sở; lý do ngày nay do biến đổi khí hậu nguồn nước trên các sông suối bị giảm hàng năm phải chuyển đổi diện tích trồng lúa thiếu nước sang cây trồng cạn nên diện tích trồng lúa nước giảm | Đến năm 2025 diện tích canh tác lúa gần 1.900ha, đảm bảo an ninh lương thực. Duy trì diện tích canh tác trồng lúa nước đạt gần 1.000 ha năm 2030 |
| - | Mục 4.2.2.3 Tại bảng 30 có nêu sản lượng lương thực có hạt đến năm 2025 là 9.958 tấn. Đề nghị điều chỉnh lên 10.500 tấn *(chỉ tiêu Nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện là 10.500 tấn)* | Quy hoạch sẽ không đưa sản lượng cụ thể, vì không phải là quy hoạch ngành hàng |
| + | Mục b: Phương án phát triển lĩnh vực chăn nuôi: Bổ sung: Các điểm giết mổ tập trung trên địa bàn huyện, dự kiến các xã Tà Rụt, Thị trấn | Đã bổ sung 2 điểm giết mổ tập trung |
| - | 4.2.6.5.2 Phương án phát triển Thủy lợi (Bảng 42) Xây dựng 10 công trình, trong khi đó diện tích đất trồng lúa nước không tăng nên không mở rộng dt, chỉ sửa chữa 10 công trình, tưới cho sấp xỷ 500 ha? | Đã chỉnh sửa trong Báo cáo, tại bảng 40, chủ yếu duy tu, nâng cấp sửa chữa các công trình thủy lợi hiện có; |
|  | Bảng 43: đất xây dựng các công trình thủy lợi huyện Đakrông đến năm 2030 đề nghị điều chỉnh lại: đất xây dựng các công trình hạ tầng huyện Đakrông đến năm 2030. Lý do: trong bảng có các công trình cấp nước, kè, thủy lợi, trạm thu gom nước thải, nhà máy cấp nước. | Đã bỏ bảng này vì không phù hợp |
|  | Bảng 46: Nhu cầu sử dụng đất phát triển các khu di tích lịch sử - văn hóa huyện Đakrông đến năm 2030: Còn thiếu 3 di sản đã được xếp hạng cấp tỉnh | Đã bổ sung 03 công trình:  + Cổng Làng Tân Trà – xã Ba Lòng – diện tích 0,05 ha  + Đồi Động Cho – xã Đakrông – diện tích 0,1 ha  + Bến suối Trà Lao – xã Ba Lòng – diện tích 0,1 ha |
|  | *Tại trang 133 (Mục đường huyện – thuộc mục 4.2.6.1)*  Có câu: “trong đó ưu tiên đầu tư nâng cấp 5 tuyến với tổng chiều dài khoảng 28km có chất lượng khai thác rất xấu”  Đề nghị: Điều chỉnh lại cho đúng phần hiện trạng được đánh giá tại Bảng 13 (trang 54): Bảng tổng hợp hệ thống đường cấp huyện huyện Đakrông 2020.  Đánh giá Xấu là 03 tuyến đường cấp D với tổng chiều dài 18,05km, Rất xấu 01 tuyến đường cấp E với tổng chiều dài là 4km. Như vậy, số liệu 2 bên không đồng nhất, vì vậy nên cần nói rõ đầu tư nâng cấp 05 tuyến là những tuyến đường nào? | Đã sửa và cụ thể: Trong đó ưu tiên đầu tư nâng cấp 4 tuyến với tổng chiều dài khoảng 22,05km có chất lượng khai thác xấu (ĐH.71; ĐH.80; ĐH.76; ĐH.75). |

## Ủy ban nhân dân huyện Gio Linh (Văn bản số 1152/UBND-TH ngày 22/8/2022)

Thực hiện Công văn số 904/SKH-TH ngày 09/5/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến đối với Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Ngày 18/5/2022 UBND huyện Gio Linh có văn bản số 641/UBND-TH gửi Sở Kế hoạch và đâu tư tỉnh Quảng Trị về việc tham gia ý kiến đối với Báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ.

Sau khi tiếp tục nghiên cứu thêm về nội dung Báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, UBND huyện Gio Linh tham gia ý kiến lần 2 với những nội dung như sau:

| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- |
| **I** | **Đề nghị bổ sung các nội dung** | |
| 1. | Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030: Đề nghị kiểm tra, rà soát lại quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Gio Linh đã được phê duyệt tại Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị và Thông báo số 2357/TB-STNMT của Sở Tài nguyện và môi trường tỉnh về kết quả thầm định điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Gio Linh; Cập nhật số liệu vào đồ án Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. | Quy hoạch sử dụng đất của huyện Gio Linh đã được UBND tỉnh phê duyệt ngày 31/8/2021, tuy nhiên đến ngày 09/3/2022 Chỉnh phủ mới có quyết định 326/QĐ-TTg phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cho các tỉnh vì vậy phương án sử dụng đất của các huyện đã lập sau này sẽ phải điều chỉnh theo chỉ tiêu phân bổ mới của tỉnh (đã được thống nhất sơ bộ với Sở TNMT về chỉ tiêu phân bổ cho các huyện, TP để xin thẩm định, phê duyệt) sau khi Thủ tướng phê duyệt Quy hoạch tỉnh các địa phương sẽ điều chỉnh lại quy hoạch sử dụng đất cấp huyện theo QĐ của Thủ tướng. |
| 2 | Không bố trí nuôi thủy sản mặn lợ trên vùng cát ven biển: Theo định hướng huyện Gio Linh sẽ phát triển đô thị biển và thương mại dịch vụ dọc theo nên việc bố trí nuôi thủy sản trên vùng cát ven biển sẽ ảnh hưởng đến môi trường đô thị và kinh doanh dịch vụ | Trong đồ án Quy hoạch không bố trí nuôi trồng thủy sản mặn lợ trên vùng cát ven biển của huyện. |
| 3 | Phát triển đô thị sân bay kết hợp xây dựng trung tâm logistic tại huyện Gio Linh: Sân bay là đầu mối có khả năng kết nối giao thông tốt với tốc độ cao và thu hút đầu tư phát triển kinh tế, xuất khẩu, du lịch. Nhờ phát triển song song cả về kinh tế lẫn đô thị, những nơi gần sân bay cũng là đích đến của các doanh nghiệp và luôn thu hút người lao động đến làm việc, mặt khác các doanh nghiệp lớn, quy mô đa quốc gia thường chọn địa điểm gần sân bay để đặt trụ sở. Huyện Gio Linh định hướng phát triển đô thị sân bay kết hợp xây dựng trung tâm logistic tại vị trí từ bắc đường QL9 đến đường 73 đông (khu vực tiếp giáp với sân bay, thuộc địa phận xã Gio Quang) | Các nội dung Phát triển đô thị sân bay kết hợp xây dựng trung tâm logistic tại huyện Gio Linh này đã được định hướng quanh khu vực sân bay Gio Linh, nội dung trên không hình thành một đô thị riêng mà là một phần trong đô thị Cửa Việt và sẽ được nghiên cứu chi tiết hơn trong các giai đoạn đồ án sau |
| **II** | **Đề nghị điều chỉnh các nội dung***:* | |
|  | 2.1. Khu vực đô thị huyện Gio Linh  a. Theo dự thảo Quy hoạch tỉnh  \* Phân loại đô thị thị trấn Gio Linh  - Đến 2030: Duy trì hoàn thiện đô thị loại V, nâng cao chất lượng đô thị.  - Đến năm 2050: Duy trì hoàn thiện đô thị loại V, nâng cao chất lượng đô thị.  \* Phân loại đô thị thị trấn Cửa Việt:  - Đến năm 2030: Duy trì hoàn thiện đô thị loại V, mở rộng đô thị thêm 3 xã Gio Việt, Gio Mai, Gio Hải. Tổng diện tích sau khi mở rộng là : 5.083 ha.  - Đến năm 2050: nâng cấp đô thị Cửa Việt đạt tiêu chí đô thị loại IV.  b. Kiến nghị, đề xuất của UBND huyện Gio Linh:  Căn cứ quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng về phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị giai đoạn 2021 – 2030, định hướng thị trấn Gio Linh và Cửa Việt đến năm 2030 đạt các tiêu chí đô thị loại IV; do đó đề nghị điều chỉnh lại:  - Phương án phát triển thị trấn Gio Linh: Mở rộng đô thị về phía Đông Gio Linh (gồm một phần xã Gio Mỹ, xã Gio Mai, xã Gio Châu) để đạt đô thị loại IV đến năm 2050 đảm bảo về diện tích và quy mô dân số.  - Phương án phát triển thị trấn Cửa Việt: Phát triển thị trấn Cửa Việt thành Đô thị biển; Mở rộng đô thị thêm một phần 03 xã là “Gio Việt, Gio Hải, Trung Giang” để đạt đô thị loại IV đảm bảo về diện tích và quy mô dân số | Nhận xét: Theo quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng về phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị giai đoạn 2021 – 2030, định hướng thị trấn Gio Linh và Cửa Việt đến năm 2030 đạt các tiêu chí đô thị loại IV với quy mô dân số toàn đô thị tối thiểu đạt 50.000 người và quy mô diện tích trên 14 km2. Mục tiêu này chỉ có thể đạt được khi mở rộng ranh giới hành chính của thị trấn. Tuy nhiên việc mở rộng này cũng sẽ gặp nhiều khó khăn và không khả thi do quy mô dân số của các xã này cũng nhỏ, tốc độ tăng dân số trung bình của huyện còn thấp (giai đoạn 2010 – 2020 là 0,37%/năm). |
|  |  |  |

1. - Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020-2025;

   * Kế hoạch hành động triển khai Chương trình hành động số 21-CTHĐ/TU ngày 13/8/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVII ban hành kem theo Quyết định số 2818/QĐ-UBND của UBND tỉnh;
   * Nghị quyết 91/NQ-HĐND ngày 16/07/2021 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển KTXH 5 năm 2021-2025

   [↑](#footnote-ref-1)
2. Cụ thể yêu cầu về quỹ đất: (i) Đất trồng lúa: Đảm bảo canh tác 2 vụ: 50.000ha; (ii) Lâm nghiệp: 300.000ha, trong đó rừng phòng hộ 220.000 ha; rừng nguyên liệu sản xuất: 80.000ha; (iii) Thủy hải sản: 4.000ha, trong đó: Thủy hải sản trên đất liền 3.500ha; thủy sản ven biển 500ha; (iv) Đất trồng cây dài ngày 80.000ha; (v) Đất trồng cà phê (Hướng Hóa) 5.000 ha; bổ sung số liệu đất chăn nuôi [↑](#footnote-ref-2)